ĐÀO-TRINH-NHẤT

TRỢ-BÚT BÁO TRUNG-HÒA

THẾ-LỰC KHÁCH-TRÚ VÀ VẤN-ĐỀ DI DÂN VÀO NAM-KỲ

NGUYỄN-ĐÌNH-PHẨM, Éditeur

Sách bán lấy một phần ba giúp đồng bào bị nạn lụt và bão ở hai xứ Trung, Bắc-Kỳ

HANOI

IN TẠI NHÀ IN THỤY-KÝ

96, Phố hàng Gai, 98

1924

In lần thứ nhất

Mỗi cuốn : 1$00.

THẾ-LỰC KHÁCH-TRÚ VÀ
VẤN-ĐỀ DI DÂN VÀO NAM-KỲ

Aux Compatriotes

/ictimes de l'inondation, de la sécheresse et du chômage, etc. . . .

Ông Nguyễn-Đình-Phầm, chủ nhà Yến-Mỹ

Hanoi

Ông Nguyễn-Đình-Phầm.

Chắc ông cũng vui lòng nhận mấy lời trong bức thư này mà tôi đề lên trên trang đầu quyển sách của tôi, tức là đề cảm ơn ông vậy.

Ông với tôi thủa nhỏ là bạn học một trường, có tình chí thiết, đến sau ra đời, mỗi người đi một ngả : ông thì giọc ngang trên đàn thực-nghiệp, như có ngày nay, tôi thì lênh đênh mãi trên bể văn-chương, chưa biết đâu là bờ bến. Tôi vẫn lấy việc trước-thuật là nghề-nghiệp mà cũng là phận-sự của mình, thường ngỏ ý ấy cùng ông ; ông nói rằng : « Quốc-văn trong lúc này đang cần có nhiều tay thợ khéo để xây dựng lên, những trước-thuật gì có bổ ích cho đời hãy nên làm, chớ có xuất bản những sách văn thơ nhảm nhí, tiểu-thuyết dâm bôn, mà rắc độc ra trong xã hội đó! » Ý tôi vốn nghĩ như thế, lại được ông khuyến-khích thêm, thành ra tôi khái nhiên, không chiều tâm-lý của người đời, cùng là khuynh-hướng của xã-hội, mà mạnh bạo xuất bản quyển sách này vậy.

Ông là người có thịnh-danh trong thương-trường, lại cũng có thịnh-danh trong việc từ thiện công-ích nữa ; nhiều người biết ông đã từng mở đường cho trong làng, lấy chỗ đi lại, đã từng đào cừ cho dân trong vùng ông tránh nạn tiêu-khô, lại đã từng lập một trường học, ở trong hàng tổng, cho con em có chỗ học

sự-nghiệp ấy của ông không cần gì tôi phải tán dương mới có người biết, duy chỉ cảm vì ông là một nhà thực-nghiệp, mà nền quốc văn trong buổi bấp-bênh này, ông cũng lấy công-phu khuyến khích, giúp đỡ vào công-việc bồi đắp cho thành, tuy kết quả sau này chưa ai biết đâu, nhưng một chỗ đó, đủ biết ông cũng có tâm địa đáng khen lắm.

Phương chi tôi viết quyển sách này, bàn về một vấn-đề kinh-tế trong nước ta thì ông cũng lấy tri-thức chuyên-trường về thương-nghiệp, mà góp nhặt cho tôi được nhiều tài liệu tốt, mách bảo cho tôi lấy nhiều ý kiến hay, mà nên một sự-nghiệp nhỏ mọn này, có thể nói là do ở công-phu chung của đôi ta mà ra được. Tôi cảm ơn ông trong bức thư này là vì thế.

Quyển sách này ra đời, nếu như có được một vài ý-kiến nào khả thủ, có ích cho đồng-bào, mà được bạn tri-thức trong nước khen, thì tiếng khen ấy tôi với ông cùng hưởng ; nếu như là ý-kiến chưa nhầm, nghị-luận chưa xác, mà phải có người chê, thì tiếng chê ấy, tôi với ông ta cùng chịu. Nhưng thiết nghĩ ở đời, ta làm việc gì cứ mạnh-bạo mà làm, miễn là biết đến xã-hội và không phụ lương-tâm thì thôi, cái tiếng khen chê, chẳng lấy gì làm quan-hệ cho ta lắm. Có phải chăng, ông ?

Hanoi, ngày 1er Novembre 1924

ĐÀO-TRINH-NHẤT

ĐẠI-Ý QUYỂN SÁCH NÀY.

Xứ Nam-kỳ tức là một cuống họng của ta, đối với trong là một kho tàng to, quay ra ngoài là một thị-trường lớn, công phu cha ông khai thác mấy trăm năm, mới có ngày nay, để cho con cháu làm của gia-tài, đáng lẽ ta không nên để cho ai phạm vào quyền-lợi ấy của ta mới phải.

Thế mà bị 20 vạn người Tầu là một dân-tộc có tài thực dân, kéo nhau sang hạ cái thủ-đoạn kiếp-lược dần dần, bây giờ nghiễm nhiên làm ông chủ-nhân trong trường thương-mại công-nghệ của ta, thôi thì trên bến dưới thuyền, thượng vàng hạ cám, nhất thiết lợi-quyền đều vào tay họ lũng đoạn hết, ta cam tâm để họ đè nén : khó nhọc ta gánh, miếng ngon họ ăn, bao nhiêu lâu nay, ta chịu mãi cái nỗi « cường tân áp chủ » như thế. Ôi ! vận-mạng của ta ở xứ Nam-kỳ, tương lai của ta ở xứ Nam-kỳ, không có lẽ ta cứ điềm nhiên để họ kiếp-lược chiếm-cứ ta như vậy mãi được, chắc phải tìm cách nào tước bớt cái thế-lực họ đi, và thu lại những mối lợi mà mình có quyền chính-đáng được hưởng mới được. Song le, muốn tước bớt cái thế-lực họ đi mà thu lại những mối lợi mà mình có quyền chính-đáng được hưởng, thì phải làm thế nào? Quyết không phải chỉ cau mày trợn mắt, làm truyện như « tẩy chay » năm nào, mà thành công được đâu! Vì phải xét họ gây được cái thế-lực to lớn vững vàng ở Nam-kỳ như ngày nay, nào là di dân, nào là bỏ vốn, nào là tốn sức nhọc lòng, nào là mở mang xếp đặt, công phu tích lũy đã mấy thế-kỷ nay rồi, thì tất không phải là thế-lực mà đụng chạm vào là làm nghiêng đổ ngay được. a bây giờ muốn đi đánh lui một toán đại-địch trong thương-trường ấy, không nó, gì là phải phí trí-lực, phải phí thì giờ, mà trong khí-cụ cần dùng thì xứ Nam-kỳ ta thiếu hẳn một thứ, là nhân-công, tức là một khí-cụ cần nhất trong trường kinh-tế chiến-tranh vậy.

Nam-kỳ thiếu nhân-công thật, còn non hai triệu mẫu đất hoang bỏ chưa khai khẩn, bao nhiêu nguyên liệu vật-sản, bỏ chưa đem dùng, đến ngay tiện nghệ khổ công, cũng không có người làm, nhất thiết công-nghệ buôn bán gì, đều vào tay Hoa-kiều hết, cũng chỉ vì không có người làm, bởi vậy, bây giờ nói việc mở mang xứ Nam-kỳ, tức là cách phá cái thế-lực Hoa-kiều, mưu cuộc phú- cường nay mai, thì nhân-công chính là một tài-liệu mà xứ Nam-kỳ đang phải cần đến lắm.

Nhân-công ấy lấy ở đâu ra được? Người Trung, Bắc-kỳ cất tiếng lên mà đáp rằng: « Tôi đây ! »

Thật ra, cái hiện-tình sinh hoạt của dân hai xứ ngoài này đã thấy chen chúc, khổ sở lắm : rừng núi tứ tung, địa thế chật hẹp, nhân-số ngày một đông thêm, mà mọi nghề nghiệp chưa được rộng rãi, dân không đủ làm ; ruộng đất hầu đã vỡ hết, nhưng nghề canh nông thật gian nan, mùa thường bị mất; nói tóm lại mọi công việc làm ăn, tuy đã mở mang ra nhiều, nhưng so sánh với số dân, không được tương đương, cho nên bọn dân lam lũ khốn cùng, không nghề không nghiệp, hãy còn nhiều lắm. Lại thêm một nỗi, thường bị nhiều cái tai vạ bất kỳ, thí dụ như mưa tràn nước lụt, thì dân tình càng thấy khổ già : ruộng vườn ngập hết, nhà cửa trôi băng, ở không có nơi, ăn không có miếng, bấy giờ cha con vợ chồng giắt díu nhau đi bơ vơ kiếm ăn, trông tình cảnh rất là ái ngại, dù có hưng-công, dù có phát chẩn, đều là cách tạm thời, chẳng có hiệu quả gì chắc chắn cả. Xét lại thì hai xứ này, đường sinh-hoạt hẹp mà số sản-dục ngày tăng, e rồi có cái vạ nhân-mãn, chẳng đáng lo cho cuộc tiến-hóa lắm ư ? Ta phải đi bớt đi mới được.

Có người nói sao người Bắc-kỳ không lên mạn ngược mà khẩn hoang, người Trung-kỳ không vào miền Mọi mà doanh-nghiệp, nhưng không biết đâu sự-lý đã đành, mà tình thế lại khác, mạn ngược thì khí hậu không lành, nên đối với việc làm ăn hơi khó, miền Mọi tuy nguồn lợi vốn sẵn, nhưng luật cấm không cho vào; vả chăng hai chỗ ấy cũng chẳng lợi-dụng được hết nhân-công

Trung, Bắc-kỳ, như thế thì bảo lên những chỗ ấy mà thực dân, là một điều chẳng xong rồi, tất phải di đi một nơi khác.

Di đi ngoại quốc chăng? Không, trường hành-động trong nước ta còn có chỗ rộng thênh thang, cần gì phải đi đâu xa xôi, cho cực khổ. Trong khi ngoài Trung, Bắc-kỳ đông người, muốn di đi như vậy, thì trong Nam-kỳ đang cần nhân-công, vậy thì di ngay vào Nam-kỳ chẳng cũng phải là một việc hợp thời, một việc nên làm, một việc có lợi hơn hay sao?

Vấn-đề di dân vào Nam-kỳ, bởi đó mà xuất-hiện ra vậy.

Vấn đề này, xuất-hiện đã lâu, không những gì là dư-luận của phần đông người, mà lại là một nghị-án của chính-phủ, thế mà bản thể-lệ nọ thảo ra, vẫn xếp só ở ngăn bàn, lời thỉnh-cầu kia đệ lên, rồi nằm vò trong sọt giấy, một việc đáng lẽ phải thực-hành từ bao giờ, mà đến nay chẳng thấy gì cả; hoặc bảo là chưa tiện đường giao-thông, phải chờ bao giờ xong con đường Đông pháp thiết-lộ (Le Transindochinois) đã, hoặc bảo lo nắng thì đã có máng nước, giữ lụt thì đã có đê-điều, cứ ở nhà mà cày cấy làm ăn, cần gì phải đi đâu vội, thành ra dân còn loanh-quanh nấn ná trong khu đất chật hẹp khốn nạn của mình, giơ lưng ra mà đỡ lấy tai vạ lụt lội đói kém hằng năm; cái sức gánh vác lâu nay, nghe chừng đã bì quyện lắm rồi, thế thì việc di dân chẳng thực hành ngay đi, còn đợi đến bao giờ nữa.

Duy có điều việc di dân, chưa đến lúc phải là một vấn-đề thuộc về quyền chính-trị, thì còn có nhiều nỗi khó khăn, ngăn trở sự tiến-hành: từ khi ra đi cho đến lúc vào tới nơi, ăn ở thế nào cho hợp vệ-sinh, làm việc thế nào cho xứng tài-năng, sinh-mệnh lấy gì chở che, lữ-huống lấy gì an ủi, toàn là những việc khó nói, mà bấy lâu dư-luận bàn mãi chưa xong, cho nên ta phải xin Chính-phủ tán-thành mà giúp đỡ cho mới được. Vả chăng, Nam-kỳ chẳng phải là xứ toàn là đất hoang rừng rậm, phố vắng đường không, mà nay cần đem nhân-công Trung, Bắc-kỳ

chỉ để rẫy cỏ phá rừng, mở xưởng lập tiệm đâu ! Cũng có cần thế, nhưng mà Nam-kỳ đã có chủ-nhân rồi, là Hoa-kiều, cho nên nhân-công ngoài này có vào, lại còn cần đem tài năng, đem tính nhẫn-nại mạo-hiểm, là tính-cách sẵn có, vào phải quyết đấu với Hoa-kiều, là những người, ta đi đâu cũng gặp họ như gai góc cản đường, những muốn cho mình chìm đắm trong vòng nô-lệ mãi mãi, để họ chiếm lấy quyền-lợi một mình, ta không được phạm đến. Bởi vậy, việc di dân vào Nam-kỳ, không những là mưu sự hạnh-phúc an-lạc cho đám nhân-công Trung, Bắc-kỳ, mà lại là một việc phải tranh đấu với Hoa-kiều, để đoạt lại cái chủ-quyền kinh-tế, và gây cuộc phú-cường sau này, thành thế ra việc ấy, từ vấn-đề của cá-nhân, tiến lên thành vấn-đề của xã-hội vậy. Nếu chẳng có ý-nghĩa như thế, thì sang Lào mà làm ăn còn hơn, sang Nouvelle-Calédonie làm cu-li cũng được, cần gì phải vào Nam-kỳ ?

Tất cả Đông-Pháp này, có 35 vạn Hoa-kiều, thì mình xứ Nam-kỳ 20 vạn, người đông, của nhiều, công-nghệ to, buôn bán lớn, nhất thiết đều tụ cả ở đó, thành ra một cái thế-lực đồ sộ vững vàng, thế thì có muốn cạnh-tranh với họ, tưởng trước hết, phải biết thế-lực của họ ra làm sao mới được. Có biết thế-lực của họ, để điều hay ta theo, điều ác ta tránh, nói tóm lại mới biết đường mà đối phó với họ, nếu không thì không khỏi bị họ tìm cách thâm-hiểm mà hại mình, xưa nay những việc gì ta làm, hễ có ý cạnh-tranh với « các chú » ở trong, thường bị họ dùng độc-thủ mà phá-hoại mình ngả nghiêng, ấy tức là một chứng cớ vậy.

Di dân được vào Nam-kỳ, còn hai ý-nghĩa cao hơn nữa :

Một là tư-bản và nhân-công hợp với nhau. Tư-bản và nhân công là hai tài-liệu để lập nên một nước phú-cường, tất phải tương-tư tương trợ lẫn nhau, rời nhau ra thì đều là vô dụng, lại có hại nữa. Thế-giới ngày nay, xướng lên cái chủ-nghĩa tư-bản, và cái chủ-nghĩa lao-động, có ý phản-đối với nhau, song kết-quả chỉ thấy là phá-hoại : thường khi bọn thợ đình công, mà công-nghệ phải chịu ảnh-hưởng

lớn, thường khi ông chủ đóng cửa xưởng, mà bọn thợ đến nỗi mất việc làm, chứng cớ rành rành, là nước Nga gây lên cái chính-sách lao-nông, mà trong nước tan tành ra đó, chỉ nay mai tất ta thấy nước ấy phải quay về chế-độ thường, nghĩa là nhân công phải đi đôi với tư-bản Như thế thì đủ hiểu rằng tư-bản với nhân-công, không thể bỏ nhau mà làm nên việc được. Nước ta, Nam-kỳ sẵn của mà làm việc thiếu người, Trung, Bắc-kỳ sẵn người mà làm việc thiếu vốn, bấy lâu nay lìa rẽ với nhau, cho nên chưa thấy kinh-doanh được việc gì to tát cả, vậy nay di dân vào Nam-kỳ, tức là cách kết hợp nhân-công và tư-bản vậy. Vả chăng ta cũng nên biết rằng : muốn đạt được bao nhiêu cái hy-vọng lớn lao ta sau này, thì phải lấy đất Nam kỳ làm trường hành-động mới được.

Hai là liên-lạc được mấy xứ. Nói đến tiếng liên-lạc cũng là việc cực chẳng đã, vì nước mình suốt từ Bắc đến Nam, sinh cũng một nòi, nói cùng một tiếng, theo cùng một văn-hóa, giữ cùng một tính tình, li-gián từ đâu mà ngày nay phải nói đến chuyện liên-lạc ? Duy gần đây, vì sự ngẫu-nhiên của lịch-sử, mà mỗi xứ phục theo dưới một chính-thể riêng, cho nên sự trao đổi tình ý với nhau, không khỏi có chỗ ngăn trở, đến nỗi tưởng lầm rằng: không phải cùng nhau một lịch-sử chung, một nguồn gốc chung, một tiếng nói chung, một lễ-nghĩa chung, thành ra gặp nhau — tiếc thay sự gặp nhau này lại rất hiếm-hoi, vì chẳng có dịp -- thì chẳng thấy đằm thấm gì, như thế còn nói đến sự đồng lao cộng tác với nhau làm sao được. Phận-sự làm dân một nước, không cho ta ghẻ lạnh ghen ghét nhau như thế, mà khiến phải thân yêu nhau, giúp đỡ nhau, cùng làm việc với nhau, thì mới sinh-tồn nổi ở đời khó khăn này, vậy một điều cần, là làm sao cho người Nam Bắc được xúc tiếp với nhau luôn, để hiểu tính-cách tâm-lý của nhau mới được. Mà muốn xúc-tiếp với nhau luôn, nếu trông ở người Nam ra Bắc thì không ăn thua, vì người Nam có ra đây, không phải là ra để làm việc công-nghệ buôn bán, mà chỉ ra đi học và làm ở các công-sở, số người đã ít mà chỉ ở những nơi

thành-thị, thì sự gặp gỡ truyện trò với nhau, không rộng rãi và thường thường, thì không hiểu nhau được, cho nên phải trông ở người Bắc vào Nam, thì sự liên-lạc mới có hiệu-quả, vì dân ngoài Bắc vào trong Nam làm ăn, tản tác ra khắp từ kẻ chợ nhà quê, đồng bằng mặt nước, gặp gỡ anh em Nam-kỳ ta luôn, thật dễ lấy cái tình chủng tộc, nghĩa quốc dân mà hiểu biết nhau lắm Bởi thế nói di dân vào Nam-kỳ, lại có mục-đích liên-lạc Bắc Nam vậy.

Bấy nhiêu điều quan-niệm, sự trông mong, khiến cho tác-giả, tuy sức óc còn non, tầm mắt chưa rộng, mà cũng mạnh bạo sốt sắng bàn về vấn-đề này, do ở một phần lịch-duyệt, một bầu nhiệt-huyết của mình, đem bày tỏ ra để cùng anh em đồng bào cùng bàn bạc ; ý kiến hoặc có hẹp hòi, mà sơ-tâm thì thực là trịnh trọng lắm.

Sách chia ra làm hai phần. Một phần đầu thì nghiên-cứu cái thế-lực của các chú trong Nam-kỳ, là nơi « đệ nhị quốc-gia » của họ ; xét từ lai-lịch cho đến nhân-số, tư-bản, thương-mại, công-nghệ, học-thuật cùng là mọi tính-cách hay, thủ-đoạn ác của họ vân vân, chưa dám nói là tường tế gì, nhưng cũng đủ những điều ngạnh-khái, để cho ta biết thực-lực của họ, là bọn công-địch của bọn dân ngoài này di vào, biết đường mà để kháng họ, và mưu cuộc doanh nghiệp cho mình. Phần thứ hai trước chứng tỏ rằng việc di dân vào Nam-kỳ là nên, là lợi, sau thì xét xem việc này bấy lâu khó khăn ngăn trở vì đâu ? Bây giờ phải tìm cách gì giải-quyết ? Cùng là giới-thiệu để anh em ta ngoài này biết rằng vào trong ấy sẽ có nhiều nghề-nghiệp làm ăn, sẽ được an cư lạc nghiệp, tội gì loanh quanh ở chỗ đất chật hẹp của mình, mà ngồi chịu cái vạ đói rét rách rưới cho khổ thân, phương chi việc di dân đi, lợi cho cá-nhân, mà lợi cho cả xã-hội, không những tình-thế giục đi, mà nghĩa-vụ cũng bắt đi nữa.

Hai phần, tuy tựa như phân biệt, nhưng vẫn là hai cái tiếng thật có hộ ứng với nhau, vì tôi tin rằng : việc di dân vào Nam-kỳ là việc phải làm đã đành rồi, nhưng có biết cái thực lực của Hoa-kiều mà để-kháng họ, thì việc di dân ấy mới có lợi ích, cho nên cuốn sách tầm thường này, lấy tên là « *Thế-lực khách-trú và vấn-đề di dân vào Nam-kỳ* », là thủ nghĩa như thế vậy.

PHẦN THỨ NHẤT

Thế-lực các chú trong Nam-kỳ.

I

Người Tầu sang Nam-kỳ từ bao giờ ? — Quốc-triều ta ngày trước chiêu tập dân Tầu và xử trí họ khôn khéo là thế nào ? Người Minh-hương.

Người Tầu có thế-lực to lớn vững bền ở xứ Nam-kỳ ta như ngày nay, vốn không phải họ gây dựng trong vòng mấy chục năm nay mà được, thực có công-phu tích-lũy đã từ hai ba thế kỷ nay rồi.

Nước ta, từ khi có lịch-sử là giao-thiệp ngay với người Tầu, vậy sự giao-thiệp ấy, từ đời cận-cổ giở lên thế nào ta không cần xét đến, vì không quan-hệ gì đến cái đầu bài cuốn sách này cho lắm, ta chỉ nói chắc rằng : người Tầu bắt đầu sang Nam-kỳ, là vào khoảng cuối thế-kỷ thứ 17 mà thôi.

Chắc thế, năm 1680, vào giữa đời vua Hy-Tôn nhà Lê, và chúa Hiền nhà Nguyễn, nhà Minh bên Tầu bị Mãn-Thanh cướp ngôi, có một bọn quan Minh, là bọn Dương-Ngạn-Địch 楊彥迪 năm người, không chịu thần-phục nhà Thanh, mới đem đồ đảng 7,000 người và 50 chiếc thuyền, sang tình-nguyện làm dân Annam. Chúa Hiền nhân muốn khai-khẩn đất Chân-Lạp (tức là Nam-kỳ ngày nay, bấy giờ còn là đất nước Chân-Lạp), bèn cho họ vào ở đất Đông-Phố (tức Gia-Định bây giờ). Bọn Dương-Ngạn-Địch mới chia nhau ra ở tản tác hai tỉnh Biên-Hòa và Mỹ-tho, khẩn điền lập ấp, cày cấy làm ăn, ấy người Tầu di cư sang Nam-kỳ, chuyến ấy là chuyến đầu tiên vậy.

Về sau đến năm 1715 (vào đời vua Dụ-Tôn nhà Lê và chúa Nguyễn-Phúc-Chu) có một người khách Quảng-Đông, tên là Mạc-Cửu 鄚玖 sang chiếm đất Hà-Tiên của nước Cao-Miên, rồi chiêu-mộ những lưu dân mở mang cày cấy, và đem đất ấy xin thần-phục chúa Nguyễn, chúa phong cho làm chức tổng-binh,

giữ đất Hà-Tiên. Sau Mạc-Cửu chết, con là Mạc-Thiên-Tứ (鄭天賜) lại được chúa Nguyễn cho tập phong để trấn đất Hà-Tiên, Mạc-Thiên-Tứ xây thành, đắp lũy, mở chợ, làm đường, và rước thầy sang dạy nho học cho đất Hà-Tiên. Trong lúc ấy, chúa Nguyễn ta xâm-lược nước Chân-Lạp, tức là khai-thác xứ Nam-kỳ, thì Mạc-Thiên-Tứ giúp đỡ có nhiều công-lao to lắm.

Những lúc ấy, người Tầu sang tụ-tập làm ăn đã đông đúc lắm rồi, song họ được quyền tự-do hành-động, chưa phải thuộc dưới quyền cai-trị nào, vả chăng giữa hồi đó nước ta, một là đang cần người khai-khẩn Chân-Lạp, hai là trong nước đang lắm việc, nên chúa Nguyễn ta cũng chưa lưu-tâm đến sự cai-trị họ được. Mãi sau khi đức Gia-Long đại-định toàn-quốc rồi, sửa sang lại nền chính-trị, mới định hẳn ra thể-lệ cai-trị người Tầu sang kiều-ngụ đất ta. Thể-lệ ấy khéo lắm, nên truyền mãi về các đời vua sau, và ngay đến người Pháp sang bảo hộ bây giờ, mấy điều đại-cương trong thể-lệ ấy vẫn giữ mà không bỏ.

Đại-khái thể-lệ ấy ngày xưa của ta như sau này :

Dân Tầu sang làm ăn bên ta, chẳng có để ở dưới một cái chế-độ nào riêng, là hễ đến đất nước Annam, thì phải theo phong-tục tuân luật pháp của Annam, chớ không nói lôi thôi đến chuyện quốc-tế công-pháp (國 際 公 法 Droit international) gì cả. Quyền lợi cũng được hưởng như người mình, hễ có tội thì cũng các quan mình xử. Nhưng Triều-đình ta nghĩ rằng : nếu đối với người Tầu, mà nhất thiết bắt họ phải đồng hóa với dân mình cả, thì không phải là cách chiêu-phủ người ngoại, nên chi niên-hiệu Gia-Long thứ ba, (năm 1814) có Chỉ-dụ cho dân Hoa-kiều 華 僑, là người Tầu sang ở kiều-ngụ bên ta) được kết-hợp với nhau từng đoàn-thể, gọi là «*bang*» (幫 congrégation). Cứ mỗi bọn người nói chung một thứ tiếng với nhau (vì người Tầu mỗi tỉnh nói một thứ tiếng) thì lập thành một bang, như người Quảng Đông thì lập bang Quảng-Đông, Phúc-kiến thì bang Phúc-kiến v.. v...

Năm Minh-mệnh thứ hai (1824), thì định mỗi bang bầu một người lên thay mặt, gọi là «bang trưởng» (幫 長, chef de Con-

grégation », do những tay buôn bán giầu có ra làm, và phải có quan ta ưng-chuẩn cho mới được.

Bang-trưởng tức là người đứng liên lạc người trong bang và các quan ta, công-việc cũng y như viên lý-trưởng mình, nghĩa là có quyền thu thuế để nộp quan và xử đoán những việc lặt vặt xẩy ra trong bọn họ với nhau.

Thuế thì cứ mỗi năm đến tháng mười thu, chia làm ba hạng

1° Người ngoài 60 tuổi thì được miễn thuế ;

2° Những người chưa đến 60 tuổi, làm ăn khá, có thể đóng thuế được, thì để vào hạng « hữu vật-lực» (有 物 力).

3° Những người chưa có địa-vị gì chắc chắn, thì chỉ phải nộp có một nửa thuế, gọi là hạng « vô vật-lực » (無 物 力).

Những người Tầu sang ở nước ta chưa được ba năm, thì đều để vào hạng « vô vật-lực » này, ấy là một cái chính-sách hay của vua ta, để chiêu mộ người Tầu sang khai-khẩn; vì bấy giờ ta còn cần nhiều nhân-công lắm.

Theo lệ định năm Gia-Long thứ 13 (năm 1814) thì bổ thuế mỗi người Hoa-kiều phải đóng 2 cây vải hay là sắt, đánh giá 60 quan tiền, nhưng năm Minh-Mệnh thứ hai, đổi lại, bắt hạng « hữu vật-lực » đóng mỗi năm 2 nén bạc, hạng « vô vật-lực » một nén.

Hễ người Tầu phạm tội, thì cũng bị xử theo luật như người mình. Niên-hiệu Tự-Đức thứ 13 (năm 1838) đã định ra luật riêng để xử người khách. Tội nặng nhất thì bắt đi sung quân hay là đi đày. Mỗi lần bị tội đã mãn rồi, thì bị thích chữ vào mặt mà đuổi về Tầu. Nếu người nào phải đuổi rồi, mà lại lần sang nữa, quan bắt được thì lại phải đi sung quân hay là đi đày trọn đời. Những người nào phạm tội trộm cắp, giết người, bán thuốc phiện hay là phạm các tội ác khác, mà tỏ ý mình ăn năn thật, thì chỉ phải tội đi « thú » (戍, quân lính có tội, phải đem đi đến những chỗ rừng rậm đất hoang, để mở mang ra, thì gọi là đi thú), đến đấy được cấp cho đất khai-khẩn mà làm ăn, không thì bắt nhập tịch Minh-hương, giao cho người làng quản-thúc.

Thế nào gọi là Minh-hương ?

Số là người Tầu sang làm ăn bên nước ta, không mấy người đem vợ theo, sang bên này mới lấy vợ Annam là thường. Triều-đình ta muốn lợi-dụng cái tình-thế ấy, để cho tăng dân-số nước mình lên, bèn định lệ rằng : hễ người nào do bố khách mẹ Annam đẻ ra, thì tức là dân Annam, bắt tụ họp thành ra làng riêng gọi là « Minh-hương » (明 鄉), nghĩa hễ *làng của người nhà Minh*, Bất cứ dân lai khách ở chỗ nào, cũng có thể lập thành làng Minh-hương được cả, hễ ở đâu thì lập thành làng ở đó.

Năm Minh-Mệnh thứ 10 (năm 1829) định lệ rằng : người Tầu. nào sang làm ăn bên nước Nam được phép lấy đàn bà Annam, nhưng nếu đem vợ Annam về Tầu thì phải xử tội rất nặng, đem con lai về cũng vậy, và cạo đầu cho con mà để bím thì cũng phải tội, nghĩa là Triều-đình buộc ngặt rằng : người Tầu lấy vợ Annam để con, con ấy tức là dân Annam, để lợi sự đông dân lên cho nước vậy. Đã là người Minh-hương, thì nhất thiết phải theo lễ-nghĩa, y-phục, luật-pháp và đóng thuế má, cũng là được thi cử làm quan, y như người Annam cả.

Xét lại, cái chính-sách của Triều-đình ta ngày xưa đối với dân Hoa-Kiều như thế, thật là chính-sách hay lắm : một là không cho họ theo chế-độ nào riêng, thì quyền cai-trị hoàn-toàn ở mình ; hai là đặt ra bang, thì dễ phần kiểm-đốc ; ba là đặt ra Minh-hương, thì lợi cho dân-số của mình ; cái chính-sách ấy vì hay như thế, nên người Pháp sang bảo hộ ta, vẫn noi theo đại-cương ấy để đối với Hoa-kiều, tuy có thay đổi ít nhiều, là bởi tùy thời bắt buộc, như là đánh thuế đinh người Tầu rõ nặng, và buộc người Tầu đi tỉnh nọ sang tỉnh kia, phải có thông-hành hộ-chiếu v. . v. . . thì sự ấy cũng thường, không cần nói đến, vì cuốn sách này không có ý biên chép những luật-lệ của Nhà-nước đối với dân Hoa-kiều, mà chỉ có ý phô-trương cái thế-lực Hoa-kiều ngày nay ở Nam-kỳ to lớn thế nào, là để tìm cách để-kháng mà thôi.

Đoạn này mà nói đến những thể-lệ của Quốc-triều ta định ra để cai-trị dân Hoa-kiều, là cốt chứng tỏ rằng : nước ta ngày trước tuy ngoại-giao có kém hèn, nhưng đến phương-pháp nội-trị, thì cũng đã là khôn khéo và chu-đáo lắm vậy.

II

Dân số người Tầu trong Nam-kỳ. — Năm bang Hoa-kiều. — Đại khái cái nghề của mỗi bang. — Nghĩa đoàn-thể của họ. — Việc lập Lãnh-sự. — Cái vấn đề « lấy khách » ở trong nước ta.

Dân Tầu ở châu Á không khác gì dân Do-Thái ở châu Âu, hễ gầm giời này, chỗ nào có thể kiếm ăn được, là thấy có gót chân họ, một người Hoa-kiều ở Nam-dương quần-đảo nói rằng: « Người đời chỉ nói phàm chỗ có ánh sáng mặt giời chiếu đến, không chỗ nào không có ngọn cờ nước Anh, ta cho rằng phạm chỗ có nước bể chảy đến, không chỗ nào không có người Hoa-kiều »(1). Thật ra thì cái gót chân người Tầu, chẳng những thấy ở những chỗ có nước bể chảy đến mà thôi, tức chỉ hoang-cắc như Tây Bá Lợi Á, xa-sôi như mấy nước Nga, nước Áo ở giữa châu Âu cũng tìm thấy họ, có người nói: Hoa-kiều rải rác ra các địa vực, rộng bằng người Anh, sức giầu có bằng người Do-Thái, chịu khó như người Ấn-Độ, nhanh lẹn như người Nhật-Bản, đến như cái số kiều-dân của họ ở đâu cũng đông, thì không kiều-dân nước nào bì kịp được.

Họ đến một chỗ nào, chẳng phải tranh thành cướp đất gì của người ta, nhưng mà khiến chỗ ấy cũng bị cái vạ như là tranh thành cướp đất, nghĩa là đến đâu, phần nhiều là nắm được cái thế-lực đồng tiền, chiếm được cái chủ quyền kinh-tế của người ta vậy.

Chính nước ta, mà thứ nhất là xứ Nam-kỳ, bị phải cái vạ này.

Có vào đến xứ Nam-kỳ, mới biết người Tầu ở trong nước mình là đông, mà cơ sở của họ là lớn. Bước lên thành phố Saigon, đi quanh những phố chợ Mới, chợ Cũ, là những phố rộng lớn và rộn rịp bằng mấy hàng Ngang hàng Buồm ở ngoài mình, đã thấy lúc nhúc những các chú, tính phỏng chừng cũng

---

(1) Thấy ở trong sách « Kiều vụ vựng-biên » (僑務彙編) của người Tầu làm ra.

đến 3 hay 4 vạn người rồi, tuy vậy cũng còn là ít ; đi gần 6 kilômét nữa vào đến Chợ-Lớn (người Tàu gọi là Đe-Ngạn, 堤岸) là một thành phố toàn các chú cả, chưa kể đến nội dung ra thế nào, nhưng mới trông bề ngoài đủ khiến cho mình phải ghê sợ, xa xa đã trông thấy ống khói nhà máy nọ nhà máy kia, tua tủa lên ngang giời như hàng rào, nào tầu, bè, ghe, nốc, đậu tri trít ở mặt nước như mắc lưới, đã đủ giật mình về cái cảnh-tượng ấy rồi ; lại vào đến phố, thì phố xá rộng rãi, nhà cửa nguy nga, hết đường nọ đến đường kia, qua phố này sang phố khác, không phố nào không nhà hai ba từng, không nhà nào không buôn bán lớn, thôi thì hiệu to tiệm lớn các chú, vác gạo kéo xe các chú, chủ hãng chủ nhà máy các chú, mà cho đến vót đũa đan rổ gánh nước bán quà cũng các chú, nói tóm lại, việc gì làm mà này ra to từng hàng vạn, nhỏ đến đồng xu, thì cũng mấy chú mấy thím « thiên-triều » làm hết. Thành phố Chợ-Lớn, đất rộng hơn một nghìn mẫu, thì các chú ở quá ba phần tư, dân số 13 vạn người, thì phần các chú giả một nửa (7 vạn người ở trên bộ, và hơn 1 vạn người ở dưới nước) ; kể cái hình-thế thành phố thì không rộng rãi đẹp đẽ như Saigon, như Hanoi, như Haiphong, nhưng kể đến các nơi công-nghệ buôn bán nước ta, thì Chợ-Lớn có vẻ hoạt-động vào bực nhất vậy.

Còn như số người các chú, rải rác ra làm ăn buôn bán ở Lục-tỉnh cũng đông hết sức : từ chỗ thị-thành dưới thuyền trên bến, cho đến thôn quê dầu xóm cuối làng, không có chỗ nào ta không thấy các chú, hoặc cửa hàng cửa hiệu, hoặc bán thịt bán rau, hoặc nghề kia nghề nọ, các chú làm không sót một thứ gì cả. Các chú ở đông đúc nhất là mấy tỉnh Sóc-trăng, Bắc-Liêu, và Cần-thơ, và mấy tỉnh trù-phú nhất trong Nam-kỳ, mỗi tỉnh có đến hàng vạn và trên hàng vạn các chú ở cả, còn các tỉnh khác thì tỉnh nào cũng có năm sáu nghìn, bẩy tám nghìn, ít nhất là ở mấy tỉnh Bà-Rịa, Biên-Hòa, Tây-Ninh, Thủ-đầu-một, là mấy tỉnh dân nghèo, ruộng ít, đất xấu, rừng nhiều, thế mà các chú cũng kéo nhau đến ở hàng nghìn với trên hàng nghìn được, như thế đủ biết trong Nam-kỳ không só nào không có khách-trú vậy.

Trong khoảng mươi hai năm nay, họ sang mới lại cũng nhiều. Cứ kể từ năm 1912 cho đến năm 1922, trong 11 năm giời, số. người Tầu trên 17 tuổi mỗi năm vào Nam-kỳ như sau nay :

1912	13 . 201.
1913	13 . 624.
1914	10 . 143.
1915	10 . 118.
1916	9 . 998.
1917	14 . 473.
1918	15 . 889.
1919	16 . 058.
1920	17 . 078
1921	17 . 962
1922	19 . 505.

Thế thì ra cứ kể trung-bình mỗi năm là 14. 368 người Tầu sang ta, ấy là chưa nói đến đàn bà con trẻ. Hễ mỗi chuyến tầu ở Hương-cảng và Thượng-hải sang, là có đến hàng trăm chú thím vào cửa Saïgon, mà tháng nào cũng có vài chục chuyến tầu như thế, Nhà-nước phải đặt ở Saïgon một sở gọi là sở « Tân-đáo, 新到» (Service de l'Immigration), chỉ chuyên trông nom về người Hoa-Kiều mà thôi Đến như cái tổng-số dân Hoa-kiều ở Nam-kỳ bao nhiêu, thì thấy mỗi chỗ nói một khác, nhưng xem cái tình hình trên kia, thì đại ước cũng đến 20 vạn người mới phải.

Trong số 20 vạn đó, thì người Quảng-đông là đông nhất cả, thứ đến người Phúc-kiến, thứ đến người Triều-châu v. . v. . . mà cũng ở dưới cái chế-độ « Tùy tiếng chia bang, mỗi tỉnh lập bang » là cái chế-độ của ta ngày xưa lập ra, và tác-giả đã nói ở đoạn trước.

Hoa-kiều chia ra làm 5 bang như sau này:

1° Bang Quảng-Đông. (廣東)

2° Bang Phúc-Kiến (福建)

3° Bang Triều-châu (潮州)

4° Bang Hà-cá (HaKas,) (客家)

5° Bang Hải-Nam (Haïnam,) (海南)

Bang Quảng-đông là những người Tầu ở tỉnh Quảng-Đông, và người ở phía Bắc phía Tây tỉnh ấy. Một mình bang này đã đến hơn 8 vạn người, chưa kể đến đàn bà và con trẻ.

Người Quảng-Đông giỏi nghề buôn bán và công nghệ lắm. Ở Chợ-Lớn họ có hai nhà máy gạo to. Nội các hiệu to bán tơ lụa, các nhà máy cưa, các xưởng củi, các nhà làm gạch, làm đồ sứ. các lò vôi, các xưởng đóng thuyền trong thành-phố này đều là tay người Quảng-Đông chiếm độc quyền cả. Họ lại có nhiều nhà buôn chuyên nghề đem vật-sản trong Nam-kỳ như là da, sừng trâu, bông gòn vân vân... xuất cảng ra bán ở ngoại-quốc. Họ lại có cả nhiều xưởng đóng tầu nho nhỏ ở Chợ-Lớn nữa, mà phần nhiều những tầu con chạy quanh Cửu-Long-Giang ở Nam-kỳ, là của người Quảng-Đông cả. Đến như làm nghề thầu khoán, bán các đồ gỗ, làm thợ nề, thợ mộc, thợ may, thợ đóng giầy tây, các hàng thịt, các hàng cơm tây, cũng là người Quảng-Đông làm hết.

Bang Phúc-Kiến là những người Tầu ở phía tây nam Áo-Môn Dân số của họ ở Nam-kỳ cũng đến 5, 6 vạn người. Người bang này cũng giỏi nghề buôn bán lắm, ở hai thành-phố Saigon và Cholon, họ có rất nhiều hiệu to, và hầu hết các nhà máy gạo ở Cholon, và nghề buôn bán gạo trong Nam-kỳ là vào tay họ làm cả. Còn thì phần nhiều buôn bán tạp hóa, bán rượu, bán đồ sắt, và làm mại-biện (compradore, 買辦,) ta vẫn gọi là *chú mại bản* cho các hiệu buôn tây và các cửa hàng khách, cho nên trong bang này, ta ít thấy có người đi làm thợ, hay hoặc đi ở, mà có dễ toàn-thể là làm nghề buôn bán.

Bang Triều-châu số người cũng đến 5, 6 vạn, là người Tầu ở gần cửa bể Sán-đầu (汕頭, Swatow). Sán-đầu cũng thuộc về tỉnh Quảng-đông, nhưng mà người Triều-châu lập thành ra bang riêng, là vì tiếng nói Triều-châu và Quảng-đông khác nhau.

Người Triều-châu cũng buôn bán, nhưng so với hai bang trên thì còn kém xa, mà số đông có ý chịu khó làm những tiện-nghệ như là làm bạn thuyền, và làm cu-li khuân vác hàng hóa lên tầu xuống tầu ở cửa bể Saigon, cho nên ở Saigon họ đã có hai ba nhà chuyên bao những hạng cu-li khuân vác lúc nào cũng sẵn,

mấy trăm người. Khách Triều-châu nấu nướng đồ ăn rất khéo cho nên cái nghề làm tiệm « cao-lâu » của họ cũng phát đạt lắm.

Trong Nam-kỳ, người Triều-châu ở các tỉnh Cần-Thơ, Sóc-Trăng, Trà-Vinh, Rạch-giá, Bắc-Liêu đông, và cũng có cày cấy ít nhiều. Hai tỉnh Bắc-Liêu và Rạch-giá có tới 13.865 người Minh-hương, toàn là con cháu người Triều-châu vậy.

Đến bang Hà-Cá, thì chỉ có độ 1 vạn rưỡi hay 2 vạn người là cùng, toàn là dân Tầu ở phía đông bắc tỉnh Quảng-đông. Họ cũng có nhiều nhà buôn ở Sài-gon và Cholon, song cũng tầm thường không đáng kể gì. Trong bang này, ta cũng thấy có một dôi người làm nghề thầu khoán, và có một vài chiếc tầu thủy chạy nữa. Người Hà-cá chuyên làm những nghề thợ rèn, thợ đá, làm máy, đóng giầy khách và làm bánh, những tiệm bán chè Tầu, và những hàng bán rau cỏ, thì cũng phần đông là người Hà-cá hết cả.

Sau hết đến bang Hải-Nam, là những người Tầu ở cù-lao Hải-Nam gần vũng bể Bắc-kỳ ta. Bang này ít người nhất, chỉ có chừng ngót một vạn người, mà buôn bán ở Sài-gon và Cholon rất ít ; phần đông người họ làm nghề đánh cá, và làm thuê trong những trại giồng hồ-tiêu ở mạn Hà-Tiên và Phú-quốc cả. Còn những người ở châu-thành Sài-gon và Cholon thì thường làm bồi cho các nhà tây, hay là nấu bếp cho các nhà hàng cơm, để kiếm ăn soàng soàng mà thôi.

Đại-khái nghề nghiệp của năm bang Hoa-kiều ở trong Nam-kỳ như thế.

Ta vẫn chịu Hoa-kiều ăn ở với nhau, rất là thân-ái liên-lạc, cái nghĩa đoàn-thể của họ rõ rệt lắm, sự đó tuy cũng có bởi sẵn tính tự-nhiên, và trong chỗ trường-hợp, có lợi hại quan-hệ đến nhau, cho nên không thể không được, nhưng cũng do cái chế-độ lập ra bang, khiến cho họ dễ cố-kết với nhau, mà Chính-phủ cũng dễ sai khiến vậy.

Bang, vì tổ-chức lên có nhiều cơ-quan ở trong, cho nên có lợi cho Hoa-kiều được nhiều mặt lắm : vừa là gia-đình, vừa là hương-tộc, vừa là hội liên-hiệp, vừa là phòng thương-mại,

vừa là tòa-án, vừa là ông chủ ngân-hàng, vừa là quan lãnh-sự, vừa là hội cứu-tế của họ nữa. Bang, danh-hiệu tuy có một, nhưng mà cái thể-chất ở trong thì chia ra vô cùng tận. Mỗi bang họp riêng để bàn việc lợi-hại của mình mỗi bang có một quỹ riêng có nhiều tiền ; mỗi bang có một người lãnh-tụ, tức là bang-trưởng. Những người ra làm bang-trưởng bao giờ cũng là người có tuổi, giàu có, và đã từng lịch duyệt lắm. Họ bầu bang-trưởng, tuy cũng có bỏ vé, nhưng chẳng qua là chiếu lệ đấy thôi, chớ kỳ thực họ đã cử một người nào ra với Chính-phủ, là dùng cách đồng-thanh tuyên-cử ; một điều đó đủ chứng tỏ rằng họ dễ bảo nhau.

Kỷ-luật trong bang rất nghiêm, đừng có tội giết người hay là tội gì nặng lắm thì mới phải phiền đến các quan và tòa án can-thiệp vào, còn thì họ điều đình hoặc tài phán lấy với nhau cả. Thường khi người trong bang có phạm lỗi gì, thì những người có chức sự họp lại để xử-đoán, hoặc tha hoặc phạt, cứ chiếu theo cái ý kiến của phần đa số mà làm. Họ có đủ cả nhà thương, nhà đẻ, vòi rồng để chữa cháy, đặt tuần để gác đêm, nhất thiết sự gì cần-dùng cho họ, thì đều có đủ, như thế chưa chắc không phải do nghĩa đoàn thể mà ra.

Thứ nhất là cái nghĩa tương-tư tương-trợ của họ lại càng nặng lắm, cho nên mỗi khi có chú nào ở bên Tầu che dù đeo gói mới sang, là nhập ngay vào bang, lấy chỗ làm gia-đình, làm hương-tộc cho mình, để bang giúp vốn và chỉ đường làm ăn, lại trông nom cho mình trong mọi công việc. Nếu ốm thì bang nuôi-nấng thang thuốc, muốn về nước mà không tiền thì bang cấp cho ; nếu chết mà không có gì, thì bang tống táng cho rồi sau lại đưa hài cốt về Tầu, bang lại giúp đỡ cho nhà cửa, và chu cấp cho con cái đi học nữa.

Vì bang đối với người trong bang chu-đáo như thế, cho nên người trong bang đối lại với bang, phải phục-tòng lắm. Hễ ai ra ý bướng bỉnh, không theo mệnh-lệnh của bang, thì bang có cách đàn-áp, hoặc phạt tiền hoặc đuổi ra. Tuy vậy không mấy khi ta thấy trong bang họ xẩy ra những sự như thế, vì người

Tầu đi làm ăn nơi xa, không biết ở một mình, bởi thế, họ lấy bang là cần dùng cho họ, mệnh-lệnh gì của bang ra, là phải tuân theo răm rắp. Chỗ này ta đã thấy nhiều chứng cớ lắm. Xa thì như năm 1908, các bang Hoa Kiều, thứ nhất là bang Quảng-đông, nhất định đề chế hàng Nhật, y như họ họ đề-chế dầu hỏa của Hoa-Kỳ năm 1905, mà yết thị rằng: nếu ai còn mua đồ hàng Nhật nữa, thì phải phạt 50 đồng. Quả một độ không có người Tầu nào dùng đồ Nhật. Gần thì còn nhớ cách độ 5, 6 năm có phường xiếc Ý-đại-lợi (Italie) vào làm ở Saigon, vì kéo một người Tầu ở ghế trên xuống ngồi ghế dưới thế mà tất cả mấy bang lấy việc đó làm công-phẫn, bảo nhau không ai đi xem. Quả nhiên, phường xiếc ấy, từ Saigon, ra Haiphong, Hanoi, cũng không có một người Tầu nào xem Hai việc ấy đủ chứng tỏ cái nghĩa đoàn-thể của người Tầu là dầy là nặng lắm, không trách có nhiều người Pháp đã nghĩ mà phải lo rằng: hoặc người Tầu tự họ tham lam, hay bị ai sui khiến mà phản nước Pháp ở đất nước Nam này, thì tính làm sao? Nhưng nghiệm ra cái mục-đích của người Tầu sang làm ăn ở đây là chỉ cốt kiếm ăn hay là làm giầu, chớ không có một điều sa vọng gì khác, (cái vấn-đề này đoạn cuối sẽ nói kỹ hơn), vả chăng cũng không đủ sức làm Chính phủ phải lo, nên Chính phủ cũng phải chịu rằng: nếu không có cái chế-độ lập ra bang, thì sự cai-trị người Hoa-Kiều ở đây cũng là khó khăn lắm!

Người Tầu kiều-ngụ ở ta rất đông, quyền-lợi của họ cũng lớn, mà thường khi gặp sự gì ức-uất, không có người bảo-hộ cho, nên chi việc lập lãnh-sự ở đây, cũng là một điều của người Tầu vẫn yêu-cầu mãi.

Chính phép chung của vạn-quốc, hễ dân một nước đến làm ăn buôn bán ở một nước nào, thì chính phủ có phái người đại-biểu chính-phủ sang ở nước ấy, để bảo-hộ cho dân mình, người ấy tức là lãnh-sự. Không thì dụ đâu xa, ta thấy ngay ở trong nước mình, hai hải-cảng thành-phố Saïgon và Hải-phòng có bao lăm người Nhật, người Mỹ ở mà cũng có lãnh-sự Nhật, lãnh-sự Mỹ

đến trú v. . v. . . thế mà dân Hoa-kiều ở đây hàng mấy chục vạn người sao không có được một ông lãnh-sự ! Về việc này, tác-giả thường hỏi ý-kiến một vài người Hoa-kiều thì họ nói rằng: « Chính-phủ nước tôi, vẫn nhắc và yêu-cầu việc ấy mãi mà người Pháp không nghe. Mỗi lần yêu-cầu xin đặt lãnh-sự, thì các quan Pháp lại đòi mấy nhà phú-thương chúng tôi đến mà bảo rằng : « Nếu quả chính-phủ Tầu thật muốn phải lãnh-sự đến đây, chính phủ Pháp chỉ có việc chiếu theo lệ như những chỗ khác có đặt lãnh-sự mà làm, thì người Tầu không được có của bất-động-sản như là nhà cửa đất cát nữa, nhất thiết những quyền-lợi ấy, mà xưa nay người Hoa-kiều có, thì bây giờ phải thủ-tiêu đi hết. ». Thế là người Pháp cố ý không muốn cho nước chúng tôi đặt lãnh-sự vậy ».

Quả có đặt lãnh-sự, thì Hoa-kiều cũng có thiệt thòi về quyền-lợi bất-động-sản và nhiều quyền-lợi khác nữa thật, nhưng quỹ của Nhà-nước cũng rỗng đi mất mấy chục triệu đồng bạc mỗi năm, thì lại là một sự thiệt thòi hơn nữa. Vả chăng nói cho cùng thì cũng là tại cái phương-diện ngoại-giao của người Tầu còn lép vế quá, thò ra giao-thiệp ở đâu, là thất-bại ở đó, chưa kể gì đến những việc năm Canh-tí, việc 21 điều, việc Giao-châu, là những việc to, thế nước Tầu yếu thì phải thất-bại đã đành, nhưng đến ngay những việc ngoại-giao nho nhỏ, cũng chẳng làm nổi. Ta xem ngay như người Tầu kiều-cư ở bên Xiêm, đông đúc gấp mấy bên ta, phồn-thịnh gấp mấy bên ta, mà chính-phủ Xiêm vẫn bắt buộc người Tầu hễ đã vào nước Xiêm, là phải theo phong tục và luật-pháp Xiêm, lấy vợ Xiêm đẻ con, thì phải nhập tịch dân Xiêm hết, thuế má thì đánh rõ nặng, người Tầu kiều-cư ở đấy vẫn yêu-cầu đặt Lãnh-sự mãi, mà chính-phủ Xiêm nhất định không nghe, mới rồi lại còn đặt lệ mới bắt con cái người Tầu phải học chữ Xiêm nữa, bọn kiều-dân đánh giây thép về xin chính-phủ Bắc-kinh can thiệp, và xin phái Lãnh-sự sang để bảo-hộ cho, nhưng chắc chính-phủ Bắc-kinh cũng chẳng biết xử-trí ra làm sao, vì cũng vô lực. Không nói chắc ai cũng biết rằng chính-phủ Xiêm mà

không cho Hoa-Kiều bên ấy có lãnh-sự, nghĩa là để mình được tự do đánh thuế nặng nề, thì sổ chi-tiêu nhà nước được rộng, bắt buộc rằng người Tầu lấy vợ Xiêm đẻ con, tất phải nhập tịch Xiêm, thì số dân trong nước càng thêm đông, vì cái lợi quyền cho dân cho nước mình, nên chính-phủ Xiêm từ chối việc đặt lãnh-sự Tầu là thế. Đường-đường một nước Tầu, yêu-cầu nước Xiêm việc ấy còn không đắt, phương chi yêu-cầu việc ấy với chính-phủ Pháp ở đây mà được hay sao?

Kết thúc đoạn này, ta nên xét về cái vấn-đề « lấy khách » đôi tí, để cho biết cái chế-độ Minh-hương ngày nay, khác với cái chế-độ Minh-hương ngày xưa.

Cái chế-độ Minh-hương của ta ngày xưa thế nào, mà tác giả đã nói trong đoạn trước, thật là một cái chế-độ hay; ấy ta cho bao nhiêu người Tầu vào doanh nghiệp trong nước ta, thì chỉ được có cái lợi Minh-hương là cái lợi cho ta vậy. Ta xem trong Nam-kỳ, tỉnh Bắc-Liêu và một phần tỉnh Sóc-trăng, người ở đấy nguyên là giòng dõi người Triều-châu ngày xưa cả. Dân cư ở ven bờ bể vụng Xiêm-La, khoản-giữa tỉnh Rạch-giá, tỉnh Hà-tiên, thì cũng là con chắu bọn nông dân Hải-nam ngày trước. Lại những người mình ở mấy tỉnh Châu Đốc, Hà tiên, Long-xuyên, phần nhiều là nhận tổ tích ở những bọn người tầu theo Mạc-Cửu sang ta hồi thế-kỷ thứ 18. Xem thế thì phía tây nam xứ Nam-kỳ mà có cái vẻ sinh-tụ như bây giờ, chưa chắc không phải nhờ có cái chế-độ Minh-hương, nghĩa là bắt con người Tầu, đẻ ra bởi mẹ Annam, thì tất là dân Annam vậy.

Cái chế độ ấy ngày nay, dưới quyền bảo-hộ người Pháp, thì không thế nữa. Người Tầu lấy vợ Annam, đẻ con ra thì có quyền tự do muốn cho nó theo quốc-tịch mình hay là quốc-tịch mẹ cũng được, tuy ở sức đóng thuế được đàng nào thì theo đàng ấy, đến như lễ-nghĩa y-phục thì cũng được tùy ý, không phải bắt buộc gì. Bởi thế ta thấy người mình lấy

khách, may ai bợ được chú tài hay chủ hiệu giàu có phong lưu, đẻ con « ã-beng » ra, thì là « các chú », sau này lớn, mấy chục bạc, các chú cũng nộp thuế cho nó được, lại còn có thể đem nó về bên Tầu nữa, còn những người nào lấy phải các chú nghèo nàn khổ sở, thì con đẻ ra mới chịu vào tịch Minh-hương, chịu khó làm « ố-nàm » vậy, nhưng được điều phải đóng thuế nhẹ thôi. Xem cái hiện-trạng ngày nay, thì phần như ở trên nhiều, mà phần như ở dưới ít, vì các chú lấy sự cho con vào tịch Minh-hương, là nhục cho mình, là một sự bất đắc dĩ lắm, như thế thành ra các chú sang bên này, vơ vét tiền của của ta chẳng nói làm gì, lại còn lợi-dụng đàn bà ta để lấy con, đến khi nặng túi bố giắt con về, để người mẹ bơ vơ ở bên này, đàn bà lấy khách ở nước mình, gặp nhiều cảnh đáng thương, ta dã từng thấy lắm, vậy thì chẳng phải các chú khôn mà ta dại, các chú lợi mà ta thiệt lắm ư?

Trong Nam-kỳ đông người Tầu như thế, trừ ra mấy người giầu có mới dề huề vợ con ở Tầu sang, còn thì toàn hạng giai trẻ sang làm ăn rồi mới lấy vợ bên này, cho nên chị em trong Nam-kỳ ta lấy khách nhiều lắm, thế mà kể đến người Minh-hương rất ít, tổng số chỉ độ 5 vạn người, mà số 5 vạn ấy, phần nhiều là cha truyền con nối, là người Minh-hương từ những đời nào, chớ không phải là mới đây mà được như thế, bây giờ thì ã-beng phần rất đông theo quốc-tịch của bố cả, trong hơn 20 vạn Hoa-kiều, ta nên nhận biết rằng có dến 5, 6 vạn ã-beng như thế vậy. Nếu 5, 6 vạn ấy bắt phải là Annam, thì ấy là cái lợi lấy khách của ta, nhưng 5, 6 vạn ấy vẫn là người Tầu, thì lâu dần các chú cũng về Tầu hết, ta lấy khách chỉ là « đẻ con thuê » hay sao?

Bởi vậy, có người bàn rằng: « Nhà nước lại nên thi-hành cái chế-độ Minh-hương của nước Annam ngày trước, bắt rằng: những đứa con đẻ ra do bố khách mẹ Annam, thì không được nhận là quốc-tịch mình mà đem về Tầu, tất phải nuôi theo

lễ-nghĩa y-phục Annam, phải chân-chính là người dân Annam mới được. Làm thế, tuy so với quốc-tế công-pháp bây giờ có trái, nghĩa là bao giờ đứa con cũng phải theo quốc-tịch cha, nhưng mà giả Nhà nước lấy lẽ rằng: bảo-hộ xứ này, thì cũng phải giữ lại những chế-độ cũ của xứ này ít nhiều, thì tưởng không ai cho là không phải, mà người Tầu cũng không nói vào đâu được. Vì bằng bảo mới đời thứ nhất mà đã vội biến-hóa người Tầu ra Annam ngay, là cấp-tốc quá, thì đời thứ hai, phải bắt là người Annam cũng được. »

III

Tư-bản của người Tầu trong Nam-kỳ. — Mấy ông vua tiền bạc. — Cái thế-lực kim-tiền của họ. —

Đại phàm trong trường kinh-tế chiến-tranh, quyết hơn thua với nhau, không cần gì có giáo sắc gươm dài, không cần gì phải có đạn to súng lớn, mà chỉ nhờ về một đội quân, gọi là đội quân « tư-bản ». Người Tầu sang đất Nam-kỳ mà làm được ông chủ trong trường công-nghệ thương-mại như ngày nay, toàn là nhờ sức của đội quân « tư-bản » cả, cho nên ta đã biết người của họ là đông, ta cũng phải nên biết tư-bản của họ là lớn nữa mới được.

Tư-bản của họ ở đâu ra ? Nói rằng : họ vận ở bên Tầu sang để buôn bán sinh lợi, thì cũng có thế, mà nói rằng : ấy là họ vơ vét được của ta, thì cũng chẳng phải là không. Lẽ trên cố-nhiên, mà lẽ dưới càng là cố-nhiên nữa, vì ai làm ra tiền thời• nấy ăn, mình không thể nói được. Vả chăng, chủ ý đoạn này không phải cứu cái nguyên-nhân rằng tư-bản của họ ở đâu mà ra, chỉ xét đại khái xem tư-bản của họ ít nhiều mạnh yếu thế nào mà thôi.

Ta xem ngay bản trình sổ chi-thu các thuộc-địa, mà ông thượng-nghị-viên là Saint-Germain trình Thượng-nghị-viện từ năm 1906 về tư-bản của các thuộc-địa, thì mới biết rằng tư-bản của người Tầu ở bên ta này to.

Trong tờ trình ấy, thì ông chia tư-bản của xứ ta làm 3 thứ, trong có một thứ tư-bản dùng để làm mọi công-việc thuộc về canh-nông, thương-mại và công-nghệ. Thứ tư-bản này tới 223.914.816 frs. trong số đó người Pháp có 126.863.900 frs. còn 97 050.916 frs. là tư bản của người ngoại-quốc. Ta nên nhận kỹ rằng gọi là tư-bản của người ngoại-quốc ấy, thì phần nhiều là của Hoa-kiều.

Nếu ta đem số tư-bản của người ngoại-quốc mà tách bạch ra, thì những tư-bản về việc canh-nông không mấy, mà dùng vào việc công-nghệ nhiều, đến như về công-cuộc buôn bán, thì tư-bản của ngoại-quốc — ta nên nhớ luôn rằng Hoa-kiều ở phần nhiều — hơn tư-bản của người Pháp.

Bởi vậy cho nên trong 19.676.831 frs dùng vào việc canh-nông, thì 13.201.575 frs. của người Pháp, mà người ngoại-quốc chỉ có 6.475.256 frs. mà thôi. Đến như các công-cuộc kỹ-nghệ, thì số tổng-cộng là 96.408.535 frs. mà chia ra như sau này : tư-bản của người Pháp : 72.243.375 frs ; tư-bản của người ngoại-quốc: 24.165.150 frs. Sau hết đến tư-bản để buôn bán, tổng cộng lại là 107.829.460 frs. thì người Pháp chỉ có 41.418.950 frs, mà người ngoại-quốc — số đông là Hoa-kiều — có những 66.410.510 frs.

Giá bạc bấy giờ chỉ lên xuống từ 2f.50 cho đến 3f00, mà năm ấy đến năm nay, tuy xa cách gần 20 năm giời, thì tình-thế e cũng có nhiều phần thay đổi, song le cái thực-lực của Hoa-kiều ở ta, so với mấy năm ấy về trước, thì phương diện nào là cũng hơn xưa, thế thì tư-bản của họ bây giờ, có lẽ gấp mấy những ngày ấy nữa. Đây là nói chung về Hoa-kiều ở nước ta, nhưng bề nào thì bao giờ Hoa-kiều ở Nam kỳ cũng chiếm một phần lớn.

Kể sự giầu của năm bang Hoa-Kiều trong Nam-Kỳ, thì bang Phúc-Kiến là hơn, mà bang Quảng-Đông là thứ, còn các bang kia cũng chỉ tầm thường mà thôi. Có một người Tầu — người trong báo-giới — đã xét đến cái tổng-số tư bản của Hoa-Kiều, chưa kể đến các của bất-động-sản, như là nhà cửa đất cát, và vốn liếng các nhà máy gạo, các xưởng máy, các thương-hội lớn v... v... thì tính phỏng, cứ bỏ rẻ mỗi người Hoa Kiều hơn bù kém có 300 p. 00 trong tay, nếu kể tất cả những cái trên kia, thì tư bản không kém gì 500 triệu ; thế thì đủ biết tư bản của họ to là nhường nào ?

Họ lập cả nhà ngân-hàng nữa. Hiện nay, họ có hai nhà ngân-hàng trong Nam-Kỳ, làm cơ-quan tài-chính của họ : một

nhà *Đông-Á ngân-hàng* (東亞銀行) tư-bản 500 vạn ; hai là nhà *Hoa thương ngân-hàng* (華商銀行) tư-bản 200 vạn. Kể cách sinh-lý của hai nhà ngân-hàng này, không được đâu to lớn phát đạt như những nhà Đông-Pháp ngân-hàng (*Banque de l'Indochine*) và Quản-lý Trung-Hoa Thực-nghiệp ngân-hàng công-ty (*Société de Gérance de la Banque Industrielle de Chine*) song vì cái lợi của họ mà họ tổ-chức lên, và hoạt-động với nhau, kể cũng đã có tư-cách như mấy nhà ngân-hàng Âu-Mỹ lắm.

Các nhà ngân-hàng có vốn như thế cũng cho là to, nhưng còn có những tay hào-thương, trong tay có tư-bản nhiều gấp mấy như thế nữa.

Trong bọn Hoa-Kiều bây giờ, duy chỉ có Hoàng-trọng-Tán 黃仲贊 là giầu nhất, tư-bản có đến 3000 vạn, trong Nam-Kỳ đã suy-tôn lên làm ông vua tiền bạc, hay là ông vua nhà cửa, vì Hoàng có nhiều nhà cửa đất cát lắm.

Hoàng vốn là người Phúc-kiến, xuất thân hàn-vi, sang ở Saigon đã lâu, những khi còn độ 3, 4 xu một thước vuông đất, mà bây giờ đã lên tới 9, 10 đồng, Hoàng nhờ có cơ hội ấy, mua được nhiều đất cát, rồi làm nhà cửa cất lên từng dãy hai ba từng liền khin khít đến 2, 3 chục cái một, những nhà ở phía chợ Bến Thành trong Saigon bây giờ, Hoàng có một phần chia ba, lại còn biết bao nhiêu là nhà ở trong Chợ Lớn, nhiều quá kể không xiết, chỉ biết rằng cứ tiền cho thuê nhà, Hoàng thu mỗi tháng đến hàng vạn bạc. Lại còn các tiệm cầm đồ ở hai thành phố Saigon và Chợ-Lớn hầu hết là ở trong tay Hoàng lĩnh trưng. Nhà riêng của Hoàng ở Saigon, chỉ kém thua phủ Toàn-Quyền một it mà thôi : ai ở chợ Bến-Thành đi thẳng ra trông thấy một toà nhà ba từng đột ngột, rộng rãi bao la, mới trông tưởng là công-phủ chi của nhà nước, đó tức là cung-điện của ông vua nhà cửa trong Nam-Kỳ là Hoàng-trọng-Tán vậy. Hoàng mỗi ngày một tậu đất cát, làm nhà cửa thêm, cho nên người Nam-Kỳ, ai cũng biết trước chỉ nay mai Hoàng sẽ có nửa phần thành-phố Saigon và ba phần chia mười thành phố Chợ Lớn. Ôi ! giầu như thế thực đáng ghẻ thay.

Sạu Hoàng thì còn Tạ-Mã-Diên 謝 馮 延 cũng là người Phúc-Kiến, giàu đến 1000 vạn.

Ngoài hai ông vua tiền bạc ấy ra, còn thì những tay có tài sản hàng 100 vạn, ước có 200 người ; tài sản có 50 vạn, ước có 3, 4 trăm người ; ấy đều là những tay cự-phú, đến như những hạng có 5, 3 nghìn, 1 vạn đồng bạc trong tay thì thật nhan nhản, xe chở đấu đong không hết.

Ta đã biết họ giàu có như thế rồi, ta lại phải nên biết họ giàu có như thế, cho nên cái thế-lực kim-tiền của họ to lắm. Một vài người nào, từng giao-tiếp với Hoa-kiều nhiều, và chịu khó tò mò xem xét những cách hành-động của họ, rất là kín-đáo, thâm-trầm, khôn-ngoan, độc-ác, hễ làm việc gì, không cứ gì là thương-mại, công-nghệ, trưng-thầu, mua-bán chí chi, đều lấy thế-lực kim-tiền mà dẫy hết cả. Thương mại đem kim tiền mà dẫy, thì không ai tranh nổi ; công-nghệ đem kim-tiền ra dẫy, thì không ai tranh nổi ; cho đến trưng thầu mua bán chí chi, đem kim-tiền ra mà dẫy, thì cũng không ai tranh nổi ; vì thế mà có việc đang xấu nên tốt, đang dở ra hay, đang nguy mà chuyển ngay ra thế an được. Ta đã từng nghiệm rằng : có thứ rượu của họ cất ra, ở trong do nước bùn nước rãnh chi không biết, mà ngoài gián giấy nói bổ huyết, bổ thận, mà uống chẳng có ích gì, nhưng được cái giấy chứng-nhận hay, ấy là bởi thế-lực kim-tiền ; có thứ thuốc của họ chế ra, đóng chai đóng lọ hẳn hoi, xưng rằng : thuốc bách bệnh tiêu tán, vạn bệnh tiêu trừ, mà uống mấy cũng chẳng thấy vần gì, nhưng có giấy phân chất rằng thuốc hay, đăng phi-lộ nói rằng thuốc hay, lại người đi cổ-động miệng rằng thuốc hay, ấy cũng là bởi thế-lực kim-tiền. Xem một tờ Thời-Báo trong Nam-kỳ năm xưa cãi nhau về hiệu Nhị-thiên-Đường xuất bản một quyển mục-lục thuốc, thuê mỗi báo một người chủ-bút làm cho một bài tựa là 50p. để lấp miệng không ai còn dám phản-đối thuốc mình nữa. Ay là cái thế-lực kim-tiền của

họ như thế đấy ! Lại một năm Chính phủ rục rịch tính lấy lại môn-bài bán thuốc phiện của những người Khách ở Nam-kỳ để cho những vợ con người tùng-chinh hồi Âu-chiến mới rồi kiếm lợi, thế mà không biết họ lấy kim-tiền vận-động thế nào, rồi việc ấy lại im đi mất ! Cho đến giá cả hàng hóa, ai mật báo với nhau họ cũng biết được, cũng là thế-lực kim-tiền, trưng thầu mua bán gì, mà thường họ vẫn được người, thì cũng là thế-lực kim-tiền cả. Họ vốn sẵn cái trí xem xét lợi hại rất là sáng suốt, cho nên họ thấy có việc lợi cho họ, mà tài tranh không lại, sức tranh không lại, thì vận-động ngay bằng kim-tiền. Việc của cá nhân, thì vận-động bằng kim-tiền cá nhân, việc của đoàn-thể, thì vận-động bằng kim-tiền của đoàn-thể. Họ biết rằng việc làm có lợi cho mình, thì không gì bằng quăng tiền ra mà vận-động, vận-động hết mấy cũng không tiếc gì, bởi họ lại biết rằng : mất đi ít mà thu lại nhiều vậy.

Tác-giả xin đem mấy việc mà viện chứng.

Năm 1919, trong Nam-kỳ nổi lên cái phong-chào «tẩy chay Khách-trú», nguyên nhân chỉ tại có một tiệm cà-phê kia bán tăng giá hai xu lên ba x , mà gây nên lòng công-phẫn của người mình, rủ nhau trước thì Saïgon, Chợ-lớn, rồi đến Lục-tỉnh, trong mấy hôm mà cả ngoài ta mấy chỗ to như Hànội, Hảiphòng Namđịnh v...v... đâu đâu cũng hưởng-ứng như chớp, ai nấy đều biểu đồng tình để tẩy chay Khách-trú rất là hăng hái, đến nỗi phố xá đông như kiến, học chò bỏ nhà trường, chỗ kia hô hào, chỗ này diễn thuyết, Khách-trú – thứ nhất là ở trong Nam-kỳ – đã lấy làm lo lắng lắm, tưởng chừng như trong trường thương chiến, ta đánh lui ngay được họ, không ai ngờ như nồi nước nóng đang sôi sùng sục thế này, phút chốc nguội ngắt như đá, thôi thế là việc hỏng bét. . . Ta có biết rằng việc hỏng bởi đâu không ? Bởi người mình không kiên-nhẫn đồng-tâm đã đành, mà phần nhiều tại Khách-trú vận-động riết lắm. Họ vận động bằng gì ? Ấy, cũng bằng thế-lực Kim-tiền !

Tác-giả có nghe người bạn trong Nam-kỳ, hồi có việc này cũng là người chủ-động, thuật truyện lại rằng: «Giữa hồi tẩy chay, khách nó dụ tôi, bỏ ra cho tôi 6.000$ để tôi xuất-bản một tờ báo quốc-ngữ trong 6 tháng.» – «Thế sao không làm?»—«Vì nó định thuê tôi chưởi lại Annam, tôi nào đang tâm như thế» Một việc ấy dủ chứng rằng đồng tiền họ to, mà thủ-đoạn họ độc rồi. Giữa lúc ấy họ lại lập ngay ra mấy tờ báo nữa, thoạt tiên là «Nam kỳ Hoa- kiều Nhật báo» 南圻華僑日報 để nói xa xôi người mình, bây giờ báo ấy vẫn còn, chuyển thành một cơ-quan mạnh cho việc buôn bán. Sau đấy lại có tờ báo viết bằng chữ Pháp, là báo «Eclair», nhưng không bao lâu thì đổ. Nhưng cái đó đều là thường, ta không đủ sợ, chỉ đáng sợ nhất là trong lúc phong-chào đang ầm ầm, mà họ tìm được một cách giải vây diệu nhất, là tiền, chỉ gọi có mấy tiếng trong mấy ngày, gom góp được mấy chục vạn bạc, rồi mấy chục vạn bạc ấy, họ khiêng vào đâu không biết, ... trong mấy ngày nữa thì việc tẩy chay của «Ố-nàm» đi dời, tựa như có cái sức mạnh gì, khiến mình phải im đi, thế là hết truyện.

Lại mới rồi ở Saigon có cái việc «độc quyền cửa bể Saigon Chợ-Lớn» «Monopole du Port Saigon Chợ-Lớn» xẩy ra, đại khái là sự chuyên chở vận tải ở cửa bể Saigon Chợ Lớn, xưa nay là của linh tinh từng người, nay định đem quy vào một hội riêng, gọi là hội «Candelier» có độc quyền chuyên chở ở đấy mà thôi, như thế không những gì là người mình có thiệt, mà thứ nhất là nghề buôn gạo, nghề chuyên chở của Hoa-Kiều bị thiệt-hại lắm, cho nên họ lại rắc tiền ra mà vận động phá ngầm, lợi cho họ mà lợi cả cho ta, tuy thế cũng nên hiểu rằng cái thế-lực đồng tiền của họ là mạnh đến thế. Năm ngoái lại có một việc nữa cũng đủ chứng tỏ cái thế lực đồng tiền của họ to, là có một chú ở Chợ-Lớn – tiếc thay quên mất tên — bỏ ra cho Chính-Phủ mấy chục vạn bạc và một khu đất của va ở Bình Đông (gần Chợ-Lớn) yêu cầu Chính-phủ đem cái chợ ở giữa thành phố Chợ-Lớn ra Bình-Đông, mà va chỉ lấy một quyền lợi cất nhà ở khu đất chợ cũ kia, để cho các tiệm thuê mà thôi.

Ấy là kể mấy việc to, còn những việc nhỏ mà họ cũng lấy kim tiền vận động, thật làm cách độc ác gớm ghê. ta đã từng thấy, mà cũng có việc kín đáo lắm, ta không thể hiểu rõ được Ta chỉ nên nhớ kỹ rằng : đối phó với Hoa-Kiều, một cái sức kim tiền của họ, đủ làm cho ta phải đảo điên liểng xiểng vậy.

IV

Đại-khái cái tình-hình buôn bán. — Cái lợi độc-quyền. — Nghề buôn lúa gạo. — Mấy điều dan-tham của họ. — Cuộc buôn bán của Hoa-kiều, do một người Pháp bàn.

Xứ Nam-kỳ là một trường-hợp rất hay cho cái nghề sở-trường của họ, là nghề buôn bán, cho nên ta thấy Hoa-kiều trong 90 phần 100 làm nghề buôn bán, nội những đồ gì, họ bán được tất có buôn, mình hay mua tất có bán, nghĩa là họ hiểu sâu đến cái tâm-lý cùng sự nhu-dụng của mình, và liệu trước được thời-cơ về đường tới lui của hàng hóa lắm.

Thành-phố Saïgon là một thị-trường to, trong 4 phần, ta thấy đến ba phần của Khách-trú, san sát ở phố Catinat, đường Charner, chợ Mới, chợ Cũ, từ hàng buôn to, công-ty lớn, cho chí cửa hàng cửa hiệu tầm thường, đều treo cờ buôn người Tầu cả, đông đúc rộn rịp đến nỗi rằng: những phố buôn bán to, không có nhà mà thuê dọn hàng được nữa, thì ở hai bên hè phố, cứ cách mấy thước, họ lại dựng nên một cái quán nhỏ, trông vuông vắn đẹp đẽ lắm, để bán hàng, đông đúc rộn rịp đến nỗi thuê một cái cửa hàng, mà họ thường các tiền nhau đến hàng nghìn bạc. Chợ-Lớn thì lại là một thị trường hoàn-toàn của Khách-trú, chỉ thấy ta chen vào được mấy tiệm thợ may, tiệm bán đồ vàng bạc, và nhà cho thuê ô-tô; Tây thì chen vào được một cửa hàng bào-chế, và mấy hàng-tạp-hóa mà thôi; kể sự buôn bán hoạt-động của thành-phố này, thì tưởng nước ta không có chỗ nào hơn được nữa, như những phố Paris, phố Marin, phố Chợ thì đồ xộ quá chừng, không lấy gì hình dung ra được, chỉ biết là đi quanh trong đường phố, cứ gặp mười người Tầu, mới gặp ba người mình, như thế thì Chợ-Lớn tuy là đất của Nam-kỳ, mà là Áo-môn Thượng-hải của họ vậy.

Còn như ở Lục-tỉnh, thì tỉnh nào Khách-trú cũng chiếm già nửa, thứ nhất ở mấy tỉnh Hậu-giang là kho tiền-bạc của xứ

Nam-kỳ thì Khách-trú lại càng kinh-doanh lắm. Hai bên duyên-giang biết bao nhiêu những lò gạch, lò gốm, chàn vựa lúa, lò nấu đậu phủ-ky (phủ-trúc) v. v... Trong những chốn nhà quê xa châu-thành, một xóm cũng có sáu bẩy tiệm các chú buôn bán, giả mình có cần be rượu mà uống, hay hoặc cân thịt mà ăn, thì phần nhiều cũng phải đến quán rượu và hàng thịt các chú cả, mấy tiệm ấy thường trữ những vật cần dùng hàng ngày như là dầu hỏa, nước mắm, và hương, đèn nến. bán chịu cho người mình để lấy lúa, cứ một đồng bạc thì đến mùa giả 3 giạ (thúng). Họ lại bán lúa ấy ra cho các nhà máy gạo mỗi giạ là từ 1$00 cho tới 1$40 — 1$50. Bấy nhiêu đó là đủ biết cuộc buôn bán của họ là bao la lắm rồi.

Xem đại khái thì ta cũng đủ biết họ bố trí cuộc buôn bán là lấy Chợ-Lớn làm nơi tích-trữ, mà lấy Lục-tỉnh làm trường tiêu thụ, hàng buôn to, tiệm buôn nhỏ, làm ỷ-giốc cho nhau rất là vững chãi. Đường vận-tải giao thông của họ trong Nam-Kỳ càng tiện lợi lắm: vận-tải giao thông nước họ và nước ngoài thì họ đã có hải-thuyền bản-quốc đi lại luôn luôn ở cửa bể Saigon, hàng hoá chở sang chở về bớt được kinh phí nhiều lắm .vận tải giao thông trong xứ, dưới thủy thì các tầu thuyền của họ tự biện lấy hết, trên bộ thì xe bò xe ngựa toàn là họ làm chẳng phải nhờ đến ai cả.

Nói tóm lại, không kể những nơi châu-thành là nơi ta xúc tiếp toàn với người Hoa Kiều đã đành, đến những nơi thôn quê hẻo lánh, có dễ không khi nào ta đi một giờ đồng hồ, mà không chạm phải một vài tiệm Khách-trú bán hàng, để cung cấp mọi sự nhu dụng cho người Nam-kỳ, như thế mà ta những muốn đè-chế họ, thì có phải là dễ làm đâu !

Trong trường buôn bán, hễ chiếm được « độc quyền », nghĩa là thứ hàng gì cũng chỉ có một mình mình được quyền buôn quyền bán, mới thật là một mối lợi to. Độc-quyền chỉ lợi cho một người, một hội, hay là một đảng người, mà có hại to khắp cả chỗ hoàn-cảnh, vì một thứ hóa sản gì mà đã có

độc quyền thì chỉ có tham lợi mà không có cạnh-tranh, không cạnh-tranh chẳng những không tiến-bộ, mà lại có hại. hại cho đường sinh-hoạt, đường tiến-thủ của rất nhiều người, bởi thế cho nên, không kể là thứ độc-quyền gì, cũng lối độc-quyền như thế nào, đều là đáng ngờ, đều là có hại hết cả.

Hoa-Kiều buôn bán ở ta mà được thịnh vượng thế kia cũng là bởi có độc-quyền. Cái độc-quyền của họ, chẳng phải chính-phủ nào ban cho, cũng chẳng phải dân-tộc nào đem cúng, thế mà ai phạm đến độc-quyền của họ, thì họ phạt cho nặng hơn là luật-pháp, nghĩa là họ đã buôn thứ gì, làm nghề gì thì họ chỉ muốn giữ lấy cái quyền cái lợi được buôn thứ ấy, làm nghề ấy mà thôi, nếu ta cũng ra làm nghề ấy, buôn hàng ấy, thì họ cũng chẳng có phép nào bảo nghề ấy hàng ấy là *nghề lậu, hàng lậu*, như bảo là rượu lậu, thuốc-phiện lậu, muối lậu v...v.. nhưng mà họ hạ nhiều độc-thủ, làm cho ta phải thất-bại ngả nghiêng, khó có cái thế gì mà tranh lại được với họ. Ví dụ họ chế thứ gì, mà ta cũng chế thứ ấy, thì lập tức họ hạ ngay giá xuống trong mấy tháng giời chịu lỗ, là mình đủ chết, một là vì mối hàng họ quen, hai là tư-bản họ sẵn, mà ta thì mối hàng bỡ ngỡ, tư-bản ít oi, có ai có nghị-lực mà đứng lại đối dịch được với họ, cũng là hiếm thấy vậy.

Không những họ bịt đường tiến-thủ của ta ở trong nước mà thôi, họ lại bịt đường của ta trực-tiếp giao-thông với ngoại-quốc nữa. Ta nên biết rằng : mối hàng vật-sản của ta ở ngoài, phần nhiều là mối hàng của Khách-trú, ta lại nên biết rằng: vật sản ở ngoài tiêu-thụ vào ta, thì cũng phần nhiều Khách-trú là mối hàng, thế nghĩa là buôn ra bán vào, độc-quyền cũng ở tay họ, không để cho ta biết được rằng thứ này đem ra bán ở đâu, thứ kia đem vào mua từ đâu ; hoặc như có tìm cách được trực tiếp giao-thiệp gì chăng nữa, thì dễ có khi mua không có ai bán, khi bán không có ai mua, vì bao nhiêu đường lối ngạnh nguồn, đều bị họ rào rấp cả vậy. Trong Nam-kỳ dùng hàng Tầu nhiều quá, từ già trẻ lớn bé, không có một người nào không có cái quần áo hàng Tầu, chẳng phải đâu thông thường như ngoài ta chỉ quần

sồi áo vải, cho nên những hàng tơ lụa của Tầu như cẩm-châu, lục-soạn, vóc nhiễu v..v.. tiêu-thụ ở Nam-kỳ nhiều quá, những thứ hàng này sản ở bên Tô-châu, Hàng-châu phần nhiều, mà chỗ xuất phát là Thượng-Hải. Người mình có người — một người buôn bán to ở Saigon — biết thóp cái tổ của nó ở đấy, và món lợi này là món lợi to, bèn giao-thiệp thẳng với mấy cửa hàng tơ lụa to ở Thượng-Hải, thoạt tiên mấy chuyến thì cũng mua bán như thường, giá có rẻ thật, về sau thấy bên ấy bán mỗi ngày một cao, trừ tiền thuế nhập-cảng chưa nói, còn so với giá mấy cửa hàng tơ lụa của Khách-trú bán ở đây, thì lại thành ra đắt hơn một tí, sau mới biết tỏ ra bọn Kiều-thương bên này điều đình với những nhà bên kia đừng bán, vì nếu thế thì hàng của họ bên này phải đình-trệ ; thủ-đoạn của họ như vậy, đã thâm-hiểm hay chưa !

Những khách mua hàng xuất-cảng của ta, như gạo, ngô, bông gòn, cá mắm v..v.. thì phần nhiều là người Tầu hay là người Tầu làm đại-lý cho cửa hàng ngoại-quốc tại các thương-phụ lớn, như Hương-cảng, Thượng-Hải, Hoành-tân, Tân-gia-pha, cho nên, giả bây giờ mình có đem sản-vật của mình xuất cảng thẳng ra bán cho những người kia, thì một tiếng của bọn Kiều-thương trong này, lập tức đồ hàng của mình chẳng có chỗ bán, vì họ bảo nhau đừng mua, như thế thì mình xuất-cảng với ai, cho biết cái độc-quyền buôn bán ở ta, bọn Hoa-kiều không cho ta phạm vào vậy.

Trong sự độc quyền của họ, còn có cái nghĩa đùm bọc lấy nhau nữa. Họ cũng có cạnh tranh với nhau, nhưng cạnh tranh là để khuyến-khích nhau, chớ không phải để giết nhau, cho nên ta thường thấy mấy cửa hiệu khách, cùng bán một thứ, ganh đua xô xát nhau trong mấy hôm, rồi lại mở tiệc mà hòa-giải với nhau ngay, không mấy khi hại nhau đến một còn một mất, có chăng chỉ đối với ta mà thôi. Chẳng những không cạnh-tranh độc ác với nhau, mà lại khéo nhường nhịn nhau nữa, nghĩa là hiệu to vẫn che chở cho các tiệm nhỏ, khi nào thấy tiệm nhỏ ế hàng, thì hiệu to hay dìm hàng ít hôm, cho các hiệu nhỏ bán đi đã ; lại thường thấy khi có thứ hàng gì mới đến, thì hiệu to

để cho tiệm nhỏ bán trước, rồi tự mình mới bán sau, ví dụ như mỗi năm đến mùa chè mới, thế nào thì thứ chè tạp-hiệu có bán trước, chán chè mới đến chè chính-hiệu bán sau, vì họ khéo nhường nhịn nhau thành ra trong việc buôn bán, cái tiếng « đọng hàng » hay « ế hang », ít thấy họ dùng đến lắm. Họ buôn bán lại có hò ứng với nhau lắm, thí dụ lúc này trong Nam-kỳ hút món gì, như là sợi, vải, rượu thuốc, v... v... mà bọn Hoa-thương ngoài Bắc nhiều món đó, thì họ đánh giây thép cho bọn ngoài này, gửi vào mà bán ; trái lại, bọn ngoài Bắc có khan thứ hàng nào, mà bọn trong này có thì cũng gửi ra như thế, té ra trong cuộc buôn bán, cái gì lợi là ở trong tay họ chiếm lấy phần cho nhau cả.

Cái độc-quyền to nhất của bọn Hoa-kiều trong Nam-kỳ là ở nghề buôn thóc gạo.

Xứ Nam-kỳ ta là xứ sản thóc gạo thứ nhì hoàn-cầu, sau nước Diến điện, vào khoảng ba bốn năm nay càng được mùa lắm, có người dã tính mỗi người Nam kỳ mỗi năm sản-xuất được 555 cân tây (kilogrammes), mà mỗi người ăn mỗi năm chỉ hết 140 cân tây mà thôi, bởi thế, mỗi năm xuất-cảng non hai triệu tấn, ấy là còn đến 2 triệu mẫu đất bỏ hoang chưa vỡ, không thì còn nhiều thóc gạo nữa. Trong non hai triệu tấn gạo xuất-cảng đó, chia làm 100 thành, thì Hoa-kiều chiếm đến 60 thành. Ta tuy cũng có ít nhiều nhà máy xay lúa (décortiqueries), nhưng cũng chỉ xay để bán lại cho Khách-trú thôi. Hiện nay tại Chợ-Lớn, có 18 nhà máy gạo cả thảy, trong số đó công-ty Rizeries d'Extrême-Orient có 4 nhà, mỗi ngày xuất-phát được cả thảy 2.600 tấn gạo, và một nhà của công-ty máy rượu (Société des Distilleries de l'Indochine), mỗi ngày 600 tấn, còn bao nhiêu là của Khách-trú hết ; họ có 6 nhà máy gạo to, mỗi ngày xay được 1000 tạ là ít ; trước mặt có bến thuyền của họ vận-tải ra bến tầu Saigon, đã có tầu buôn họ ở Hương-Cảng, Thượng-Hải sang chờ để chở đem ra ngoại-quốc.

Trong nghề buôn bán thóc gạo của họ, mặt nào họ cũng lợi to cả.

Trước hết là người đi mua lúa về cho các nhà máy. Những người này cũng là các chú, đi tán bố ra khắp các miền nhà quê để mua lúa, bọn này có thể gọi được là con sâu mọt trong lúa gạo Nam-kỳ, vì chúng ăn chận bắt chẹt cùng là lường gạt ta, nhiều điều tệ quá. Cứ đến mùa gặt xong, là đến ngày thuế má và công này việc kia, cần phải chi tiêu nhiều, sẵn lúa thì phải bán, Hoa-kiều thừa lúc này bắt chẹt ta, giá lúa 130$ một trăm *giạ*, thì họ chỉ mua độ 115$ hay 120$ mà thôi. Lại thường khi giá lúa cao mà nói hạ, để gạt nông gia mình không được tường thị-giá hàng ngày, chỉ bằng ở mồm họ mà định việc mua bán. Tình-tệ còn nhiều không thể nào nói hết được. Các nhà nông Nam-kỳ phần nhiều cũng biết đấy, nhưng thóc lúa chất đống, chẳng bán cho Khách trú thì bán cho ai ?

Lúa mua các nơi, lại cũng thuyền bè của họ chở cả về các nhà máy gạo ở Chợ-Lớn để xay. Số gạo xuất-cảng mỗi năm phần Khách-trú được bao nhiêu thành, thì đã có định-hạn, vì còn phải nhường phần cho các nhà máy Tây, bởi thế thường khi số của họ bán hết rồi, thì họ mua lại của các nhà máy gạo Tây để đem ra bán nữa, thành ra giá gạo ấy phải cao lên một tầng. Kể từ khi còn là hột thóc, mà đến khi thành thân hột gạo đem ra bán ở ngoại-quốc được, thì phải trải qua mấy lớp, nào là bọn đi mua lúa, nào là nhà máy gạo, nào là các nhà đại-lý của họ ở Tân-gia-Pha, Hoành-Tân, Hương-cảng v...v .. nhân đó giá gạo rẻ mà thành đắt, ta lợi ít mà họ lợi nhiều, ấy chưa nói đến lòng tham mưu độc của họ, đem pha trộn thứ xấu vào thứ tốt, cùng là để gạo ẩm cho nặng cân, làm mất giá-trị gạo của mình ở thị-trường thế-giới nữa.

Các nhà máy gạo của Khách-trú, trong các tỉnh cũng rải rác có nhiều, nhưng mà nho nhỏ, chẳng những xay gạo để bán xuất-cảng mà thôi đâu, lại còn bán lẻ nữa. Trừ ra mấy chỗ thôn-quê, xay giã lấy mà ăn, còn các châu-thành Saigon, Chợ-Lớn cùng các nơi tỉnh-lị, ăn gạo lẻ đều phải mua của cửa hiệu Khách-trú, ta, chỉ trừ mấy nhà có máy xay lúa cỏn con ra, thì không thấy đâu có đội gạo gánh gạ kẻ như ngoài Bắc-kỳ, cho

nên nghề buôn bán thóc gạo trong Nam-kỳ, đều ở tay họ lũng-đoạn hết, có thể nói được rằng các nhà nông-gia ta chỉ cặm cụi cày cấy, đến khi có lúa gạo thành kho đụn, thì ở tay mấy chú Hoa-Kiều giữ mà phân-phát ra. nói tóm lại là các chú làm ông chủ-nhân và lúa gạo Nam-kỳ, mà Chợ-Lớn là một kho chứa. Năm có phong-chào tẩy chay, Khách-trú ở các tỉnh đã phải lục-tục chạy về Chợ-Lớn là kinh-đô của họ, mà dám nói rằng: cho người Annam vây bọc Chợ-Lớn mấy năm, Khách-trú cũng chẳng chết đói; xem thế thì cái nghề buôn bán thóc gạo của họ to tát biết chừng nào!

Vốn buôn thóc gạo của họ to lắm. Nhà máy nào và nhà buôn gạo nào cũng có vốn từ vài ba mươi vạn trở lên cho đến hàng triệu cả. Ngày đầu năm kia (1922), họ có một hiệu Nghĩa-xương-Thành, (義昌成) là nhà buôn gạo to nhất, lỗ vốn mất 10 triệu, xem cái lỗ vốn của họ như thế, thì tức khắc biết trong cái nghề này, ta làm gì mà địch lại được. Nhà máy gạo của ta có ăn thua gì! Hội Nông-Nghiệp Tương-Tế đã có công-hiệu gì không?

Sau cuộc buôn bán thóc gạo, đến cuộc buôn tơ lụa, buôn vải sợi, buôn tạp hóa v... v... nói tóm lại, công-cuộc buôn bán của họ, cái gì cũng có vẻ thịnh-vượng phát đạt hết cả.

Ta nên biết rằng cái nghề buôn bán của người Hoa-kiều thật là đủ điều, không những là giỏi giang, khôn ngoan, sành sỏi, riết róng, mà lại có nhiều cách quỷ quái nữa. Họ buôn bán với ta đã lâu đời, cũng có điều thật thà lắm, chẳng thế sao kết được lòng tin của ta, hễ cái gì mua của các chú mới được của tốt của thật, nhưng cũng bởi thừa cái lòng quá tin của ta, họ mới sinh ra bụng quỷ quái, mà ta không biết vậy. Thôi thì cách bán hàng điêu chác của họ thiếu gì: thùng dầu tây cũng chọc thủng lỗ kim, để rút ra được vài gáo, thóc gạo, sợi vải cũng rấp nước đi, để cho được nặng cân, vải bán cũng đánh tráo thước ngắn thước dài, đồ tơ lụa cũng lộn sòng thứ tốt thứ xấu, gặp người nhà quê thì tha hồ nói thách, phải kẻ mua hớ, thì mặc sức đánh lừa. nói tóm lại sự buôn bán dan tham của phần nhiều người Tầu, thì người ngoại-quốc đã kêu ca, lựa chi ở ta đây là xứ, trong việc buôn bán hãy còn đần, họ càng sinh được cái lòng ấy lắm.

Cách buôn bán quỷ-quái của họ, đáng phục nhất là cách buôn bán không xu, thật dản-dị và tầm thường, quanh-quẩn trong một thành-phố nào đó thôi, được lời lãi nhiều mà phí công-phu rất ít. Ví dụ như một chú giỏi về mặt ấy, biết món hàng hóa nào ở hàng này bán sụt giá, thì mua cất cả về, xếp đó chờ lúc nào cao giá mới bán ra; có khi đi dò la, thấy tiệm ở góc này bán món hàng ấy giá bấy nhiêu, nghĩ có phần rẻ, chú ta bèn chịu giá mua cất hết, rồi cứ gửi lại đó đã, mới chạy đến tiệm khác, hoặc là Annam, hoặc là Chà-và, để dạm bán, nếu thấy lời, thì chở món hàng chú ta đã mua ở hiệu kia mà đem lại, té ra buôn không vốn liếng, bán không của hàng, chỉ nhờ về lời nói và công đi, thế mà cũng có lợi to chắc chắn, chẳng quỷ-quái mà làm được như thế ư?

Họ quỷ-quái hết sức, nên thường gạt mấy ông chủ điền trong Nam-kỳ ta phải làm miếng cay đắng lắm. Thường thấy mấy chú lập chành ăn lúa gạo tại Lục tỉnh, làm quen đủ mặt các ông chủ điền, chủ điền mà làm quen với *Tàu-Kè* (tiếng Khách gọi là người làm chủ) thì dễ lắm, chưa đong lúa chớ muốn mượn trước mấy trăm mấy ngàn cũng được, ấy là các chú dùng cách « thả con săn sắt, bắt con cá rô » vậy. Vì thế cho nên khi thì chủ điền thiếu bạc tàu-kè, khi thì tàu-kè thiếu bạc chủ điền, chở lúa rồi mới về chồng bạc là sự thường. Lại thêm cái văn nói của mấy chú như thế khéo lắm, nghe rất bùi tai, thành ra mấy ông chủ điền ta chẳng nệ gì năm bảy nghìn một vạn mà cho tàu-kè chở lúa. Sự thường một giạ lúa, người ta mua có 1$30, mà tàu-kè mua tới 1$35, hám cái 5 xu ấy mới chết! có khi chở hai ba kỳ lúa mới trả tiền một lần, mấy ông chủ điền ta, bị ngu-lộng thế mà chẳng hay, lại nói rằng bạc để tủ sắt tàu-kè cũng như để tủ sắt mình, mất đi đâu mà phòng sợ.

Tàu-kè làm một vài chuyến sòng phẳng, để kết lòng tin như thế đã, rồi mới giở ngón ra, đong chịu của ông chủ điền này một vài ngàn, ông chủ điền kia năm bẩy ngàn, tính đâu chừng được một vài muôn, cũng nói rằng chở lúa lên nhà máy Chợ-Lớn, rồi về chồng bạc, thế rồi là chim giời cá nước, bẳn bặt mất tăm.

hễ hỏi thì nói tàu-kè còn ở Saigon chưa về, hay là còn đi nằm uống thuốc đâu đó, một ngày hai ngày, một tháng hai tháng, thấy nhà cửa còn đó tủ sắt còn kia, thì chẳng nghi ngại gì, chừng nghe rõ bao nhiêu nhà của ruộng nương, đất cát, tàu-kè đã sang tên cho bà con tàu-kè rồi, bấy giờ mấy chừng hững, người biết đâu mà tìm, kiện lấy gì làm chứng, đành phải nín tiếng thở dài mà thôi. Hoặc có kiện ra được, mấy chú cũng chịu ở tù năm ba năm, mà gạt được năm ba vạn đồng, chuyên sang tay người khác hết, thì khoắng được mấy vạn, ngồi tù mấy năm chơi. hết tù là hết chuyện. Than ôi! mình làm bồ hôi nước mắt quanh năm, mấy chú chỉ vớ có một ngày là sạt nghiệp, cay đắng hay chưa?

Việc lường gạt như thế này, nhiều người đã từng nghe nói xảy ra luôn, ấy là chưa nói đến cái tình-tệ, đến nỗi khi mua lúa giả tiền xong rồi, thì họ gạ đánh cờ bạc, giở ngón dan lận ra, làm cho mấy ông chủ-điền vừa bán lúa được bao nhiêu tiền họ lại thu về sạch

. • .

Nói tóm lại, người Hoa-kiều trong Nam-kỳ hầu hết là buôn bán, mà cái thế-lực buôn bán của họ to, ta cứ lấy cái hiện-tình buôn bán của Hoa-kiều ngoài này, mà hình dung ra gấp mười thì mới biết được cái thế-lực buôn bán của Hoa-kiều Nam-kỳ vậy. Thôi thì bao nhiêu cái mối lợi: thượng vàng hạ cám, trên bến dưới thuyền, đều vào tay họ lũng-đoạn hết. Họ có một phòng Thương-mại, lại thành-phố Chợ-Lớn để thông báo giá mục hàng hóa cho nhau, để bảo thủ cái quyền lợi buôn bán của nhau, tức là bộ Tham-mưu của đội quân Hoa-thương vậy. Ngoài ra họ còn có nhiều cơ-quan để cổ-động về việc buôn bán, như là báo-trương, như là hội-xã, không thiếu thứ gì Mỗi bang họ có một nhà hội-quán rõ to, tối đến, mấy nhà hào-thương làm đầu sỏ trong bang, đến hội họp với nhau ở tận trong một cái phòng sâu, kín cổng cao tường, đèn chong

cửa đóng, để bàn bạc với nhau, hoặc việc ở nước, hoặc việc trong bang, mà câu truyện phải bàn bạc dài nhất, là việc buôn bán của họ, làm thế nào cho mở mang lên, làm thế nào tranh được với người Pháp, làm thế nào trừ tiệt được thương-mại công-nghệ của Annam v..v.. rủ rỉ ngấm ngầm, chẳng có lính kín (tức mình gọi là mật-thám) nào vào đấy mà *xuyếc-vay-dế* (1) cả...

Một người Pháp hiểu xứ ta lắm, là ông luật-khoa bác-sĩ Lafargue, viết một quyển sách là « *Vấn-đề di dân của người Tầu ở Đông-Pháp* » (L'Immigration chinoise en Indochine), có đoạn ông nói rằng: « Người Tầu sang kiều-cư bên Đông-Pháp này chuyên-chủ vào việc buôn bán, mà cũng phải thú thật rằng Chính-phủ có ý muốn gia tâm khuyến-khích họ trong con đường này, thành ra phải cái nhầm to, khiến cho ta phải lấy làm ân-hận lắm. »

Ông lại trích mấy đoạn ở trong bài đại-luận về « *Người Tầu ở Đông Pháp* » (Les Chinois en Indochine) đăng báo *Courrier d'Haiphong* ngày năm 1909. Trong bài, kể rõ cái sự nhầm ấy ra, và phán đoán một cách phân minh lắm. Người viết bài ấy nói rằng: «Mấy chú Thiên-triều «dan tham và hám lợi» chăm chăm vào việc kinh-doanh chiếm đoạt ở trong xứ trong dân, một cách vô sỉ và đáng ghét quá. Chính-phủ đáng lẽ phải bênh-vực dân bảo-hộ, thế mà hình như lại dung-túng cho người Tầu. Chính-phủ nhường cái quyền bán thuốc-phiện cho mấy chú Thiên-triều, làm họ bán trôi được những thuốc phiện lậu càng dễ (2); Chính-phủ định cất cái quyền buôn muối của họ để chiếm lấy độc-quyền,

---

1. — surveiller : trông nom

2. — Sự này bây giờ không thế nữa, song le mua bán thuốc phiện lậu vẫn là Hoa-kiều làm một người chân hung che mặt. vì ta buôn bán thuốc phiện lậu thì cũng chỉ bán cho người Tầu chứ cho ai? Trong Nam-kỳ bây giờ, những cửa hàng có môn-bài bán thuốc phiện, có dễ hầu hết là của Khách-trú cả.

nhưng không được, thì lại phải để cho họ làm (1); Chính-phủ lại cho họ cả quyền đứng chủ bán rượu, thứ nhất là ở trong Nam-kỳ (2). Khi các công-sở có cho thầu hay là đấu giá làm công việc gì, thì Chính-phủ cũng hay điều đình với các chú (3); các nhà thương-mại Thiên-triều lại cử đại-biểu ra ngồi ở trong các phòng Thương-mại, ngay bên cạnh người Pháp. Nghị-định ngày 5 Décembre 1892, Chính-phủ đã định thể-lệ buôn bán cho những người ngoại-quốc châu Á ở đây phải theo, song mãi chẳng thấy thi-hành, mà tự Chính-phủ đặt ra, nhưng bây giờ lại làm lơ không biết đến. (4) Thành thử ra người Hoa-kiều buôn bán vẫn giữ một lối riêng. Mỗi một hiệu buôn, vô số là kẻ hùn phần, song không biết những người hùn phần ấy là ai, công ty thì lấy tên hoặc là «Vĩnh Phúc« hoặc là» Đốc tín» hoặc là «Chí Thành». Công việc buôn bán mà xem chừng khá, thì ta thấy nhiều ông kinh-lý lên nối nhau : mỗi người làm thì ai cũng biết, và lấy tên hiệu để có quyền bầu cử. Công-việc buôn bán thua lỗ không ra gì, thì ông «Đốc tín» đóng ngay cửa hiệu lại, nhẩy xuống tầu thột về Hương-Cảng hay là sang Tân Gia Pha, mặc kệ những người chủ nợ ở lại đó, không thiết gì. Bấy giờ luật-pháp chỉ có tuyên-án báo cùng là hết cách ; các ông trái-chủ cũng chỉ đến theo luật mà giải tán cái hội ấy đi, trừ tiền phí-tổn tòa án đi rồi

---

1 — Muối bây giờ, cũng như thuốc phiện, và rượu, độc-quyền về tay Chính-phủ, nhưng mà đến việc trưng ruộng muối, thì vẫn Hoa-kiều có nhiều, thứ nhất là trong Nam-Kỳ, thế thì chẳng chiếm được độc-quyền đó, nhưng mà vẫn có lợi to.

2. — Trong Nam-kỳ, Hoa-kiều có quyền nấu rượu thật, hiện ở Thủ-Đức cách Saigon 14 kilômèt, họ có mấy nhà máy cất rượu.

3. — Cái chức thầu khoán trong Nam-Kỳ, hầu hết là Hoa-Kiều làm cả.

4.—Cái thể-lệ ấy đã thi-hành mấy năm nay rồi, nghĩa là đã bắt những Hoa-thương ở đây, nhất thiết sổ sách giấy má, lập hội kết xã, về việc buôn bán đều phải theo luật thương-mại của Pháp, các chú cũng tuân theo, nhưng chỉ có hình-thức đấy thôi, chứ cái tình hình bề trong, bây giờ cũng thấy nghiệm như những lời mà người viết bài ấy đã nói tiếp sau đó.

còn chút đỉnh thì chia nhau cho hàng bao nhiêu người chủ nợ thế là hết chuyện. Chẳng có thế dùng cách nào mà trị được những kẻ hùn phần hay là những kẻ khác mà mình chẳng biết là ai, trước khi vỡ hiệu, thì chúng đã khôn ngoan, rút hết những vốn liếng của hội ra, và thu được đồng tiền nào thì đã chia nhau rồi. Được ít lâu, anh lừa đảo của hội kia lại ở Hương Cảng sang mở hiệu, đặt tên là hiệu «Chí-Thành». Thế là lừa đảo được trôi chẩy đó».

Người viết bài ấy lại chỉ tỏ ra rằng «muốn cho được đẩn-hộ cuộc buôn bán của các chú Thiên-Triều, cho nên Chính-phủ thỉnh-cầu được nhiều dụ-chỉ ở bên Bộ sang, giảm bớt hoặc tha hẳn thuế cho phần nhiều vật-sản của Tầu đem bán vào Đông-Pháp nữa (cá khô, quả khô, chè Tầu, thuốc lá Tầu, rượu thơm, tơ lụa, đồ thêu, quần áo cho người Á-đông, đồ thờ v.....v.....) Những vật-sản mà người bản-xứ hay dùng thì chẳng được giảm hoặc tha thuế, những đồ được giảm hoặc tha thuế, phần nhiều là người Tầu hay dùng.» (1)

Nghiệm lời người viết bài ấy, nói những từ năm nào, mà xem cái tình-thế buôn bán của Hoa-kiều trong Nam-kỳ, vẫn đúng như thế mới biết người Tầu sang doanh-nghiệp ở ta, phần nhiều vẫn giữ cái cố-tập từ xưa, cái căn-tính không tốt, lại nhờ được sức đẩn-hộ đủ cả mọi mặt, không trách nào trong thương trường ta, người Hoa-kiều tung-hoành đến thế được.

---

1. — Đoạn này, người viết bài kia nói có hơi quá đôi chút.

V

Sao người Nam-Kỳ ta không trọng nghề nghiệp? — Nghề nghiệp của Hoa-kiều. — Nghề thủy-vận — Các công-nghệ khác. — Nhân-công.

Ai vào Nam-kỳ ở ít lâu thấy mỗi sự gì cần dùng, phần nhiều phải chạy đến các chú thì mới có, bất giác phải kêu lên rằng: đất Nam-kỳ của nhiều người đông, sao không có công-nghệ gì là công-nghệ, ngay đến những thứ cần dùng trước mắt, cũng không tự biện lấy mà dùng? Có biết đâu rằng: trong Nam-kỳ người đông thật, mà không phải là nhân-công, của nhiều thật mà không phải là tư-bản. Là vì người đông, nhưng trừ những người làm ruộng, và làm « việc Nhà-nước » ra. — số này tính cho giỏc cũng không bao nhiêu người, — còn thì đều ham cái chủ-nghĩa phóng-túng, có thiết gì đến sinh-nghiệp (là nói sinh-nghiệp đứng đắn, có ích cho thân mình, cho xã-hội); của nhiều nhưng có thể nói được toàn là của mấy ông điền-chủ, ngoài sự ruộng xâu trâu nái, lúa dụn thóc kho ra, tưởng không còn bụng dạ nào để làm đến việc khác, vả chăng tiếng là xứ ruộng nhiều gạo lắm, mà còn đến mấy triệu mẫu đất chưa khai khẩn ra, thế thì người có ấy, của có ấy, hãy để làm những việc khẩn hoang ấy cũng chán.....

Phương chi còn vì hai cái trở-lực như sau này nữa:

Một là tại khí-hậu khó chịu. Khí-hậu và cuộc sinh-hoạt hành-động của người ta, rất là quan-hệ với nhau; khí-hậu dễ chịu thì người ta thấy tinh-thần khỏe khoắn, mới ham làm việc, nếu khó chịu, thì thấy tinh thần uể-oải, đâm ra tính lười, không thiết mó tay đến việc gì cả. Khí-hậu trong Nam-kỳ khó chịu thật; Ông Léon Werth là một người có tiếng trong báo giới Pháp (1) độ đầu năm mới rồi, sang du-lịch Nam-kỳ có ít hôm, mà bình-phẩm xứ Nam kỳ rằng: « Ấy là một xứ có ý-vị cho những người ở đấy ăn chơi sung sướng, mà thật là một xứ đáng chán cho những người muốn ở đấy để làm lụng», tức là có ý phàn nàn về

1. — Lại là một người lãnh-tụ trong đảng cộng-sản Pháp, cho nên khi sang đây, bị trông nom riết lắm.

khí hậu Nam-kỳ mà nói vậy. Đầu năm đến cuối, nóng nực luôn luôn, không khi nào rời được cái quạt, mà nóng lại nóng âm thầm bứt rứt, ngày làm việc độ 7, 8 giờ đồng hồ, đã lấy làm mệt nhọc lắm rồi, không nghỉ không chịu được, chớ không phải như ngoài Bắc này, quanh năm chỉ phải 5 tháng vừa nóng vừa rét, còn 7 tháng thì thật là mát mẻ dễ chịu, làm việc không hay nản. Vì thế, mà những nghề như nghề buôn bán công-nghệ, là những nghề tổn sức óc, mướt mồ hôi, người Nam-kỳ ta trông thấy mà ngại.

Hai là lại dễ kiếm ăn. Đất Nam-kỳ, tấc cỏ ngọn rau, đều là tiền bạc ; những đám cùng-dân, đã không chịu làm thì thôi chịu làm thì thế nào cũng đủ ấm no sung sướng. Ta vào đấy thấy không có mấy người mặc quần áo lam lũ, ăn mày ăn xin, mà những hạng làm cu-li, phu gạo mặc lòng, sáng nào cũng củ-tíu (1) cà phê, tối nào cũng nước trà bánh ngọt, đó là cái chứng cớ dễ kiếm ăn vậy. Ở những các miền nhà quê, cày một thửa ruộng, bạt mấy cái bờ, cũng là được đồng bạc hay hơn đồng bạc công; ở nơi thành-thị, những kẻ đi vác gạo kéo xe, chỉ làm một lúc hoặc nửa ngày, kiếm một vài đồng bạc như chơi, thế là ngày ấy còn bao nhiêu giờ, cũng chỉ nghỉ ngơi chè chén, không thèm làm nữa. Đến những kẻ đi làm bồi bếp, hay là dọn dẹp trong các tiệm buôn, tháng kiếm được mươi lăm hay vài ba chục đồng là thường, mà cũng ngày làm hai buổi, trưa giấc ngủ ngon, như thế thì còn có làm nghề gì, nhàn hạ mà kiếm chác được dễ hơn nữa không ? Ai dại gì làm nghề khác, vất vả suốt ngày, nào chắc đâu đã kiếm nổi như vậy.

Cho nên, có người nói, ở trong Nam-kỳ, trừ nghề làm ruộng là nghề căn-bản ra rồi, đến nghề thợ bạc, nghề thợ may và một vài nghề nhỏ nhặt nữa, thì không có nghề gì khác ; ta xem mỗi lần hội chợ Hanoï, ở gian Nam-kỳ, chỉ thấy nhiều ve đựng gạo mà thôi, ngoài ra không có đồ gì đáng gọi là đồ công-

(1) là một thứ như cháo để ăn sáng, của các chú bán.

nghệ chế-tạo, như thế thì đủ biết. Đến như nghề lặt vặt cũng không chịu làm lấy mà dùng, hoặc bởi cho là khó nhọc và đê-tiện, hoặc lại thấy ít tiền không thèm làm, ấy tức là cách mở tung cửa ra cho người Tầu sấn vào vậy.

Nghề nghiệp của người Hoa-Kiều trong Nam-kỳ cũng thịnh lắm, không chỉ những buôn bán mà thôi. Nghề nghiệp họ làm, to thì mở mang lừng lẫy, ganh đua với người, nhỏ thì đủ nuôi những lũ đàn bà con trẻ, cùng là bọn không học thức, không tiền tài, đời sinh hoạt đã chẳng phải lo, mà lại có cơ tiến-thủ mạnh nữa. Họ soay sở khéo lắm, nghề gì cũng làm, mà những nghề họ làm đó, ví ở ngoài Trung, Bắc này, thì tất người mình làm, thế mà ở trong Nam-kỳ, họ không làm không được. Có người nói : nếu Hoa-Kiều không làm, thì Nam-kỳ không lấy vật-liệu đâu mà dùng, tưởng không phải là nói quá đáng.

Nghề nghiệp của họ thật nhiều, mà nghề nghiệp gì xem ra cũng khá hết cả.

Trước hết ta hãy nói về nghề thủy-vận. Xứ Nam-kỳ nhờ có sông Cửu-Long-giang, chia làm Tiền-giang, Hậu-giang, lại chia làm nhiều sông ngành sông nhánh, mà phần nhiều các tỉnh-thành đều ở bên sông, cho nên sự giao-thông, đường thủy có phần tiện-lợi hơn đường bộ ; các tầu bè chạy trên sông ấy, toàn là của Tây và Khách-trú, mãi sau khi tẩy-chay xong, ta mới có một chiếc tầu Phán Nuôi (tức là tên ông chủ tầu ấy, ở Vĩnh-Long) chạy đường Saigon Phnom-Penh (Kinh-đô nước Cao-Miên, ta gọi là Nam-Vang, Tầu đặt tên là Kim-Biên, 金邉, từ Saigon lên mất 2 đêm một ngày), và sau này có một vài chiếc nhỏ nữa chạy ở miền Long-Xuyên, Châu-Đốc, ấy thế mà thôi, còn thì vào tay Hoa-Kiều cả, Tây tuy có một hãng *Messageries Fluviales*, có mấy chiếc tầu, trông to tát, đẹp đẽ, sạch sẽ, sang trọng, nhưng cách kinh-doanh nhiều lợi, chưa chắc đã được bằng người Tầu.

Họ lập ở Chợ Lớn mấy cái xưởng đóng tầu, to nhỏ đến non một trăm chiếc, chạy khắp trên sông Cửu-Long-giang, hễ chỗ nào mà sông có đủ nước chạy tầu, là thấy có hiệu còi của tầu

các chú, để chở hành-khách, và chở hàng-hóa ; trong Nam-kỳ, chở hàng-hóa mà do tầu thủy, thì lại càng tiện và chóng lắm, nhân thế mà ta thấy Khách-trú ở Chợ Lớn gửi đồ hàng đi các nơi, cùng là các nơi gửi tiền về giả, hầu hết là do tầu thủy các chú chuyển-đệ cho, ít có khi cần đến sở bưu-chính. Thuyền bè của họ cũng không ít : nội là những thuyền bè cùng sà lan, chở lúa ở Lục-tỉnh về nhà máy Chợ Lớn, rồi chở gạo ở các nhà máy Chợ Lớn ra bến tầu Sàigon, cuộc vận-tải này thật là hoạt-động luôn luôn, toàn là người họ chủ-trương lấy cả, ngoài ra còn chở củi, chở than, chở gạch ngói v. . . v. . . cũng là thuyền bè của các chú làm, thành thế ra số dân họ ở dưới nước, và sinh-nhai về nghề thủy-vận này, mới đến hơn một vạn người. Nghề ấy của họ phát đạt như thế, mà nào có thấy ai tranh dành được, trước đã nghe ông Bạch-Thái-Bưởi định đóng ít nhiều tầu, để vào chạy trong Nam-kỳ, nhưng mãi không thấy gì, hay là tin ấy không thực, hay là ông tự liệu sức mình chưa đủ mở mang ra trong ấy được ?

Đến như gọi là các nhà công-nghề chế-tạo của họ, ở Saïgon, trừ mấy nhà đóng đồ gỗ gụ ra. thì không có công nghệ gì đáng kể, nhưng mà Chợ-Lớn đã gọi là kinh-đô buôn bán của Hoa-kiều rồi, giá có gọi là nơi trung-tâm công-nghệ của họ nữa cũng được. Không kể những nhà máy gạo, những xưởng đóng tầu, là công-nghệ to tát, và đã nói ở trên kĩa ra rồi, thì Chợ-Lớn còn có nhiều công-nghệ nữa, ta nên biết lắm.

Thứ nhất là nghề làm chum, vại. thạp, liễn v...v... bằng sành : những đồ này trong Nam-kỳ không thấy có nhà nào không dùng, mà tuyệt nhiên không thấy một người mình nào làm cả, chỉ toàn là Khách-trú thôi. Họ có đến mấy lò nung những thứ này, mà nhất là cái lò ở dường Cây-Mai, chế những đồ sành vẽ hoa, và bôi thuốc rất khéo đã có tiếng lắm, người Âu-châu nào đến Nam-kỳ, tất là vào đấy xem, cho là một nghề mỹ-thuật của người Tầu vậy. Họ có cả nhà máy nung gạch ngói v...v... chở đi bán khắp cả Lục-tỉnh ; nhà máy cưa, xưởng làm các đồ bằng thủy-tinh ; mấy nhà thuộc da theo lối Tầu : nhiều nhà dệt vải :

nhiều nhà chế sà-phòng. v...v... Nếu biên hết được cả những công-nghệ của họ trong Chợ-Lớn, thì tất phải cuốn sổ dài, đây là chỉ kể những nghề to tát mà thôi.

Còn như ở Lục-tỉnh, thì có khi tỉnh nào họ cũng có công-nghệ, và cả canh-nông nữa, đại-khái công-nghệ to tát mà họ ở các tỉnh như sau này:

Bắc-Liêu : dệt chiếu, đánh cá ở miền Cà-mâu; làm muối

Bà-Rịa : giồng bông, làm muối. Tỉnh Bà-Rịa này, hải-phận nhiều, cho nên có đến 800 mẫu ở quanh vùng mấy làng Long-Thành, Long-Điền, là ruộng làm muối, mỗi mẫu mỗi năm được đến 6000 cân tây muối, cái quyền này lâu nay vào tay Hoa-Kiều mãi.

Biên-Hòa : tỉnh này giồng nhiều chè (tức là chè Huế,) Hoa-Kiều mua rồi chế-hóa thế nào, làm thành như chè của Tầu, mà lại bán cho ta.

Gai-Định : làm nghề đánh cá ở cửa Cần-giờ rất nhiều.

Hà-Tiên : toàn khách Hải-Nam ở, giồng hồ-tiêu và đánh cá rất thịnh.

Rạch-Giá : nhiều nhà dệt chiếu hoa rất tốt.

Sa-Đéc : cũng nhiều xưởng dệt chiếu trơn.

Thủ-dầu-Một : lò làm đồ sứ.

Trong tất cả các công-nghệ của Hoa-kiều ở Nam-Kỳ, ta nhận kỹ thì thấy có mấy nghề này thua người bản-xứ. Một là nghề nhuộm thâm. Ở Cao-Lãnh họ cũng có một vài lò nhuộm nhưng kém cái nghề nhuộm ở mấy làng Gò-vấp, Phú-nhuận, Hốc-môn và Thủ-đức (thuộc tỉnh Gia-định) xa, chính những nhà buôn tơ lụa của Hoa-Kiều ở Chợ-Lớn, cũng phải thuê những làng này nhuộm ta thấy những the Saigon, xuyến Saigon, lĩnh Saigon, hàng thì hàng Tầu, nhưng toàn là ta nhuộm, trông mỡ màng bóng bẩy, khéo và đẹp biết bao nhiêu. Hai là nghề làm đồ vàng bạc. Đồ này thì người bản-xứ làm tinh-tế và mỹ-xảo hơn nhiều, ta thấy lá vàng rõ mỏng tanh, mà chạm trổ được rất khéo, đáng gọi là mỹ-thuật của Nam-kỳ lắm. Ba là đến đồ sứ. Đồ sứ ở bên

Tầu chế làm sao mà đẹp thế thì không biết, chớ đồ sứ của Hoa-Kiều chế ở đây men đục dáng thô, trông rất là xấu, còn thua đồ sứ của ông Nguyễn v-Tấn ở Haiphoug, và công-ty Hợp-lợi nhiều lắm. Ngoài ra, nghề gì ta cũng chẳng bằng họ, mà nghề gì cũng nằm vào trong tay họ hết. .

Nói tóm lại ngay những vật-liệu ta thường dùng, trong 100 phần phải ngưỡng-cấp ở Hoa-kiều đến 80 phần, chưa kể đến những nguyên-liệu của ta mà họ lợi-dụng để chế ra các vật-sản đem ra bán ở ngoại-quốc nữa, thì đủ biết nghề-nghiệp của họ phát-đạt là thế nào? Vả lại, họ làm nghề gì cũng kiếm ra nhiều tiền cả, nếu không thế thì lấy đâu mà ăn uống tiêu pha, vợ con nhà cửa, lấy đâu mà mỗi năm bao nhiêu là thuế, lại lấy đâu mà khuân của về Tầu.

Nghề nghiệp của họ đã thịnh, cho nên họ nuôi được một đảng nhân-công khá lớn, từ đàn bà trẻ con, cùng là kẻ già yếu tàn tật, chạy giặc chạy đói ở bên Tầu sang, vô số nghề nghiệp làm ăn, không lo chết đói. Họ đã sẵn có bụng đùm bọc lẫn nhau, cho nên đồng-bào họ đã đem thân — có khi cả gia quyến — vào đất Nam-kỳ, dễ thường không ai là kẻ vô dụng mà đến nỗi thừa. Trong các nhà buôn bán, từ anh thư-ký cho đến thằng bồi nấu ăn, họ dùng toàn người họ chớ không dùng đến người mình. Trong các xưởng đóng tầu, các nhà máy gạo, các xưởng dệt, các xưởng máy, các nơi giồng giọt, cho chí thợ mộc, thợ may, thợ giặt, vót đũa, đan rổ, bán thịt, gánh nước v... v... toàn thị là nhân-công họ làm cả, ở những nơi đô hội như Saïgon và Chợ Lớn, muốn chữa cái cánh cửa, cũng phải thợ các chú, muốn giặt quần áo, thì cứ hào tư một bộ, cũng phải đưa cho thợ các chú, mà ở trong chợ búa, những món ăn cần dùng cũng là các chú bán cả ; đại khái như thế, muốn dùng gì tất phải cần đến họ, người bản-xứ tuy cũng có làm những nghề ấy, song có thấm thía vào đâu ! Phần nhiều những tiện-nghệ, vì bằng dùng nhân-công mình thì có phần rẻ hơn nhiều, song đắt hơn đôi chút, mà họ cứ dùng người họ, tấm lòng bao dung

đồng loại như thế, cho nên đám khồ-công bên Tầu, là một thứ nhập-cảng lớn ở Nam-kỳ vậy.

Họ cũng có đi làm việc Tây, nghĩa là làm trong các sở Nhà-nước và thứ nhất trong các hãng buôn. Trong Nam-kỳ, công-sở nào cũng có người Tầu làm vì có nhiều việc phải cần dùng giao-thiệp với họ. Trong các hãng buôn, thí dụ như nhà ngân-hàng, cùng là các công-ty xuất, nhập cảng của người Âu Mỹ, đều phải dùng người Tầu làm Compradore (*Mại bản*), mà không dùng người mình, bởi cho người mình chưa đủ tư cách đứng vào cái địa-vị ấy.

Nói tóm lại, Hoa Kiều ở trong Nam-kỳ, chỉ trừ có cái nghề kéo xe tay, là cái nghề mà bọn họ ở bên Nam-dương quần-đảo (Singapour, Java, Malaisie v... v...) làm nhiều, mà ở đây không làm, vì là còn giữ cái thể-diện « thượng quốc » đôi tí, còn thì nghề nghiệp gì, cũng là ở tay họ làm hết, những sự nhu-dụng của ta, phần nhiều là họ cấp cho cả. Có người Nam-kỳ nói hách dịch rằng : « Mình sẵn tiền của, để Chệt nó làm đầy tớ cho, chẳng xướng lắm ư ! ». Câu nói ấy hách-dịch lắm, nhưng nghe có phải hay không ?

VI

Việc giáo-dục. — Việc truyền-bá tư-tưởng. — Việc từ-thiện. — Việc Y-tế.

Hoa-Kiều đến ở một chỗ nào, chẳng những đã không muốn đồng-hóa với chỗ ấy, mà lại muốn lập chỗ ấy thành nơi «đệ nhị cố-hương» 第二故鄉, quê quán thứ hai) của mình, cho nên mọi công-cuộc có quan-hệ đến đoàn-thể, đến thế-lực, đến tương-lai của họ, như những việc giáo-dục, việc từ-thiện, việc y-tế, cho đến việc truyền-bá tư tưởng bằng báo và sách, họ đều gây dựng lên và đâu có trật tự ra đấy cả.

Họ vào ở đất Nam-kỳ ta cũng vậy, trong khi đã làm vững chãi được cái thế-lực của họ trong trường kinh-tế rồi, thì họ chăm lo xếp đặt ngay các việc kia, biết rằng có quan-hệ đến vòng sinh-hoạt của họ ở đây, và cuộc tương-lai của họ về sau nữa.

Về việc giáo-dục, họ càng lưu tâm, nhân vì họ sang doanh-nghiệp bên này, có kẻ đem cả vợ con sang, có kẻ lấy người mình sinh ra con cái, muốn cho những đàn con ấy, biết đến tổ-quốc, và không quên được cái bản sắc của mình, nghĩa là không muốn để cho con cái mình đồng hóa với người bản-xứ, cho nên việc giáo-dục thì họ tự biện lấy, theo cái mực thước của mình, các nhà hào thương, bỏ tiền ra quyên vào việc giáo-dục nhiều lắm, ấy cũng nhờ thế mà có trường tư-lập và công-lập rất nhiều, con cháu của họ không có cái lo nhà trường chật bàn ghế, ta đừng có tưởng người Tầu sang đây, không trọng học thuật mà nhầm.

Kể các trường tư của họ lập ra ở hai thành-phố Saigon và Chợ-Lớn cùng là ở Lục tỉnh, để dạy hoặc Hán-văn hoặc Pháp-văn, thì nhan nhản không biết đâu mà đếm. Còn như các nhà trường công-lập, nghĩa là những nhà trường mà Hoa-Kiều bỏ tiền ra lập chung với nhau, thì một góc thành-phố Chợ Lớn, trường tiểu-học đã thấy có nhiều, mà có hai trường này là to nhất : một là trường «*Huệ thành trung-học*» 穗城中學. học sinh phỏng 200 người, toàn là 17,18 tuổi trở xuống ; trông cách thức xếp đặt thì biết rằng kinh-phí cũng nhiều, vì nhà trường to tát lắm, có nhà ngủ, phòng học, phòng tắm, sân chơi, lại có

sân tập thể-thao nữa, do một tay chuyên-môn của họ dạy, học sinh thì quần áo mũ giầy, ăn mặc phải cùng theo một lối, chương-trình học cũng rộng, các khoa toàn là Hán-văn, ngoài kiêm cả đến ngoại-quốc-văn, như là chữ Anh, chữ Nhật, chữ Pháp v..v.. trong bọn học-sinh, những kẻ thông minh cường-tráng rất nhiều, mỗi khi có lễ gì, ta thấy bọn học sinh ấy, ăn mặc một sắc, đánh trống thổi kèn, vác lá cờ năm sắc cộng-hòa đi hàng đôi ở ngoài đường, thì trông cũng có vẻ mạnh mẽ lắm. Hai là trường «*Khôn-đức nữ-học*» 坤德女學, để dạy con gái, học trò cũng đông, mà cho đàn bà quản-đốc, chương-trình thì chỉ dạy qua loa những điều thường-thức về các khoa học v..v... còn thì toàn là dạy nghề may vá, cách nấu ăn, là môn học thiết thực cho đàn bà, đàn bà của họ học như thế, chớ không học phiếm như các cô nữ-học-sinh nước mình, đỗ đến bằng thành chung (Diplôme d'Etude complémentaire) mà về nhà nướng miếng thịt cháy khô, thổi nồi cơm không chín, như là cô Nguyễn-thị-Nhung đã phàn nàn ở trong báo *Echo Annamite* mới rồi (số báo ra ngày 7 Juillet 1924)

Cao hơn một bậc nữa, thì họ có trường «*Trung Pháp học hiệu*» 中法學校 (Lycée Franco-chinoise), cũng ở Chợ-Lớn; giáo-viên phần đông là người Pháp, mà học-khoa thì trọng thương-mại hơn là các khoa học khác. học sinh được độ 100 người; các nhà văn-hào chí-sĩ của họ, như hạng Uông-tinh-Vệ, 汪精衛, Sái-nguyên-Bồi 蔡元培, đi qua lại Nam-kỳ, thường diễn-thuyết trong trường này luôn.

Trường nào cũng vậy, họ dùng nhiều cách cổ-lệ học trò, cốt nhất là rộng kiến-văn và trí phán-đoán, như mỗi khi có việc gì mới lạ xẩy ra ở nước họ, hay là ở Âu-châu, thì trong trường yết bảng ra cho học trò xem rõ đầu đuôi việc ấy rồi, đấy tức là cái đầu bài, hỏi ý-kiến từng người, xem phỏng mình gặp việc như thế, thì đối phó ra làm sao, ấy là cách luyện-tập trí suy-nghĩ nhanh nhẹn cho bọn thanh-niên họ vậy. Ngoài ra họ cũng dùng cách dạy học truyền-khẩu, để dạy đám lao-động, năm ba

ngày lại họp một lần ở nhà công-quán, mở cuộc nói truyện nói về lịch-sử, địa-dư, công nghệ, thương mại, v... v... dám lạo-công nhân đó mà không đến nỗi u-mê về mấy điều thường-thức.

Việc học họ đã làm phổ-cấp như vậy rồi, lại còn mở ra nhiều nhà in và báo chương để làm cơ-quan giúp ở ngoài nữa.

Cái nghề nhà in và nghề làm báo của bọn Hoa-Kiều trong Nam-kỳ cũng phát đạt lắm. Ở Saigon và Chợ-Lớn, họ có 3 cái nhà in to, sinh-kế nghe chừng có vẻ khá, vì cứ in những giấy má buôn bán của họ cũng đã đủ nhiều công-việc rồi. Thợ làm toàn là người họ cả. Báo giới thì họ có báo « *Nam-kỳ Hoa-Kiều nhật-báo* » 南圻華僑日報 do người Quảng-Đông tổ-chức lên, xuất-bản hàng ngày, ở giữa phố Thủy-binh (rue des Marins) là phố buôn bán to nhất trong Chợ-Lớn, nhưng đã mấy lần chết đi sống lại, xem chừng không được phát đạt, vì dân-đảng Quảng-Đông là dân đảng của Tôn-Văn, thì hình như các dân-đảng kia không hoan-nghinh mấy.

Khi mới đầu, quyền biên-tập báo ấy do ở tay một cụ Tú cổ nào ở đời Mãn Thanh đứng chủ-trương, tư-tưởng cũng quá nệ như mấy ông đồ già của mình, nên xem buồn lắm. Về sau, sửa sang mãi, thì mới thành một tờ báo đứng đắn, nhưng tôn-chỉ cũng chỉ hạn ở chỗ này, là khuếch-trương việc buôn bán. Vả chăng, không có ai nói, nhưng ta đồ chừng cũng biết rằng : họ lập báo trong đất nước mình, thì cũng chẳng có quyền nói tự-do nào, nghĩa là phải theo cái chương-trình đã hạn-định, vì Nhà-nước sợ hoặc họ có làm phương-ngại đến việc chính-trị, và phiến-động dân mình chăng ? Bởi vậy cho nên, cách thể-tài của tờ báo ấy, trừ đăng những tin tức lặt vặt ở bên nước họ và bên ta ra, thì cũng chuyên-trọng về mặt buôn bán, có thể gọi là tờ nhật-kê của phòng Thương-mại cũng được.

Trừ hai cơ-quan ấy ra, thì người Hoa-Kiều không có một thứ sách vở nào xuất bản trong Nam-kỳ, nhưng mà họ có nhiều cửa hàng sách ; những cửa hàng sách bán đủ các môn loại, mấy hiệu sách Tầu ở ngoài ta chưa thấm vào đâu, người

mình vào mua, trừ mấy quyển tiểu-thuyết nhảm ra, còn những pho nào có giá-trị lớn, tư-tưởng hay, thì hình như họ không muốn bán cho. Ấy cũng là một điều lạ. Thư-viện của họ, lớn nhỏ rất nhiều, trong nhà công-quán của mỗi bang, đều có nhà xem sách, dủ cả sách, Hoa, Anh, Pháp, Nhật v..v.. nhưng cũng là sách về các khoa học phần nhiều, thứ mới đến tiểu-thuyết.

Than ôi! Đẳng dân Hoa-Kiều ở ta thật là được yên thân yên phận làm ăn, đói rét không đến nơi, súng đạn không nghe tiếng, bao nhiêu cái quang-cảnh loạn-li khổ sở ở bên họ bây giờ, họ tránh xa được cả, thì chỉ có việc buôn bán làm giầu, ngoài việc buôn bán làm giầu, thì chỉ có việc mở mang giáo-dục học-thuật, phương chi họ súc-cảm về cuộc chính-trị ở trong, đau đớn về việc áp-chế ở ngoài, thân tuy ăn ở đất người, lòng hằng quyến luyến nước tổ, vậy thì về mặt mở rộng tri-thức, bồi bổ tinh-thần cho nhau, là việc phận-sự của họ phải làm, ta không lấy gì làm lạ vậy.

Đến như việc từ-thiện, việc y-tế, họ lại càng lư . ý lắm, vì những việc kia quan-hệ đến tinh-thần, thì những việc này quan-hệ đến sinh-mệnh. Ta nên biết rằng: Hoa-Kiều rất nặng về tấm lòng hương-quốc, thì cũng nặng về khối tình đồng-bào, cho nên đối với công-việc từ-thiện và y tế, họ coi là cần dùng lắm, mà cần dùng thật. Việc từ-thiện thì họ có đủ cả nhà bảo-cô, xe chữa cháy, sở nuôi những kẻ tàn tật, khoản tiền cấp cho kẻ nghèo nàn v...v... ấy là việc từ-thiện chung của đoàn-thể đối với cá-nhân, đến như cá-nhân đối với cá-nhân, thì việc ấy họ lại nhận là nghĩa vụ nữa. Ta thường thấy nhiều người Hoa-kiều vợ con đề huề, không may gặp phải cảnh thất cơ lỡ vận, thì anh em rước cả về nhà nuôi, nhường cơm cho ăn, sẻ áo cho mặc, đưa tiền cho tiêu, lại tìm việc cho làm, cái lòng yêu nhau thật là đến nơi đến chốn lắm, một năm như một ngày, tuyệt chẳng có ý nào lận-tích với nhau cả, vì cái tiếng hào-hiệp họ vẫn có xưa nay. Nhân thế mỗi khi có việc gì làm phúc, thì họ sợ sau tranh trước, quyên giúp rất nhiều, chẳng thế mà khi Tôn-Văn làm cách-mạnh, tiền dùng

để vận-động hàng vạn hàng triệu đều nhờ bọn Hoa-Kiều, nghe nói những ngày ấy, Hoa-Kiều ở Nam-kỳ quyên cho Tôn đến hàng mấy triệu, như thế thì họ hiểu đại-thể nhiều lắm.

Việc y-tế thì họ có lập ra ở Chợ-Lớn một nhà thương to và riêng cho người họ nằm dưỡng bệnh, thể-thức y như các nhà thương lớn mà Nhà-nước lập ra ở đây, cũng do người Pháp trông nom, cũng chia ra chỗ phát thuốc, phòng thăm bệnh, nơi làm phúc, nơi mất tiền, mà tiền phí tổn thuốc men v.. v... toàn là ở sổ chi-thu chung của họ xuất ra cả. Ngoài ra những thầy thuốc người họ, lập ra bệnh-viện riêng cũng nhiều lắm, ta đi quanh ở Saigon, Chợ-Lớn và ngay ở Lục-tỉnh cũng vậy, thấy ngoài cửa có biển đề « Y-học bác-sĩ Mỗ Mỗ ngụ » cùng là « Tân-pháp nữ-hộ-sản Mỗ Mỗ ngụ » thật nhiều, đếm không thể hết được. Người Tầu chuyên môn nghề chữa mắt chữa răng theo lối Âu-châu có 5, 7 nhà, tiệm bán thuốc tây một vài nhà, còn đến như những tiệm bào-chế lớn nhỏ nhiều quá, lớn như những hiệu Nhị-Thiên-Đường 二天堂, Quảng-Tín-Ký 廣信記, dám đăng cáo bạch mỗi tháng một trăm đồng, mà thuốc hoàn-tán của họ mỗi năm bán ch ta không biết bao nhiêu vậy không nên khinh rằng cái nghề « bàn tán, dao cầu » của họ, là nghề không phát đạt.

Xem thế, thì họ sang doanh-nghiệp ở ta, cốt mưu gây dựng lên cái cơ-sở lâu dài, cho nên mọi việc đều mở mang hoàn-thiện như thế, nghĩa là họ muốn lấy đất Nam-kỳ làm nước Trung-hoa thứ hai vậy. Ai tưởng rằng: Hoa-Kiều đến đây, ai cũng chân ướt chân ráo, hễ dầy túi là về; nếu nghĩ kỹ mới biết mình nghĩ thế là nhầm, chưa suốt được cái tâm-lý cao xa của họ, là muốn tàm-thực ta, mà người trước cốt gây dựng lên, để dìu dắt bảo hộ cho người đến sau vậy.

VII

Cái tính chất riêng của Hoa-Kiều tính nhẫn-nại. Cái tư-tưởng thôn-lạc. — Hoa Kiều ở đây, cuộc trị-an của ta có ngại gì không? — Mấy cái tội án của Hoa-Kiều: Thiên-địa-hội; buôn người; làm giấy bạc giả v... v...

Từ đầu đến đây, độc-giả đã biết đại-khái cái thế-lực của Hoa-Kiều trong Nam-kỳ to lớn vững vàng là thế nào rồi, nhưng nhờ về đâu mà họ gây được cái thế-lực to lớn vững vàng như thế? Tác-giả chỉ nói rằng: nhờ về cái tính nhẫn-nại của họ.

Tính nhẫn nại là tính chất riêng của người Tầu, người thế-giới đã đều chịu phục. Muốn làm công-việc gì mặc lòng, họ đều lấy nhẫn-nại làm bản-lĩnh, cho nên tổ-quốc họ chẳng hề có khuyến-khích cái chính-sách thực-dân, mà ngay họ cũng chẳng có cái tư tưởng thực-dân, thế mà miếng đất nào trong gầm giời này, họ cũng đặt chân vào mà sinh cơ lập nghiệp được, ấy là nhờ có tính quen nhẫn-nại đi rồi.

Tính nhẫn-nại của họ, có một từng cao hơn mọi người trong thế-giới, là có sức chống chọi lại được với khí giời: rét mướt như ở Tây Bá-Lợi-Á (Sibérie), nóng chói như ở quần-đảo Nam-Dương, (xứ Nam-kỳ ta cũng thuộc về khí-hậu này) người Tầu cũng coi như là một nước thứ hai của mình. Một người Tầu là Trúc-khả-Trinh 竺可楨 nói rằng: «... Những người ở nhiệt-đái, không thể nào chịu nổi được khí-hậu cuối mùa đông ở bên ôn-đái, như là người Phi-châu, không sao sinh trưởng được ở chỗ khí giời dưới 40 độ; lại người quen ở ôn-đái đi rồi thì không thể nào chịu nổi được khí giời ở hàn-đái và nhiệt-đái; như là người châu Âu, sang Ấn-Độ ở hai ba năm, tất phải về nước một lần; ở bờ bể phía tây châu Phi, đã có tên gọi là cái *« mồ người da trắng »*, xem thế đủ biết cái sức đề-kháng khí giời của loài người rất là hèn, nhưng người nước Tầu ta thì không thế, nội là

những chỗ rét nhất nóng nhất ở trong thế-giới này, đều có vết chân người Tầu .... ». (1) Thật là nói không sai, mà người châu Âu nói là « Hoàng họa » (cái vạ da vàng, *le péril jaune*,) là cũng có ghê cái tính nhẫn-nại của người Tầu một đôi phần vậy.

Đến như trong các công-việc làm, cái tính nhẫn-nại của họ, ta lại cũng nên sợ lắm. Ở trong Nam kỳ, là chỗ tụ-họp rất đông những đám lao-công người Tầu, ta thấy họ thức khuya dậy sớm, giãi gió dầu mưa, làm lụng suốt ngày, hình như không biết mỏi, mệt, cho nên có nhiều đồn điền giồng giọt, các xưởng máy, các tầu chạy biển, đều dùng người Tầu nhiều, cho là có tính chịu khó, làm được nỗi nhiều việc mà người ta không thể làm được. Tức như một việc đốt than ở dưới tầu biển, vì gần lò nên nóng nực quá, người châu Âu làm thì súc được vài sẻng than bỏ vào lò, lại ra ngồi hứng gió và hút thuốc lá, chớ người Tầu, cứ ngồi luôn ở trước lò, lại lựa từng cục than mới bỏ vào, chịu được cả nóng nhân thế người Tầu có tiếng là đốt than giỏi nhất. Xem thế thì tính nhẫn-nại của họ ghê quá, suy ra công-việc gì cũng làm được thành công to là thế vậy.

Người Hoa-Kiều yêu nước, mà còn yêu cả làng, tức Lương-Khải-Siêu 梁啓超, là bậc đại-văn-học ở nước Tầu hiện thời gọi là cái « tư-tưởng thôn-lạc 思想村落. Ta thấy bọn Hoa-Kiều trong Nam-kỳ, bang Phúc-Kiến, bang Quảng-Đông lập trường riêng dạy bằng tiếng bang mình v... v... lại thường khi trong bang này bang khác, sinh sự xung đột với nhau, là vì cái tư-tưởng thôn-lạc này cả. Tiếng nói không được thống nhất, thì cảm tình dễ phải phân chia, cho nên mới có cái tư-tưởng ấy. Tư-tưởng ấy cũng có lợi, nhưng nếu quá độ, thì rất ngăn trở cho sự dân-tộc tiến-hóa, ta xem Hoa-Kiều sang ta, người mỗi tỉnh — tức là mỗi thứ thổ-ngữ - kết hợp thành một bang, chứng tỏ ra rằng : cái tư-tưởng thôn-lạc của họ quá độ vậy. Song lâu nay thì họ đã biết nghĩ đau về nỗi giống nòi bị người khinh rẻ, nên đã mộ cái tư-tưởng quốc-gia, mà cùng nhau mưu an công

1. Thấy ở trong «Khoa-học tạp-chí.» 科學雜誌 của Tầu

công ích lắm rồi, cho nên xem hiện trạng của Hoa-Kiều ở Nam-kỳ ngày nay, cái tư-tưởng kia, hầu như đã gần bỏ đi được hết.

Tuy vậy, ta cũng nên biết rằng : nhờ có cái tư-tưởng thôn-lạc như thế, mà họ sinh ra được một cái đặc-chất rất hay, là lòng bảo-thủ, chớ không chịu đồng-hóa với người ngoài. Trong Nam-kỳ nhiều người Tầu ở quá, nên ta trông thấy cái đặc-chất ấy của họ rõ ràng lắm : có phố khách, có làng khách, có đình chùa của khách, v.. v... ấy như bên nước họ, không thay đổi ti nào, nghĩa là họ đi đâu, thì đem cái văn-hóa của mình đi đấy, dầu cho có bị phong-trào sô đẩy, nhưng mà bản-sắc vẫn còn, chỗ này ta nên phục họ lắm vậy.

*
* *

Mấy mươi vạn người Tầu sang kinh-doanh ở bên nước ta như thế, liệu cuộc trị-an của ta có ngại gì không ? hay là quyền chính-trị của Pháp ở đây có bị nguy hiểm gì không ? cái vấn-đề này, người Pháp lo hơn nhiều, nhưng tưởng ta cũng nên biết.

Nhiều người Pháp rất thạo về việc thuộc-địa, xét cái vấn-đề Hoa-Kiều, đều kêu lên rằng : xứ Đông-Pháp rồi đến mất; vì thấy từ khi — là lúc còn chính-thể quân-chủ, về đời Mãn-Thanh — nước Tầu bỏ khoa cử, cấm thuốc phiện, phái người đi du-học, luyện tập hải, lục-quân, v. v... rất gấp về việc văn-minh cải-cách; lại khi nổi cái phong-trào cách-mạnh, đạp đổ nhà Thanh, công phu chỉ có hơn một năm giời là thành được một nước dân-chủ, thật là quật-cường lắm, thì chắc thế nào họ cũng chiếm lại cái nước Việt-Nam này là đất nội-thuộc xưa kia của họ. Lúc bấy giờ người Pháp lo người Tầu hơn là người Nhật, vì sự xâm lược của người Nhật thì còn phải vượt qua đại-dương, mà người Tầu chỉ nhẩy qua chỗ biên-giới Bắc-kỳ là đến nơi. Quan nguyên Toàn-Quyền *de Lanessan* trước cũng nói rằng : Tầu chỉ đem 1 vạn linh cho giỏi là đủ làm cho người Pháp bỏ xứ Đông-Pháp mà thoái. Lo đến nỗi, người giỏi như ông Onésime Reclus cũng khuyên nước Pháp nên bỏ hẳn châu Á, vì ở không nổi, mà đem cả bao nhiêu cái sức thực-dân sang châu Phi là hơn.

Những cái lo ấy bây giờ không còn nữa, vì hiện-thế nước Tầu ngày nay, đang bè đảng rối loạn lung tung, lo thân chưa xong, làm gì còn có cái sa-vọng, nhưng cũng còn lo bọn Hoa-kiều ở đây, hoặc là làm thuê cho một nước nào đang thèm đất này, hoặc là xui người mình bạo động chăng? Hai cái lo ấy cũng đều là «giời ơi» cả. Hay là làm thuê cho Nhật? thì nước Tầu còn bị cái nhục 21 điều với Nhật kia. Hay là làm thuê cho Mỹ? thì đảng Hoa-kiều ở Mỹ mới bị Mỹ đuổi về kia. Mà nói rằng xui giục ta, thì cái truyện ấy cũng chẳng có. Xem như việc «thuốc độc» năm 1908, việc «Đề Thám», việc «xin thuế» năm Duy Tân tứ niên, việc «Phan xích Long ở Nam-kỳ, việc «Thái Nguyên» năm 1917, quả Nhà-nước không bắt được một người Hoa-kiều nào đồng mưu, đủ biết Hoa-kiều không xui Annam bạo-động gì được. Vả chăng, họ sang buôn bán bên này, vì lợi-quyền của họ to, khiến cho họ phải tôn trọng cái quyền luật của Nhà-nước Đại-Pháp, nhất đán có việc gì, thì họ cũng phải táng thân bại sản. Vậy thì Hoa-kiều không đủ sức nào làm cho Nhà nước phải lo ngại đến việc chính-trị, mà ta cũng chẳng lo ngại gì, tất nhiên phải nhờ nước Pháp khai-hoá cho đến tận lúc ta trở nên một dân-tộc có đủ hoàn-toàn tư-cách. Cái ngày ấy chưa biết đến bao giờ.

Cái lo xa thì chưa thấy đâu, nhưng cái vạ ngay trước mắt mà Hoa-kiều gây lên làm hại ta, thì thật đã chán ra rồi. Không kể chi nhiều, ta hãy nói những cái tội-án của họ, như là: Thiên địa-hội, buôn người và làm giấy bạc giả.

Người Tầu được có một cái tài, tội-ác gì làm cũng nổi, mà hay lập hội bí-mật thứ nhất, đã gọi là hội bí-mật, thì chỉ có một mục-đích, là làm cho thỏa lòng tư-dục của một số ít người, mà hại đến công-lý của cả xã-hội. Thiên-địa-hội 天地會 tức là một hội bí-mật của Hoa-Kiều trong Nam-kỳ vậy. Gốc tích hội này, chắc là từ đâu những đời mà bọn Dương-Ngạn-Địch và Mạc-Cửu là bọn cựu-thần nhà Minh, chạy sang Nam-kỳ ta mà lập nên, ấy là cốt để tụ-tập những người vong-mạnh, mưu

việc khôi-phục lại nhà Minh ; xem như tôn-chỉ hội nào cũng có bốn chữ « Phản Thanh Phục Minh » thì dù lấy làm chứng cớ, chớ lịch-sử ta cũng chẳng thấy nói gì đến, duy có chép khi vua Gia-Long ta đang đánh nhau với Tây-sơn ở trong Gia-Định, thì có một người Tầu tên là Hà-Hỷ-văn 何喜文 thuộc về Thiên-địa-hội, tình-nguyện xin ra giúp, như thế thì biết hội ấy có đã lâu dời và mạnh thế lắm vậy.

Nếu cái tôn chỉ của họ quả như trên kia, thì chẳng phải là không chính-đáng, duy truyền mãi về dời sau, cái tôn-chỉ cứu nước mình, mới chuyển thành ra cái tôn-chỉ làm hại nước người ta, nghĩa là mưu những việc làm loạn và cướp của giết người cả. Hội này to lắm, đám hạ-lưu ở Nam-kỳ mình tòng-phục rất nhiều, nhưng mà họ giữ bí-mật đến nỗi người ngoài không biết ai là Thiên-địa-hội, vì họ có nhiều dấu hiệu riêng, không thể hiểu được, nhưng có một cái dấu hiệu này khiến mình đoán ra được, là lối thích chữ chàm vào cánh tay ; chính mắt tác-giả đã trông thấy một vài người ở trong Nam-kỳ ta, cánh tay có thích chữ chàm, những là « *Trượng-phu tung-hoành vũ-trụ* » 丈夫縱橫宇宙, những là « *Quân tử sát thân dĩ thành nhân* » 君子殺身以成仁 mà toàn thích bằng chữ Tầu cả, thì đồ chừng là người trong Thiên-địa-hội đấy. Hoa-Kiều gây ra cái hội này, đầu têu cho ta làm nhiều việc vô-nghĩa và tội-ác, tức như việc Phan-xích-Long xưng là hoàng-đế và việc phá khám năm trước, cũng là người tro g Thiên-địa-hội ra, mà bây giờ trong Nam mình những hạng đánh cái áo *bà-ba*, đội cái mũ *boy-scout*, chẳng làm ăn gì, chỉ có việc cướp của giết người, chưa chắc đã không phải là chịu cái ảnh-hưởng ở trong Thiên-địa-hội. Chính-phủ đã ra sức trừng trị mãi, nhưng chắc hẳn cũng chưa tuyệt được nào, nghe nói về mạn Bắc-Liêu, Hà-Tiên v.....v..... còn nhiều lắm.

Cái thói buôn người của họ lại càng tệ nữa, làm lìa tan cha mẹ, chia rẽ vợ chồng, tan-nát gia-đình của người mình nhiều lắm. Cái vạ này, chẳng may trong Nam-kỳ ta chịu nặng

hơn là ngoài Bắc, bởi tiện đường sang Xiêm, và sang Nam-Dương quần-đảo, là những mối hàng « mua con gái » rất tốt của họ. Không biết vì cái cớ gì mà họ rất thích buôn đàn bà con gái mình để bán, hoặc thôi bùa mê hoặc giả lấy làm vợ, rồi xuyên rừng vượt bể đem đi hàng tốp, thường bị bắt luôn, bị phạt nặng luôn, mà họ vẫn không chừa, vì cái nghề này họ đã lợi được nhục thể rồi, lại lợi cả tiền tài nữa.

Giấy bạc giả cũng là các chú làm đấy. Lâu nay, ta cứ nghiệm ra, hễ giấy bạc giả phát lộ ra, tất tại Nam-kỳ trước, mà đến khi bắt được tội nhân, tất là Hoa-Kiều, cái án giấy bạc giả từ bao giờ đến giờ đều như thế cả. Có khi họ làm từ bên Tầu đem sang, vì nhiều khi chuyến tầu ở Hương-Cảng sang, khám được như thế, có khi họ làm ngay bên này, như năm trước ở Saigon đã bắt được mấy đám, lại có khi họ gửi sang đặt nhà in bản đả ở tận bên Pháp in giấy bạc giả cho, tức như việc chú «Thiên triều» là A-Kan mới rồi. Họ cho cái nghề này nhàn hạ mà mau giầu, có phương hại đến cuộc trị an của ai mặc kệ. Việc giao-thông hối đoái của ta rất trở ngăn, mà thường bị liên-lụy nhiều nỗi lắm. Tuy Luật-pháp nhiều phen bắt được và trừng-trị rất nghiêm, nhưng dám chắc cái nghề làm giấy bạc giả của Hoa-kiều, chưa biết bao giờ đã tuyệt được.

Đại khái một vài cái tội án của một vài người Hoa-Kiều như thế, không đủ phạm đến cái tiếng tốt của phần đông người họ, nhưng đủ làm chứng rằng: tội ác gì ích mình hại người, Hoa-Kiều đều có tài làm, mà hễ đã có ích mình hại người được, ấy tức là một chỗ thế lực của họ.

PHẦN THỨ HAI

Bàn việc di dân vào Nam-Kỳ.

I

Nghĩ cách nào mà tước bớt được cái thế-lực Hoa-Kiều trong Nam-kỳ đi bây giờ? — Lại tẩy chay nữa chăng? — Hay là ra luật hạn-chế? —

Ở phần trên kia, tác-giả đã tự-thuật qua loa cái thế-lực của Hoa-Kiều trong Nam-kỳ, từ nhân số, tư-bản, thương mại, công-nghệ, nhân-công v... v... nhất thiết kết lại thành một khối rất cứng rất to, hình như là lăn không chuyển, lay không rời được nữa. Tự những người nào nghe tiếng, tưởng cũng đã thấy lạnh mình, mà ai được chân đi đến chốn, mắt trông tận nơi, thì lại càng khiếp lắm nữa, tựa hồ như mình đứng trước một bức trường-thành, mà trong có cờ xí xâm-nghiêm, quân tướng hùng-hổ, tiến lên có thể lấy được đất, lui về thừa sức giữ được thành; ta trông toàn thấy là sát-khí cả. Hình-dung như thế, chưa chắc đã tả đúng cái thế lực to lớn mạnh mẽ của họ, vì e chung quanh bức trường-thành ấy, còn có chôn địa-lôi, có quân mai-phục, mà ta chưa có thể trông thấy được. Thế thì các chú đã là một cái vạ cho ta rồi, nhưng ngoài cái vạ các chú ra, ta còn một cái vạ « anh Bẩy » nữa, tưởng chẳng phải không đáng sợ. Người Ấn-Độ tức là anh Bẩy (cái tên này người Nam-kỳ đặt cho người Ấn-Độ như thế, cũng không hiểu vì sao), sang doanh-nghiệp bên Nam-kỳ cũng đông lắm, phần thì buôn bán, như mấy hiệu Bom-bay (Bombay) ở đường Catinat, lưng vốn hàng mấy triệu; phần thì làm nghề cho vay, tụ nhau ở một phố đến mấy chục nhà, phần thì bán vải, phần thì đổi bạc v.. v... từ Saigon Chợ-lớn, cho đến Lục-tỉnh, đâu ta cũng thấy có năm mươi tiệm Chà-và, số người phỏng chừng cũng đến non hai vạn chớ không ít, mà sau

này tất còn nhiều hơn, vậy cái vạ này rồi ra ta cũng phải gỡ; nhưng bây giờ hãy nên chú toàn-lực vào cái vạ Hoa-kiều mà thôi.

Hoa-kiều tức là cái vạ to cho xứ Nam-kỳ, mà tức là cho cả nước ta; thật đấy, chưa kể đến cái thực-lực của họ bây giờ đã nguy cho ta nhiều, mà xem đại-thế thì đoán chắc rằng cái thực-lực ấy của họ còn to lớn ra nhiều hơn nữa, là vì tiện đường đi lại, dễ sự kinh-doanh, mà bước chân họ đi, chưa hề có gặp gai góc gì ngăn trở, thênh thang cái thị-trường Nam-kỳ, nối đường cho Đông Tây, ngoảnh mặt ra đại-hải, chỉ có họ nghênh ngang làm ông chủ-nhân, mà trên vàng dưới cám, cái kho vô tận hãy còn nhiều, chắc họ lăn lưng vào mà moi ra cho kỳ hết, cho nên nay mai hải-cảng Saigon mở rộng hơn bây giờ, nguồn lợi Nam-kỳ còn khai thác nhiều hơn bây giờ, thì chắc người Tầu tất còn tràn vào đông hơn, điều này ai hiểu việc đời, chắc phải công-nhận vậy. Ôi. Xứ Nam-kỳ là một cái kho vàng của cha ông ta để lại, không có lẽ nào con cháu cứ ngồi nhìn cho người ngoài như người Tầu đào lên, bỏ vào đẫy, vác mãi về, mà ta đành chịu nằm co trong cái phạm-vi kinh-tế của họ, hình như phải có họ mới có áo mặc che thân, phải có họ mới có thuốc uống khỏi bệnh, thóc gạo nhờ họ mới có chỗ bán, vật-liệu nhờ họ mới có mà dùng, như thế mãi chẳng cũng hèn lắm ư ? Không ! Phen này phải tìm cách đề-kháng mới được.

Chắc có người hỏi vặn rằng : sao chỉ nói đề-kháng Hoa-Kiều trong Nam-kỳ, chớ cái thế-lực của Hoa-Kiều ngoài Trung, Bắc-kỳ nay nhỏ lắm đấy ư ?

Phải, thật thế, ta phải biết phân-biện cái thế-lực của Hoa-Kiều trong Nam và ngoài Bắc khác xa nhau mới được. Ngoài Bắc tuy có nhiều chỗ tụ họp đông Hoa-Kiều, và xem chừng cũng có bề thế lớn, như Hanoi, Haiphong, Nam-Định, và ở phố Hội-An (Faifoo) trong Trung kỳ, tác-giả đều trông đến nơi, so với trong kia mười phần, thì ngoài này chỉ có một ; lại thêm dân ngoài này, vì đường sinh-kế bắt phải ra làm lụng ganh đua, buôn bán

công-nghệ đều tấn tới mau lắm, cho nên thấy cái cõi đất mà người Tầu đề vững chân vào khoảng năm mười năm trước kia, nay đã thấy hẹp đi mất một ít. cứ cái tình-thế ấy mà xem, trong đôi ba mươi năm sau này, chắc ta cũng còn thấy cửa hàng cửa hiệu của Hoa-kiều buôn bán ở ngoài này, nhưng bấy giờ không còn gọi là có thế-lực được nữa ; không như ở Nam-kỳ, nếu cứ đề tự nhiên như bây giờ, thì cái thế-lực của họ càng ăn xâu rễ xuống, mà chẳng biết bao giờ long ra được. Vả chăng, tình-hình xứ Nam-kỳ ngày nay, không khác nào là cuống họng của ta bị mắc nghẹt, thế thì phải từ đó gỡ đi, cũng như đánh trận, cốt nhất lấy được chỗ yếu-tắc, còn những chỗ kia thì rồi phá dễ như chơi, ấy là một lẽ rất rõ ràng vậy.

Nhưng cái phương-pháp đề-kháng họ phải như thế nào ?

Nhiều người nghĩ hay là lại gây cái phong-trào tẩy-chay, hay là ra điều-luật hạn-chế, nhưng mà hỏng, hai cách này không xong được đâu.

Phải, tẩy chay họ thế nào được. Việc năm 1919 kia, chắc chưa ai quên, nếu bây giờ ta lại làm, thì lại thất bại nữa. Chưa nói gì đến cái giây văn-hóa ràng buộc ta với họ đã lâu đời, — là nói kiểu đạo-đức ân-nghĩa, — đôi bên có cái nghĩa chủng-tộc, quan hệ với nhau rất là thân thiết, phút chốc cự-tuyệt nhau đến cách thế không nên, phương chi lối cử-động ấy đối với sự nhu-dụng của ta, và quyền chính-trị của Chính-phủ bảo-hộ ở đây, lại càng không được. Vật-sản công-nghệ của ta, tuy ngày nay có khá hơn trước nhiều, trong Nam-kỳ thì chưa nói gì, tức chi ngoài Bắc này, thế mà cũng chưa đủ xứng với sự cần dùng của mình, phần nhiều còn phải nhờ vả đến họ, vì bằng tẩy chay họ đi, sao cho khỏi nạn lúng túng? Vả lại cuộc tẩy chay năm nào, dầu cho có người bảo là một cơn hờn dỗi của trẻ con, nhưng mà cũng có ảnh hưởng rồi đó, cũng đã đủ cho người Tầu nhớ lại lịch-sử rằng : mấy phen trong thời nội-thuộc, và sau trận sông Bạch-Đằng, sau trận Đông-Đô. sau trận ở bến Bộ-Đầu, lại có việc tẩy chay năm 1919, nghĩa là dân-tộc Việt-Nam bao giờ cũng

sẵn cái tinh-thần đề kháng với «Thiên triều» luôn, thế là đủ rồi không nên làm nữa; huống chi cử-động như thế là thù vặt, người độ lượng không ưng làm. và lại có lợi hại sè sích nhau xa, cho nên xem 30 vạn người Nhật mới rồi bị Mỹ đuổi về là nhục bao nhiêu, đã toan đề chế Mỹ nhưng sau không làm là thế, bởi biết mình còn phải nhờ cậy Mỹ nhiều, không thể rời đi được. Còn như Chính-phủ Bảo-hộ có chức-trách bảo-hộ cho dân ta, thì phải bảo-hộ cho dân ngoại-quốc (đây chỉ nói Hoa-Kiều) vào ở đất ta nữa, vì mỗi người họ gánh vác thuế má nhiều, lợi cho sổ chi thu lắm, lại theo cái nghĩa thông-thương tự do ở đời bây giờ, tất Chính-phủ phải bảo-toàn cho họ được yên ổn, nếu ta làm thế, tức là phạm vào quyền trị-an của Chính-phủ vậy, không nên.

Còn như ai nghĩ cách ra điều-luật hạn-chế, là có ý lấy việc nước Mỹ thi-hành luật khu-trục mấy mươi vạn người Nhật ở Californie về hôm 1er Juillet vừa rồi làm tỉ-lệ vậy. Nhưng ai ra điều-luật hạn-chế Hoa-kiều ở ta bây giờ? Chính-phủ Bảo-hộ ư? Không, nước Pháp vốn là một nước trọng nhân-đạo, không bao giờ làm như thế, vả lại đảng di dân nào ở đây đông, thì đường tài-chính của nhà nước càng lợi, để lấy đấy mà dựng nên sở vô-tuyến-điện to, có thể thông được với bên Pháp, lập ra nhiều đội tầu bay để tuần phòng và xem xét địa-thế, lại thêm để giúp các miền bị tàn phá ở bên Pháp, toàn là việc công ích công-nghĩa cả, như thế thì can chi mà hạn-chế họ. Mà nếu ra luật hạn-chế họ, thì có người lại bày khôn cho ta rằng: thế là trái luật thông-thương tự do của vạn-quốc, không thể làm bướng được như nước Mỹ đâu!

Xem thế, hai cái phương-pháp đề-kháng Hoa-kiều, mà ta tưởng là hay, thì đều không sao làm được cả, vì đều có cái ý-nghĩa «bạo động» hay là ý-nghĩa «phạm quyền chính trị» ở trong, thì làm sao mà làm cho được, thế thì bây giờ muốn tước bớt cái thế-lực Hoa-kiều ở Nam-kỳ đi, chỉ có cách «tiêu cực đề kháng» (消極抵抗, la résistance passive) là diệu hơn cả mà thôi.

Thế nào là tiêu-cực đề-kháng?

Là ta chống lại họ bằng một cách ngầm, vừa dịu dàng, vừa êm ái, (cần nhất là chớ có bạo-động) thế mà họ phải nguy, nghĩa là ta cũng lập ra nhiều hiệu buôn bán, mở ra nhiều xưởng công-nghệ, chuyên tâm về đường chế-tạo cho khéo gây dựng lấy một đảng nhân-công cho to, trên đường cạnh-tranh, ta ra ứng phó về mặt nào cũng có sức, bấy giờ dù cho họ có tài giỏi đến đâu, hay là nhờ có quyền bảo-hộ nào rất thiêng-liêng, ta quét họ lần lần cũng phải hết. Lý-luận thì như thế, nhưng đến thực-hành thì phải làm thế nào ? Xứ Nam-kỳ ta thiên-thời có, nguyên-liệu không thiếu gì, tư-bản không thiếu gì, nói tóm lại, nội thứ gì gọi là những tài-liệu để xây đắp lên nền kinh-tế, thì có đủ hết cả, duy chỉ có thiếu « người » mà thôi. Thiếu người để khẩn những đất hoang, thiếu người đem nguyên-liệu của mình ra mà lợi-dụng, thiếu người ra buôn bán ganh đua, lại thiếu cả những người làm tiện-công tiện nghệ nữa, nhân thế mà Hoa-kiều khai thác được ta, thì bây giờ ta cũng nên nhân thế mà bổ-khuyết vào, là ngoài Trung Bắc này thừa người, thì nên vào mà gánh vác lấy những việc ấy. Cho nên nói rằng : « di dân vào Nam-kỳ, » là cốt làm cho bớt cái thế-lực Hoa-kiều đi, mà tức là một cách tiêu-cực đề-kháng vậy.

Phương chi ngoài Bắc này còn vì cái thế bắt buộc phải di dân nữa.

II

Cái thế Trung, Bắc-kỳ phải di dân đi. — Đất hẹp người đông. — Ruộng ít mà hay mất mùa. — Nghề-nghiệp không đủ cho dân làm ăn. — Chứng tỏ sự di dân vào Nam-kỳ là phải.

Trung, Bắc-kỳ vì cái thế bách phải di dân đi thật.

Trước hết ta hãy lấy mặt địa-thế và nhân-khẩu mà nói, đã đủ biết cái thế bạch ấy ra thế nào :

	Diện tích tính theo kilomét vuông	Tính ra mẫu tây	Số người (1)
Bắc-kỳ	105.000	10 triệu 50 vạn	6.850.453
Trung-kỳ	150.000	15 triệu	4.933.426

Lấy số người ấy với số đất ấy, mà so sánh với nhau, thì cũng kể là ở còn rộng rãi, nghĩa là đất rộng và người thưa lắm : ở Bắc-kỳ mỗi kilômét vuông chỉ có 57 người, Trung-kỳ mỗi kilômét vuông lại chỉ có 32 người mà thôi, không bì với bên Pháp, mỗi kilômét vuông đến chừng 71 người, mà một nước láng giềng ta là nước Tầu, đến 104 người ở trong một cái diện-tích cũng như thế. Kể vậy thì thật rộng rãi thênh thang, có chật chội gì đâu đến nỗi, song le gẩy con tính thì nói như vậy đó thôi, chớ cái tình thế thật ra thì lại thế khác.

(1) Theo sổ điều tra mới rồi, song chắc còn nhiều hơn thế nữa, vì nghèo khổ không đóng nổi thuế, thành ra khai ẩn-lậu đi, cho nên thường thấy nhiều làng. 5. 3 người chung nhau một cái thẻ, nếu mà khai được cho đúng, thì dân-số ở Bắc, Trung-kỳ không những bấy nhiêu.

Hai xứ tuy có đất rộng như thế, nhưng thấy trong dân gian ở vẫn chật hẹp lắm, mỗi kilômét vuông có dễ đến 300 người ở. Là vì rộng thật đấy nhưng có phải toàn là đất ở được và cày cấy giồng giọt được cả đâu, phần thì rừng núi tứ-tung, phần thì đất hoang chưa khẩn, lại còn lựa đất nào để giồng giọt, lựa đất nào để người ở, thành thế trong hai xứ này, ở trên tỉnh thành thì có cái khủng-hoảng về nhà cửa, mà ở thôn quê, nhà cửa hình như cũng đã chen chúc nhau lắm, thấy có làng chật, vượt ra thành xóm, thấy có xóm chật, vượt ra ngoài đồng, nhà nào rộng là một sào, hẹp là vài miếng, ta đi khắp mọi làng, họa lắm mới thấy có nhà ở được đất rộng và có vườn rược, chẳng bì ở trong Nam-kỳ, nhà ở hàng mẫu là sự thường thấy lắm. Ngoài này ta đã thấy có nhiều làng, người ta phải mua ruộng tư rất đắt tiền để lấy chỗ ở, mà làng nào chỉ có ruộng quan-điền, thì thấy dân-cư, nay vượt một it, mai vượt một it, hụt mất cả khẩu-phần, thế là hơn được chỗ ở, thì kém mất miếng ăn, chả bõ gì cả. Còn đến như số người trong mỗi nhà ở cũng đã thấy chen chúc nhau lắm, già trẻ lớn nhỏ, thường mỗi nhà đều mười lăm người trở xuống, năm bẩy người trở lên cả, đã đông người mà nhà cửa lại ụp sụp bẩn thỉu, rất trái phép vệ-sinh, cho nên thường sinh ra nhiều bệnh nguy-hiểm như là bệnh dịch, bệnh tả v..... v..... Phương chi nhờ được khí-hậu ấm áp dễ chịu, vả lại it lâu nay, có nhà thương, và phương-pháp hộ-sản mới, cho nên sự sinh-dục thấy mỗi ngày một tăng, cứ lấy sổ thống-kê nhân số mấy năm nay mà so sánh, thì năm nào nhân-số cũng tăng lên đến 30°/ₒ; như thế, sinh-sản ngày một mạnh, mà đất cát chỉ mới có hạn thôi, e rồi có cái vạ « nhân mãn » 人滿, la surpopulation), nếu không tìm cách mà di bớt đi, thì lo một ngày kia không chỗ nào mà dung-tích đủ người, cũng không đất nào mà hoạt-dưỡng đủ dân nữa.

Lấy cân thăng-bằng mà cân số đất như thế và số người như thế, đã chẳng tương đương được với nhau rồi, huống chi cái nghề sinh-hoạt lại càng không tương đương với số người như

thế nữa. Không nói thì chắc ai cũng hiểu cái nghề cốt tử của dân mình là nghề canh-nông, mà nghề canh-nông trong Nam-kỳ còn khá, chứ ở hai xứ mạn ngoài này nào có ra gì. Bắc-kỳ rộng đến 10 triệu 50 vạn mẫu tây, nhưng mà trong đó có dễ gần một nửa là rừng rú và đất bỏ hoang chưa khẩn, ta xem ở trên mạn ngược như tỉnh Bắc-kạn rộng 45 vạn mẫu, mà rừng núi choán hết đến 40 vạn mẫu, tỉnh Hà-giang thì 11 vạn mẫu đất, hầu hết là rừng, Lào-kay rộng đến 58 vạn mẫu, mà mất đến 50 vạn mẫu là cỏ mọc và rừng núi, mấy tỉnh như Thái-nguyên. Tuyên-quang, Bắc-giang, Cao-bằng v...v... là những tỉnh ở mạn trên, đều như thế hết cả. Còn như mấy tỉnh ở dưới này, có tiếng trù-phú như Haidương, trong 6 vạn mẫu đất, cũng mất 3 vạn là đất núi chẳng giồng giọt gì được, Vĩnh-yên cũng đại-khái như vậy, duy chỉ còn mấy tỉnh như Thái-bình, Nam định. Hà-đông, Hà-nam, Bắc-ninh v...v... còn gọi được là có ruộng mà thôi. Trung-kỳ thì phải cái địa-thế ở chạy dài, dất đến 15 triệu mẫu thì cũng rộng thật, nhưng mà phải dãy núi Hoành-sơn chắn ở sau lưng, bể Đại-dương án ở trước mặt, còn dư chỗ đất cày cấy được cũng chẳng bao nhiêu, mà đất lại xấu lắm, những tỉnh có tiếng là dễ cày cấy ở trong Trung-kỳ như là Bình-định, Phú-yên, Quảng-nam, Thanh, Nghệ, thế mà giá đem so với mấy tỉnh cầy cấy tầm-thương ở ngoài Bắc cũng còn kém xa, còn như Khánh-Hòa với Bình-Thuận v. . v. . . thì cũng y như những nơi trên mạn ngược ở ngoài này, nghĩa là rừng núi chiếm mất số nhiều mà ruộng nương chỉ còn lại có một số ít thôi.

Ruộng đất đã hiếm hoi như thế, mà nghề canh-nông lại chật vật khó khăn, xem nông dân làm ruộng, cày bừa gieo cấy, công-phu khó nhọc biết bao nhiêu, thóc gạo mỗi năm chỉ đủ cho dân ăn, may năm nào xuất-cảng được lấy vài mươi vạn tấn đã là nhiều lắm, vì ruộng bị nhiều cái hại, như những cái nạn chuột gặm sâu ăn trời hanh gió nồm, các nhà làm ruộng lo sợ ngày đêm, có khi vụ gặt đến nơi, mà chưa chắc là được ăn hay bị hỏng, những cái hại ấy, tuy lâu nay có tìm nhiều phương-pháp

dễ trừ, nhưng tại chưa làm đến nơi, cho nên cũng chả thấy có công-hiệu gì lắm. Mà những cái hại ấy đã thấm gì bằng cái hại đại-hạn và nước lụt. Đại-hạn còn khá, vì cái phạm-vi thường hẹp, đến như nước lụt vỡ đê thì có hại vô cùng, tràn ngập có khi lan ra đến hàng mấy tỉnh, tức như năm Mão ngày nào, và năm ngoái năm nay, vỡ lở tứ-tung, tuy gặt hái xong không hại gì đến lúa, song le từ cót thóc thúng gạo, con lợn con gà, cho đến cửa nhà cày cối, đều bị nước đánh trôi băng đi cả thôi thì cha cõng con, chồng giắt vợ, gồng gánh những nồi niêu áo rách, kéo nhau đi chạy nạn, ở chẳng có chỗ ở, ăn chẳng có miếng ăn, ngó cái tình cảnh thật là đau lòng thảm n ắt. Tuy sau khi lụt, có phát-chẩn nọ kia, nhưng mà một bát nước con, cứu xe củi cháy, thì có bõ gì, vả chăng mỗi khi bị cái nạn lụt như thế, hại không những nạn-dân, mà di-lụy đến cả những chỗ vô sự, hại không những trong một lúc ấy, mà rơi rớt đến năm bẩy tháng về sau, hại không những riêng người nghèo khổ mà lây cả đến kẻ có tiền, thành thế, hàng năm đến mùa nước lên, thì dân-gian đều lo sợ xanh mắt, mà chết nỗi là nạn lụt thì ngoài này thường bị luôn luôn, cái đời nông dân, sống chết được thua, hình như không biết lúc nào mà định trước được cả.

Nông-dân là một hạng chiếm đa-số nhất trong xứ, ruộng, đã không có đủ mà làm, cái đời của họ sống được lại trông mong ở thóc gạo, thế mà cái nông nỗi làm ruộng bấp bênh như thế kia, huống chi là nghề nghiệp. Ngoài nghề làm ruộng ra, dân Trung, Bắc hai kỳ còn có nhiều nghề nghiệp thật, như những nghề tằm tang canh cửi, v.v. cùng là những đồ công-nghệ chế-tạo, ngày mỗi khá mỗi nhiều, phần to thì cung-cấp trong nước dùng, phần nhỏ thì đem ra ngoài bán, kể đến thực-trạng thật chưa ra gì, là bởi tiếng rằng công-nghệ thế đấy, nhưng mà mình chưa biết dùng nguyên-liệu của mình mấy, thành ra công-phu vất vả, mà lợi lãi ít oi ; lại ra phết mỗi năm xuất-cảng những đồ chế-tạo gì gì, bao nhiêu là tiền, nhưng nào có phải chính mình xuất-cảng được

đâu mà hòng có lợi lớn, chẳng qua mình chỉ được tiếng có đồ đem bán đấy thôi, kỳ thực có miếng ngon nào, người ăn mất cả, tuy vậy, cũng đủ nuôi một đảng người lớn lắm Song, bao giờ thì nông-dân cũng là một đảng to hơn, cho nên có công nghệ thật, nhưng mà nghề gì thì nghề, cái bước tới lui, vẫn phải trông ở sự mùa màng cấy hái của dân-gian làm hạn, mùa màng khá thì nghề nghiệp khá, mùa màng hỏng thì nghề nghiệp nguy ngay. Ta thấy năm nào ruộng tốt gạo hơn, thì buôn bán nghề-nghiệp, nhất thiết đều có bề khởi-sắc, không may năm nào mất mùa, thì chẳng cứ việc gì, đều thấy đình-trệ lại hết, thế mới biết ở trong nước ta bây giờ, trăm việc đều chịu ảnh-hưởng ở nghề làm ruộng cả vậy.

Có ruộng mà cày cấy, có nghề mà làm ăn, những hạng dân có sản nghiệp căn-bản như thế còn khá, còn những hạng dân khốn cùng quẫn bách, ruộng không có mà cấy, nghề không có mà làm, toàn là hạng vô-sản-nghiệp cả, số này có khi chiếm đến một phần nửa dân-số, chớ không ít dâu. Ta chẳng có sổ thống-kê nào, nên chi không biết được chắc rằng số người vô-nghệ hoặc thất-nghiệp như thế là bao nhiêu, song cứ lấy cái hiện-trạng sinh-hoạt mà xem cũng đủ biết, trên tỉnh thành thì thấy những người lông bông đói rách, ăn mày ăn xin nhan nhản, mà ở nhà quê, thì bao nhiêu người trông chẳng có cái khí-sắc ấm no, rõ tội nghiệp quá. Hạng dân vô sản-nghiệp này, đều là người làm, tay thợ cả đó, nếu cứ để cho họ chìm đắm ở trong vòng khổ sở ấy mãi, thì thành ra một hạng người rất nguy Các nước Âu Mỹ, thương, nông-nghiệp phát đạt là thế, công-nghệ mở mang là thế, bọn người chỉ sống nhờ về tay mềm chân cứng rất nhiều, thế mà vẫn không khỏi bọn dân vô sản-nghiệp thường khi bạo-động luôn, đó là một cái gương ta thấy vậy. Vả chăng lấy thường-tình con người ta, hễ đã đến cấp cơ hàn thiết thân, thì quên hết bản-tính, mới đâm ra làm xằng, lúc bấy giờ, thôi thì lừa đảo trộm cướp, tội ác mấy cũng làm, ăn mày ăn xin, sỉ-nhục mấy cũng chịu, cái mục đích duy nhất, là chỉ kiếm kế cơm áo

mạ thôi. Hoặc có kẻ chịu khó đi làm mướn làm thuê, nay cấy mạn Bắc, mai gặt xứ Đoài, hay đi vác gạo kéo xe, cũng là làm trong các công-xưởng nọ, nhà máy kia, toàn là một mặt khổ công, bồ hội nước mắt suốt ngày, lại ngọn roi cái đá phục luôn đằng sau lưng, mà nào có kiếm được nhiều tiền gì cho bõ, bất quá ngày kiếm được một vài hào, ngoài này chỉ thế mà thôi, vì thừa nhân-công, cho nên người ta bắt bí được), chưa chắc đủ nuôi được thân minh lại còn nào là xống áo vợ con, còn nào là thuế thân Nhà-nước, tốn kém đủ trăm cấp, mà kiếm ra chỉ được có thế thôi, than ôi, cái thân bọn « lao động » ở mình, cực nhục hết sức ! ....

Mới xét đại-khái như thế: đất không đủ chỗ ở, ruộng ít không đủ cày cấy, nghề nghiệp không đủ làm ăn, thế mà người lại đông, ấy là ba cái thế rất nặng, buộc dân Trung, Bắc-kỳ phải di dân đi vậy.

Di dân đi đâu ?

Ở trong cái địa-vị người nước ta bây giờ, giới-hạn chỉ có từ trên biên giới Lao Kay, dưới mũi biển Ca-Mâu, trong giáp Diến-điện, Xiêm-La, ngoài sát bờ bể Trung-quốc, loanh quanh có đấy mà thôi, còn đi đâu được nữa, vả lại cũng chẳng cần đi đâu làm gì, vì ngay trong đất nước mình, còn chán chỗ làm được việc, vậy thì dân ngoài này, có muốn di đi, chỉ có vào Nam-kỳ là tiện lợi hơn cả.

Di dân vào Nam-kỳ, làm cách nào cho dễ dàng, cùng vào đọ làm nghề nghiệp gì, lát nữa tôi sẽ nói ; nhưng đây tất có người hỏi rằng : « ở Bắc-kỳ thì mạn trung châu, đất hẹp dân đông thật, nhưng mà ở trên mạn ngược, còn bao nhiêu là đất hoang chưa vỡ, lâm-sản bỏ hoài, đang cần dùng nhân-công để lên khai-thác, trong Trung-kỳ cũng thế, mà miền Mọi còn bỏ hoang, buôn bán không có, công-nghệ không có, cũng đang cần nhân-công vào đó mở mang, phương chi bây giờ Nhà-nước đang cần khai-thác xứ Lào, dân Trung, Bắc-kỳ sang bên ấy cũng tiện lợi am chứ, cần gì phải vào Nam-kỳ ?»

Vâng, sự-lý xét như thế là phải lắm rồi, tôi cũng đã từng nghĩ đến, song nếu suy xét lại, thì mới biết mình nghĩ thế là nhầm, mà điều nghĩ ấy, tất phải phí đến hàng bao nhiêu năm sau này họa chăng mới thành ra sự thực, chớ không phải có thể nói được làm được ngay từ bây giờ

Ai lại chẳng biết ở mạn ngược Bắc-kỳ còn có nhiều hoang điền chưa vỡ, lâm-sản chưa dùng, thì nên đem dân lên mà mở mang, thế mà ta từng thấy nhiều người thí-nghiệm rồi, hoặc bị thất bại, hay là cũng chẳng có hiệu-quả gì lớn, vì có nhiều sự ngăn trở lắm. Thứ nhất là tại khí-hậu độc. Nói thế thì chắc có người cho là hủ hay là tin nhảm, là vì người ta đã có cách vệ sinh, biết đường phòng bệnh, thì khí-hậu nào ở lại chả được, nhưng mà đối với những ông sang trọng nhiều tiền, thỉnh thoảng lên những mạn trên ấy để nghỉ mát, ở tất nhà cao, uống tất nước lọc, thì mới như thế được, chứ đối với dân lao-động lên đó, cuốc đất chặt cây, xuyên rừng phá núi, xin hỏi đã có ai hay là đã có cách gì bảo lĩnh cái sinh-mệnh cho họ chưa ? Thôi thì tụ họp táp nham, ăn uống kham khổ, ta từng thấy nhiều người đi mạn ngược về, mà thịt bủng da chì ra cả đó Cho nên bây giờ giá có ai lên đó khẩn điền, mà mộ được phu, thật là một việc khó, vì nghe hai tiếng «mạn ngược» thì họ đã khiếp cả rồi. Thứ hai là tại khác tính tình phong-hóa. Nói thế này chắc lại có người cho là hủ nữa, vì người các nước sang ta, khác tính tình phong-hóa đến đâu, sao họ cũng ở được, song cái tình thế ấy ở ta lại khác. Dân trên ấy toàn là Mường, Thổ, Mán, Mèo, tính-tình phong-hóa đã khác ta, mà lâu nay lại ở dưới một cái chế độ cai trị khác, cho nên tuy là cùng một dân ở chung miếng đất với nhau, mà cảm tình nhạt nhẽo lắm, thành ra ta đã từng có nhiều người lên buôn bán với họ mà chẳng ăn thua gì, vả chăng tính họ lại hung-tợn lắm, có khi Nhà-nước lấy được thuế của họ cũng khó lòng, phương chi nay bảo lên chiếm những khu vực của họ để ở mà làm ăn, sao cho khỏi có nhiều nỗi nguy-hiểm trở ngăn được. Thứ ba tại đường giao-thông trắc trở. Đường xá đi

lên trên mạn ngược lôi thôi quá, là vì chưa mở mang được hết, đi lại khó khăn, phần nhiều là rừng rậm, núi cao, suối xâu, thác lớn, thành ra xưa nay việc buôn bán, mạn dưới với mạn trên, không bao giờ khá được, là vì cách vận-tải giao-thông phiền phức đắt tiền lắm, nói chi đến sự di dân.

Cái tình-thế trong Trung-kỳ đại-khái cũng vậy. Dân Mọi ở phía trong Phú-Yên, Bình-Thuận, Khánh-Hòa, Koutoum, chiếm một khu-vực rộng rãi, thiếu chi là nguồn lợi bỏ không, chưa ai dúng tay đến, nhưng miền ấy là cấm-địa, Nhà-nước có luật cấm không cho người Annam nào được vào, thế thì bảo trong ấy có nhiều mối lợi thật đấy, dân ở ngoài đồng bằng này làm sao vào được mà moi ra ?

Nói tóm lại, cái chính-sách cai-trị của nhà-nước rất khéo rất hay, nghĩa là cái chính-sách « phân ra mà trị » (Diviser pour régner), thế thì dù bây giờ mạn ngược ở Bắc-kỳ, miền mọi ở Trung-kỳ có món lợi « bở » đến thế nào, ta cũng nhịn thèm mà thôi, phương chi còn nhiều điều ngăn trở như trên kia, thì dành để cho dân phụ-cận ở đấy làm lụng mở mang ra được chừng nào hay chừng ấy, không thì để sau này ta tìm cách giải-quyết cái vấn-đề này cho rõ xứng đáng, chứ bây giờ thì không thể nói được, vì tình-thế đã khiến như vậy rồi. Ngay xứ mình còn bỏ bê ra, chưa khai khẩn được hết, thì nói chi sang Lào, vả lại sang Lào thì khác gì sang Nouvelle Calédonie, xa xôi khổ sở chết đi, chứ vẻ vang gì mà nghĩ !

Như thế thì đủ chứng tỏ chắc chắn rằng: sự di dân vào Nam-kỳ là phải hơn cả, vừa là hợp trường-sở, vừa có chỗ trông-mong, tuy cũng chẳng khỏi có một vài sự khó khăn, như ta cũng có thể tìm cách mà giải-quyết với nhau được. Vậy thì anh em ngoài Trung, Bắc ta, ai là người có tài-nghề, ai là người mạnh chân khỏe tay, ai là người nghèo nàn đói khó, thì nên vào Nam-kỳ mà làm ăn, anh em trong Nam-kỳ ta cũng đang mong mỏi lắm đó.

III

Việc di dân phải nhờ có Chính-phủ giúp. — Dân Bắc-kỳ muốn vào Nam, trước hết phải lo ba điều. — Xin Chính-phủ tha cho thẻ căn-cước, và trợ-cấp khoản tiền tầu. — Phiền anh em trong ấy giúp đỡ cho sự tìm việc làm.

Chính-phủ vì dân mà thiết lập lên, vậy cái vận-mệnh cùng sự hạnh-phúc của dân, nói tóm lại việc gì của dân, nhất thiết phải trông cậy vào Chính-phủ trông nom giúp đỡ.

Việc di dân cũng vậy.

Các nước văn-minh bên châu Âu, đã là phú-cường rồi, nhưng mà số người mỗi ngày một đông, mà mọi sự xuất-sản trong nước không đủ để tự cung-cấp, chính-phủ phải lo tìm chỗ để xử-trí dân, bèn đem tầu to súng lớn đi lấy thuộc-địa này, chiếm tô-giới kia, cùng là ký thương-ước với nước này nước khác, đều là một cách di dân, một cách thực-dân vậy. Mà trong nước, nhà nước có đặt riêng bộ thực-dân (殖民部), sổ chi thu có riêng ra một khoản để kinh-phí vào việc thực dân, nói tóm lại cái chính-sách «lo cho dân» của họ, không còn sót chỗ nào nữa.

Bên châu Á ta, trừ dân Tầu và dân Ấn-độ ra, tuy chính-phủ của họ chẳng hề có khuyến-khích việc thực dân bao giờ, mà họ cũng tràn lan ra hầu khắp thế-giới, đó là bị cái lo «nhân-mãn» đẩy đi, không sao cưỡng được, còn như nước Nhật cũng cổ-lệ về việc thực-dân lắm, không kém gì mấy nước ở châu-Âu. Nhật từ khi nhẩy lên đứng sắp hàng vào với hạng liệt-cường thế-giới đến bây giờ, dân-số mỗi năm tăng lên đến mấy mươi vạn, chính-phủ phải lo chỗ đó, cho nên chiếm Cao-Ly, giật Đài-Loan, tranh nửa giải đất Sakhaline với Nga, toàn là kiếm chỗ để di dân đi cả, nhưng mọi việc như thế đều có hàm nghĩa chính trị ở trong, ta cũng chẳng lấy gì làm lạ, duy có việc di dân sang châu Californie bên Mỹ, thì thuần là một mục-đích kinh-tế, ta thấy chính-phủ họ rất gia tâm khuyến-khích và bảo-hộ cho dân, cho đến

ngày 1er Juillet mới rồi, 30 vạn dân họ kiều-cư ở đấy bị chính-phủ Mỹ ra luật khu-trục đi, thì chính-phủ lo tìm ngay chỗ khác, để đặt số dân đó, là di sang ở bên nước Brésil, mỗi tên dân đi như thế, chính-phủ trích tiền công ra cho 200 *viên* (Yen, là đồng bạc Nhật), mà mỗi chuyến đến mấy nghìn người, đã có tầu của nhà nước chở đi, tưởng chính-phủ lo đường sinh-hoạt cho dân, đến thế là chu-chí lắm vậy.

Về việc này, Chính-phủ Bảo-hộ cũng lo cho dân ta nhiều lắm, ta cũng phải biết ơn mới được. Cái chính-sách « ưu-dân » của Chính-phủ, rất hay mà vừa dễ dàng, chắc chắn, đỡ tốn kém, đỡ phiền-phức trông nom, là cái chính-sách « *dân xứ nào cứ ở yên xứ ấy mà làm ăn* », lo khô ráo thì đã lập ra máng nước, lo lụt lội thì đã có cách giữ đê (tiếc thay, nước là một chất mạnh lắm, cho nên đê vẫn vỡ luôn), lo đường vận-tải không có, thì lại khai thông sông ngòi, mở thêm đường xá, lo công-nghệ vật-sản không có chỗ tiêu-thụ thì đã có mấy nhà xuất-cảng đem ra ngoại-quốc bán cho, và Chính-phủ hằng lưu-tâm đi tìm mối hàng mới cho, tức như là sắp ký thương-ước với nước Nhật nay mai v....v... bao nhiêu cái công nghiệp đó, Chính-phủ toàn là vì dân mà làm, muốn cho ai nấy sinh-trưởng ở đâu, thì lập nghiệp ngay ở đấy, cần gì phải đi xa-xôi. Vả chăng hiện nay đường xá hãy còn trắc trở nghiêu khê, cho nên Chính-phủ đang gia công làm con đường xe lửa Vinh-Đônghà, chừng mấy năm nữa xong, lại làm nối con đường từ Tourane đi Nhatrang, cũng chừng mươi lăm năm nữa mới có là sớm, bấy giờ con đường Đông-Pháp thiết-đạo (le Transindochinois) làm xong, tha hồ cho người Nam kẻ Bắc đi lại với nhau, không phải phiền đến Chính-phủ phải bận lòng nữa.

Lâu nay, Chính phủ cũng đã thâm hiểu cái tình-thế cấp-bách của xứ Bắc-kỳ phải di dân đi là thế nào, nên chi có di một ít dân sang làm cu-li bên Nouvelle-Calédonie và Nonvelle Hébrides (đều là thuộc địa của Pháp ở Úc-châu) đủ chứng tỏ rằng Chính-phủ cũng lưu ý đến việc ấy lắm. Duy có việc di dân vào Nam-kỳ bao lâu nay,, vốn là ý dân ao ước, vốn là ý Chính phủ định

làm, thế mà chưa thấy thực-hành gì cả, ý hẳn Chính-phủ nghĩ có điều gì chưa nên, mà ta không đủ sức biết tới. Đến ngày nay dân Trung, Bắc-kỳ càng thấy cấp-bách lắm rồi, cái thế không có thể nói « ai sinh ở đâu thì làm ăn ở đấy» được nữa, phải đi vào Nam-kỳ mà kiếm đường sinh nhai ; là nói phải đi đi từng bọn, chớ không phải từng người, đã là từng bọn di-dân, thì không xin với Chính-phủ giúp đỡ cho không được. Chính-phủ vốn có lòng quảng-đại từ bi, cho nên ý của dân muốn thế nào là chánh-đáng. thì thiết tưởng bao giờ Chính-phủ cũng vui lòng chiều theo. có điều gì khó khăn, thì Chính-phủ cũng bớt đi cho được dễ dàng, vậy trong việc di dân mà ta đang cổ-lệ nhau bây giờ, mọi phương-diện tất cũng phải trông nhờ vào Chính-phủ vậy.

Lâu nay dân Trung, Bắc ngoài này, vẫn hâm-mộ cái sự đi vào Nam-kỳ, vì nghe tiếng Nam-kỳ là một xứ sung sướng phong-lưu, dễ làm dễ ăn lắm, cho nên bây giờ nói đến sự vào Nam-kỳ, thì hình ai cũng có sắc mặt mạnh bạo vui vẻ muốn đi ngay. nhưng trong sự « đi » ấy có nhiều chỗ khó khăn, sức họ không chịu đựng được, thứ nhất là cái lúc sắp sửa ra đi.

Lúc sắp sửa ra đi, tất phải lo trước ba việc này :

1· Giấy căn cước (Titre d'Identité.)

2· Khoản tiền tầu.

3· Người giới thiệu.

Ba xứ Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ là nước Việt-Nam, hợp cả Cao-Miên, Lào, làm thành một xứ Đông-Pháp, đều ở dưới quyền cai-trị của Chính-phủ Bảo-hộ. song le mỗi xứ ở dưới một chế độ riêng, chính-thể khác, cho nên người xứ này muốn sang xứ kia, tất phải có một thứ giấy của quan địa phương mình cho, ấy là giấy thông hành. Trước kia, xin được một cái giấy thông-hành, là một sự phiền-phức lắm, phải đi hết sở nọ đến sở kia, chầu chực đến mấy ngày mới xin được, rất là bất tiện cho dân, cho nên mấy năm nay, Chính-phủ mới thi-hành giấy căn-cước. Giấy căn-cước và giấy thông-hành thì cũng giống

giống nhau, duy chỉ có một vài điều khác, là giấy thông-hành thì chỉ hạn có ngày; mà giấy căn-cước thì được vĩnh viễn, giấy thông-hành thì cho không, mà giấy căn-cước thì phải mất tiền. Vậy người xứ này muốn sang xứ khác, là nói đi quanh trong xứ Đông-Pháp này thôi, thì tất phải có giấy ấy, tức là một bùa hộ-thân vậy. Như người ở thành-phố, thì do trưởng-phố dẫn đến sở Mật thám làm đơn xin. đơn đệ vào hãy đề đấy: cho sở Mật-Thám dò xét vài ngày rồi mới cho ; ở các tỉnh thì phải lý-trưởng làng mình dẫn lên Tòa Sứ nộp đơn, rồi sang Kho bạc nộp tiền. sang sở Cẩm hay Tòa án để đo người và lấy dấu tay, cũng chạy mất hai buổi hầu mới lấy được. Xin mỗi cái giấy ấy phải nộp Chính-phủ 5 hào, chưa kể chụp hai cái ảnh nghiêng mặt khổ 4 x 6, cũng mất chừng 4 hay 5 hào và tiền cơm rượu khoản đãi thầy lý trong mấy hôm nữa. Có cái giấy ấy thì tầu bể mới phát vé cho mà đi, nếu không có thì khi xuống tầu rồi cũng bị kéo lên bờ, thường khi bị tội nữa. Vậy trước khi đi, phải lo điều ấy là một.

Đường từ Bắc vào Nam xa xôi lắm. Đường bộ thì hiện nay mới có ba đoạn đường xe lửa đứt khúc là Hanoï — Vinh. (326 km) Quảng-trị — Tourane(174km.)và Nhatrang—Saigon,(408 km.) còn thì từ Vinh đến Đông-Hà, và từ Tourane đến Nhatrang là hai quãng đường bộ rất dài, đi xe ô-tô thì đắt tiền, đi bộ thì hết một tháng, mà đường xá gập ghềnh, núi rừng hiểm trở, đối với những hạng dân phải đi đi, thì không tiện lợi tí nào, duy còn có đường thủy. Đường thủy thì trước ta thường đi ghe, mành, ngay bây giờ ở mấy tỉnh Thanh, Nghệ, Quảng-Bình, Bình-Định v... v... họ vẫn đi vào Nam-kỳ như thế, song lâu la và nguy hiểm lắm, chỉ còn có tầu thủy là tiện và mau chóng hơn cả. Nhưng vẫn còn là đắt tiền. Tầu bể chạy đường Haiphong (chính là cái cửa bể xuất phát của dân Bắc-kỳ) Saigon, trừ một chiếc tầu vừa nhỏ vừa chậm của ông Bạc-Thái-Bưởi, là tầu Verdun và tầu Bình-Chuẩn ra, thì độc quyền vận tải vào hãng Messagerics Maritimes, ta gọi là hàng « đầu ngựa », trong Nam-

kỳ gọi là hàng Nhà Rồng, có ký giao kèo với Nhà nước, và một hãng nữa là Chargeurs Réunis (hãng năm sao) nhưng không có chuyến tầu chạy thường, ngoài ra, hoặc có tầu các nước ghé vào Haiphong rồi đi Saigon, dầu có rẻ tiền hơn, ta cũng không được phép đi những chiếc tầu ấy. Giá tiền đây đi Saigon, trước là 36$00, nhưng mới đây lại hạ xuống có 20$00, là giá vé ở trên « Boong » (sur pont), không có ghế nằm ngồi gì cả, mỗi người đi tất phải đem chiếu hoặc ghế vải đi mà nằm, tầu phát cho mỗi người một cái « phiếu », đến bữa thì ra chỗ gian nấu bếp lĩnh mà ăn : được một bát cơm và bã súp, 4 ngày 4 đêm như thế thì vào đến Saigon. Vài chục bạc là bao, nhưng đối với những người đi « tha phương cầu thực », thì như thế cũng là nặng. Vậy trước khi phải lo khoản tiền tầu là hai.

Bấy lâu người Trung, Bắc-kỳ đi vào Nam-kỳ cũng nhiều, mà hay giắt díu nhau. Giắt díu nhau là một sự rất hay rất lợi, nghĩa là người đi vào trước, đã từng biết thung thổ và nguồn ngách làm ăn rồi, thì dẫn người sau – là bà con anh em — vào ; người nay không phải cái nông nỗi bơ vơ bỡ ngỡ, như chim chích vào rừng, lại không sợ là không có công-việc làm ăn nữa. Như thế, ta có thể gọi được là cách «hương-tộc di dân» (鄉族遺民), ta đã thấy người làng Nội-duệ (Bắc-Ninh) kéo nhau vào bán hàng tơ lụa, người làng Lại-xá (Nam-định) vào làm mũ, làm giầy v.. v..., người Quảng-bình vào làm cu-li xe và đi ở, làng nào cũng đến hàng trăm người vào ở quan-tụ với nhau, người có việc làm chẳng nói chi, không có cũng không lo thất-cước, là vì cũng có nghĩa đùm bọc chỉ dẫn cho nhau, mà người cùng làng đi vào đông được như thế, toàn là nhờ cách giắt díu nhau kẻ trước người sau cả. Trong lúc này ở trong Nam-kỳ, chưa có sở nào tìm việc cho người, chưa có sở nào mộ phu vào làm, thì số dân thừa ở ngoài này có muốn đi vào, cũng chẳng biết tự xử-trí mình vào đâu, cho đến những người muốn vào buôn bán làm nghề v... v ..., nếu có người bà con quen biết ở trong ấy chỉ dẫn cho thì không nói gì, bằng không có thì sao ? Vì không có người

giới-thiệu như thế, cho nên một người muốn vào Nam-kỳ trước hết phải ngần ngừ về chỗ, vào đấy cách thức thế nào ? làm ăn thế nào ? ngộ lỡ vào mà không có chỗ nương tựa để kiếm việc mà làm thì sao ? Không may bị bơ vơ thì khốn. Vậy trước khi đi còn phải lo có người giát-đỡ cho nữa là ba.

Ba điều phải lo trước như thế, không thích hợp với cái tình-thế của dân nghèo muốn đi, cho nên bảo là ba sự ngăn trở cả. Ba sự ngăn trở ấy, nếu cứ để nguyên, thì không bao giờ nói được truyện di dân, mà muốn giải-thích đi, thì hai điều trên, ta phải xin với Chính-phủ. một điều dưới ta phải nhờ anh em đồng châu ta kiều-cư trong Nam-kỳ.

1° *Xin Chính-phủ tha cho sự lấy thẻ căn-cước.*

Chính-phủ đặt ra cái thẻ căn-cước, thật là dễ việc kiếm-đốc cho Nhà-nước, tiện sự thông hành cho dân-gian, thật là một miếng giấy mà tiện-lợi quá chừng, không còn nói vào chỗ nào được nữa. Duy xét kỹ ra đến sự xin được cái thẻ ấy, đối với những người đi học, đi buôn, đi làm, là hạng sẵn tiền trong túi thì thật là dễ dàng, đến như đối với dân nghèo — là muốn nói những người muốn vào Nam-kỳ kiếm ăn — thì sự xin được cái thẻ ấy thành ra khó. Khó, không phải là tại nghèo mà Chính-phủ không phát cho đâu, chỉ khó vì chỗ chạy được tiền để xin được thẻ ấy. Thẻ căn cước xin chỉ phải nộp có 5 hào, thì khoản tiền nhỏ mọn như thế, ai là chả có, song lẽ khó ở chỗ vì phải vật nài thì thầy Lý ở làng mới bằng lòng nhận thực cho, rồi lại mời thầy lên tỉnh, để vào tận Toà Sứ khai, cơm hàng rượu quán, tiền cáng tiền xe, chầu chực ít ra cũng hai buổi hầu mới được nếu là đường xa, thì phải tính cả ngày đi ngày về nữa. Đến khi được cái thẻ rồi, thử gẩy con tính xem trước sau tốn kém mất bao nhiêu : tiền quà bánh cơm rượu xe cáng cho thầy Lý mấy ngày ấy, ít ra cũng mất dăm đồng, bản-thân chưa kể, lại chưa kể đến mấy cái hình và tiền nộp lĩnh thẻ ấy, cũng vào một đồng bạc nữa, tổng-cộng lại, một cái thẻ căn-cước, tốn mất dăm bẩy đồng là ít, dân nghèo cần dùng mà xin cho được chẳng

bản mất mấy miếng vườn, cố mất vài sào ruộng hay sao ? Mỹ-ý của Nhà-nước chỉ thu có 5 hào thôi, nhưng những khoản tốn kém đi theo với 5 hào ấy, dân không làm sao tránh được.

Nhân vì sự xin giấy căn cước, ngẫu-nhiên bị tốn kém khó khăn như thế, cho nên ta thường thấy nhiều người chui xuống hầm than ở dưới tầu nằm, và đi trốn ở dưới các ghe mành để vào Saigon, mà lính Mật-thám thường bắt được luôn, ấy là một cái chứng cớ vậy

Xét cái tình-thế ấy, thì xin Chính-phủ tha cho sự lấy thẻ căn-cước là hơn. Xin tha không phải nghĩa là xin thủ-tiêu cái đạo nghị-định về thẻ căn-cước đâu, vì thẻ này cũng có ích lợi nhiều lắm, mà chỉ xin rằng: đặc cách cho những dân nghèo, muốn vào Nam-kỳ, miễn là có thẻ thân-thuế rồi, thì cứ việc xuống tầu đi, không cần phải có thẻ căn-cước, để cho họ dễ dàng được sự ra đi, khi họ vào đến hải-cảng Saigon rồi, thì sở « Hải-cảng cảnh-sát » (Police de la Rade,) hay là sở Mật-Thám trong ấy sẽ khám xét từng người, chiếu thẻ thuế thân mà bắt nộp 5 hào, phát cho một thứ thẻ gọi là «thẻ cư-lưu » (Carte de séjour) theo hình như thể lệ đối với khách ở Tầu sang thì phải có thẻ ấy ; như thế tưởng cũng đỡ phiền cho Chính-phủ, mà dễ dàng tiện lợi cho dân lắm.

Những khi họ ở trong ấy, mà trong việc buôn bán có cần phải thẻ căn-cước, để giao-thiệp với nhà Bưu-chính cho tiện, thì bấy giờ do trưởng-phố ở phố họ ở, nhận thực cho mà xin cũng còn dễ hơn là xin trước khi ở ngoài này đi, vì cái thẻ căn cước, vốn không hạn rằng người tỉnh nào hay xứ nào, cứ phải xin ở tỉnh ấy xứ ấy mới được, thứ nhất làm dân thành phố lại càng dễ hơn.

Nói tóm lại, không dám dàu xin Chính-phủ bãi hẳn thẻ căn-cước đi, nhưng sự thi hành thẻ ấy nên đối với tùy người mà khoan dung hay bắt buộc mà thôi.

2° Xin Chính-phủ trợ cấp cho khoản tiền tầu.

Nếu như việc di dân là một việc mà Chính-phủ dã có thì-giờ làm, thì một khoản tiền tầu, người đi không lo gì đến vi dụ như Chính-phủ mộ phu ngoài này vào mở mang hoang-địa và làm mọi công việc trong Nam-kỳ, thì khoản ảnh -phí tất Chính-phủ cho hẳn, nhưng hiện nay chưa phải như thế, dân chỉ vì thế bách, vì tình nguyện mà tự đi, thì phải lo một khoản tiền tầu, tiếng thế cũng là một việc nặng.

Trên kia dã nói đường đi vào Nam-kỳ, bộ có, thủy có, nhưng duy cộ dường thủy là tiện. Đường thủy cũng vô số tầu chạy, hiềm vì tầu nhỏ thì rẻ tiền, nhưng chạy chậm, tầu to thì chạy nhanh nhưng đắt tiền, bề nào cũng khó lòng cho người di cả. Giá như đây vào Nam-kỳ, mà giá tiền tầu được rẻ, thì hẳn người di nhiều, điều ấy dám nói chắc như thế. Tác-giả ở Saigon dã nghiệm rằng : tầu ở bên Hương-cảng sang mỗi tháng đến mười chuyến là it, mà chuyến nào cũng có vài ba trăm người Tầu sang, thế mà tầu ở Haiphong vào, mỗi tháng năm bầy chuyến là nhiều, mà mỗi chuyến chỉ thấy độ vài chục người Bắc vào, (trong vài chục người ấy, không phải gọi là người di-cư cả), thế ra một dàng xa, một dàng gần, sao dàng gần thì vào it, mà dàng xa lại dến nhiều được thế ? Cái cớ, ở trong mọi cớ, là chỉ tại một dằng tiền tầu rẻ, và một dằng tiền tầu đắt mà thôi, từ Hương-cảng sang đến tận Saigon chỉ có 7$00 mà từ Haiphong vào Saigon lại những 20$00, cho nên người Bắc vào Nam không đông được bằng người Tầu sang Tây-Cống (西貢, là tên người Tầu gọi Saigon) là vì đó. Bởi tiền tầu đắt, không vừa tầm sức với cái « túi » của phần nhiều người đi, cho nên có nhiều người phải mạo hiểm liều thân, là thông với mấy người làm ở dưới tầu, đãi người này độ mươi lăm đồng, cho được rúc vào hầm than, hay là nằm co trên ca-nốt dể trốn di, may ra trôi chẩy thì thôi, không may bị bắt thì lại phải điệu về và bị tội nữa, nào ai có muốn bị tội làm gì cho khổ thân, chỉ vì muốn đi mà it tiền cho nên mới phải làm liều như vậy.

Ấy mới nói sự di tầu bề đắt tiền mà thôi, chưa nói dến

những nông nỗi đi hạng trên «boong», thì cơm phải ăn xin, nằm không có chỗ, nghĩ lắm lúc mà tủi thân nữa.

Bởi thế, cho nên sự di dân bị ngăn trở, vậy bây giờ muốn cho người ngoài này vào trong kia được đông, thì phải xin Chính-phủ trợ-cấp cho khoản tiền tầu. Việc này, những kỳ hội-đồng Chính-phủ (Conseil du Gouvernement) mấy năm trước, đã có nhiều ngài thỉnh-cầu, lấy lẽ rằng những người là di dân, cần phải đem vợ con gia quyến theo, thế thì Chính-phủ phải trợ cấp tiền tầu cho họ mới có thể đi được, song le việc di dân chưa phải là việc Chính-phủ định làm, cho nên việc xin trợ cấp tiền tầu, Chính-phủ cũng chẳng xét đến. Trợ cấp thế nào? Mỗi người đi thì Chính-phủ cho mấy chục bạc hay sao ? Như thế không tiện, hoạ chăng thế này mới được.

a/ Tầu của hãng Messageries Maritimes (tổng-cục ở bên Marseille) đều có ký giao-kèo với Chính-phủ để chuyên chở thư-từ hàng hóa đi lại ở Pháp và Đông-Pháp, thế thì những chiếc đi lại ở Marseille và Haiphong mà giá tiền tính theo phật-lăng (franc Pháp thì không nói, nghĩa là lúc đồng bạc Đông-Pháp xuống thì giá tầu cao, lúc đồng bạc cao thì giá hạ ; còn chiếc tầu như chiếc *Orénoque* chỉ chuyên chạy ra vào Saigon-Haiphong mà thôi, thì tưởng Chính-phủ có thể điều-đình lấy giá hạ nữa đi được, lấy giá tầu chạy từ Hương-cảng sang Haiphong, hay từ Hương-cảng sang Saigon làm tỉ-lệ.

b/ Ngoài ra còn có một vài chiếc tầu của các công-ty hàng-hải khác, ví dụ như tầu *Bình-chuẩn, Verdun* v...v... của ông Bạch-thái-Bưởi, hiện nay chỉ chuyên chở hàng hóa, mà không cần chở hành-khách, cho nên kỳ-hạn thường không chừng, nay xin Chính-phủ trợ-cấp cho những tầu ấy mỗi năm ít nhiều, để khuyến-khích cho cái nghề hàng-hải của người bản-xứ, chắc những tầu ấy có thể giựa vào khoản đó mà mở mang ra, thì sự chở hành-khách sẽ được chuyên và giá rẻ đi nữa.

c/ Chính-phủ cũng có xưởng đóng tầu bể ở Saigon, thường đóng được những chiếc tầu to, như chiếc *Albert Sarraut* hạ

thủy năm 1921, giá đừng cho đấu-giá thuê, chỉ giao vào cho một công-ty nào đó quản-đốc, nhưng vẫn là tầu của nhà-nước, để chạy đường Haiphong Saigon, lấy giá rẻ hơn các tầu khác, cho những hành-khách it tiền đi, thì lợi cho dân bao nhiêu.

Như thế, thì tuy Chính-phủ không phát tiền cho dân, mà tức là trợ-cấp cho dân khoản tiền tầu vậy. Hoặc có phương-pháp nào khéo hơn nữa thì lại càng hay.

3·/ *Phiền anh em Bắc-kỳ đã ở trong Nam làm mối giới cho.*— Trong lúc mà việc di dân ta bàn đây, chưa phải là một việc thuộc về vấn-đề xã-hội kinh-tế, thì những người muốn đi vào Nam-kỳ, không biết có ai mượn mà làm, hay là tìm được việc gì mà làm không, vì đáng lẽ ngoài này phải có một sở « Tuyển-mộ người đi vào » mà trong kia phải có sở « Phát việc cho người làm » mới được, nhưng bây giờ những điều ấy còn thiếu thốn cả, thì ta phải cần có người làm mòi giới cho.

Ai làm mòi-giới cho được bây giờ ? Trừ anh em Bắc-kỳ ta đã ở Nam-kỳ và anh em Nam-kỳ ra, thì không ai chịu mang cái trách-nhiệm ấy cho nữa.

Song le, nghĩ lại thì không chắc anh em Bắc-kỳ ta kiều-cư ở trong ấy bây giờ, có lương-tâm hay là có nhiệt-thành làm việc này cho không ? Vì nghĩ lại cái tình hình người Bắc ở trong Nam mấy năm trước mà xem, không ai khỏi có bụng bi-quan được. Cách đây ba năm, tác-giả ở Saigon, trông cái cảnh-tượng ấy lấy làm phàn nàn lắm : số người Bắc kiều-cư ở Saigon rất đông, nhưng già nửa là những người đi làm việc và làm bồi bếp, hoặc là không có tâm-chí gì, hay nghĩ mình là hạng chân nâng, ở đi không biết lúc nào là định, thì cũng không có thì giờ mưu được việc gì lợi cho kẻ khác, và chăng nói cho phải, thì những người này không chiếm được địa-vị gì có thế-lực, chẳng qua tay làm hàm nhai mà thôi ; chiếm được địa-vị có thế-lực, thì duy có mấy nhà buôn bán công-nghệ, song tiếc thay những ông này lại ích-kỷ quá. Cuộc buôn bán của người Bắc

trong Nam-kỳ cũng phát-đạt lắm, chớ phải không đâu! đi ở Lục-tỉnh, không thấy mấy tỉnh không có cửa hàng của người Bắc, đi về các chốn nhà quê thường gặp người Bắc đeo gói hàng đi bán, mà thứ nhất là ở Saigon, chưa kể đến các phố khác, ngay ở phố Catinat, là phố người minh khó len lỏi thế, thế mà cũng có đến mươi tiệm hàng Bắc, tròng nguy nga đồ xộ, bề ngoài không thua gì mấy tiệm tây, tiệm khách, tiệm Bombay, mà chủ trương toàn là những ông tròng có học-thức và giầu có cả, tổng cộng lại thành một đảng «cự-tử» ở trong thương-trường, ai tròng thấy cách doanh-nghiệp của các ông cũng phải kính phải phục. Chết nỗi các ông thờ cái chủ-nghĩa « vị-ngã » quá, nên không có đoàn-thể với nhau, mà cũng chẳng có công-tâm gì cả. Đáng lẽ bấy nhiêu người Bắc buôn bán, nên có một phòng Thương-mại — hay là ít ra một hội liên-hiệp — để bảo-thủ quyền-lợi cho nhau mới phải. Nhưng mà không. Đáng lẽ phải có nhiều cơ-quan như là hội cứu-tế, tiền tuất-cấp cho những người đồng châu trong khi cơ lỡ mới phải. Nhưng mà không. Đáng lẽ các ông ấy phải đứng lên lập hội gì để chỉ đường dẫn lối và đưa người tìm việc cho anh em ở ngoài này mới vào mới phải. Nhưng cũng không. Bao nhiêu người Bắc trong Nam-kỳ, chẳng có cơ-quan gì với nhau, chỉ có một cái hội là hội «*Bắc-kỳ nghĩa-trang*» nghĩa là người Bắc vào làm ăn trong Nam-kỳ, vào hội ấy, đến khi có chết ở đấy thì hội chôn cho, nghĩ hẹp hòi và buồn bã quá, cho nên khi ấy tác-giả đã viết mấy bài đăng ở báo «*Nam-kỳ kinh-tế*» (1) giải lẽ phải chăng, thì bị mấy ông đương-sự lúc bấy giờ, viết thơ đe kiện tác-giả, việc ấy đến nay, tác giả nghĩ vẫn lấy làm lạ.

Những tình-cảnh ấy ở mấy năm trước, chắc đến nay cũng vào thời-đại quá độ rồi, vậy tưởng có lẽ cũng tròng mong anh em Bắc-kỳ ta hiện ở trong Nam bây giờ, để giải-quyết cái vấn đề « làm môi giới » này cho được.

1. Báo này bây giờ bị đóng cửa rồi.

Trước hết tưởng nên lập ra một nhà hội, gọi là nhà « Bắc-phương công-quán » 北方公館 (Foyer des Nordistes), (1) theo đại-khái như hội-quán của Khách-trú, nội dung không những là một nơi tụ họp cho những người Bắc buôn bán làm ăn ở đấy, để bàn bạc nhau về việc buôn bán, công-nghệ, học thuật v... v.. mà lại đứng làm mòi-giới giúp đỡ được cho những người Bắc muốn di vào nữa. Trong Công-quán ấy, sẽ có đủ cả nhà trọ, hàng cơm, do một ban ủy-viên đứng trông coi, tuy không tặng không cho ai, nhưng mà lấy tiền rẻ bằng nửa ở các cao-lâu, khách-sạn, để cho những người mới vào bỡ ngỡ, có nơi ăn chỗ ở, đỡ phải tốn-kém như ở ngoài, mà đối với những người nghèo, khoản-đãi không tưởng có khi cũng được. Công quán lại nên đặt ra một ban cố-vấn, để đáp các thư từ của những người ở ngoài này muốn hỏi cách-thức vào, cùng là lần mò tìm công tìm việc để xử-trí những người đã vào mà chưa có chỗ làm ăn ; việc này tất phải là người có thế-lực lớn, giao thiệp nhiều, lịch duyệt rộng mới làm được, nhưng mà những hạng người Bắc như thế này ở trong ấy cũng nhiều, thế thì chắc làm cũng dễ.

Sau hết, phải nên có một cơ quan gì đại-khái gọi là « Bảo hộ cho những người di dân » (Protection des Immigrants) để bảo hộ cho những người vào đấy, trong khi đau ốm, trong khi thất nghiệp, trong khi làm việc mà bị mấy người chủ thuê bạc đãi v... v... nói tóm lại, cái chế-độ không như bang của khách, mà cũng tức như bang của khách vậy.

Cái cơ quan ấy rất cần, có ích chung cho cả người đương ở và người sắp vào, nếu anh em Bắc kỳ ta kiều cư trong ấy, làm được như thế, hay hơn như thế nữa, do ở lực lượng và cao kiến của mình, thì tức là mở đường cho anh em ở ngoài này vào đông vậy. Vì hiện nay, những người ở Trung, Bắc-kỳ muốn vào Nam-kỳ, trừ ra đôi người có bà con giắt díu không kể, còn thì lo nhất là sự tìm việc làm, nay nếu có nhà công-quán

---

1. Gọi là bắc-phương, vì đối với Nam kỳ, thì Trung Bắc-kỳ đều ở mạn bắc vậy.

như thế đứng lên chỉ dẫn và bảo lĩnh cho, thì thiết tưởng số người di dân ngày một đông không biết thế nào mà nói

Gần đây, trong Nam-kỳ đã có một sở tìm việc cho người làm, mở ra ở phố Harner, (Saigon) số nhà 70, gọi là « *Office colonial de placement et de la statistique du travail* », do một người đồng bào của ta trong Nam-kỳ là M. Bửu chủ-trương, cốt tìm việc cho những người không có việc làm, và đưa người cho các nhà riêng, các nhà buôn bán, thật là công-cuộc hay quá chừng, nhưng tiếc thay cái phạm-vi chỉ được ở Saigon mà thôi, nay ước gì M. Bửu khuếch trương cho to ra, có thể giúp đỡ vào việc di dân này được, thì càng thêm ích lợi cho đồng bào bao nhiêu!

Nói tóm lại, trước khi ra đi, phải lo giấy căn-cước, lo khoản tiền tầu, lo người giới-thiệu, mà nếu Chính-phủ giúp đỡ được cho hai điều trên, là tha giấy căn-cước, hạ giá tiền tầu, và anh em Bắc-kỳ đã kiều cư trong ấy hay là anh em Nam-kỳ đứng làm môi giới cho, thì vấn-đề di-dân này đã nhẹ đi được một phần vậy.

IV

Người ta chẻ nhân-công mình những thế nào? Có phải thế hay không? — Di dân phải di cả gia-đình. — Cái vấn-đề tiền lương. — Phải bênh vực nhân-quyền và sinh mệnh của họ — Giấy giao kèo.

Người Pháp sang chinh-phục nước ta, chỉ lấy nước ta làm nơi «*khai-thác thượng chi thực-dân-địa*» (開拓上之殖民地, Colonie d'Exploitation), là bởi khí-hậu khó chịu, không thể ở lâu dài được, chỉ mấy năm lại về Pháp nghỉ ngơi một lần, cũng không thể lấy chân tay ra làm những công việc mệt nhọc nổi, mà chỉ có làm những công-việc bằng tinh-thần, cũng là bằng lối «chỉ tay năm ngón» mà thôi. Nói tóm lại chỉ làm những nghề nhàn hạ tự-do, là làm quan và làm nhà buôn, đến như công-nghệ và canh-nông, thì duy lấy óc suy nghĩ thôi, chớ không đem cánh tay ra mà làm lụng được. Bởi thế phải cần có nhân-công.

Cần có nhân-công để sai-khiến mở mang, cho nên khi người Pháp bước chân vào Nam-kỳ, là tổ-chức ngay cuộc di dân cho người Tầu, là một dân-tộc vừa đông người, mà không sợ đi xa, sang bên ta, lợi dụng cả tư-bản và lữ-lực của họ ra mà làm đủ mọi công-việc, y như ở bên nước họ. Việc đem dân Tầu sang nhiều như thế này, đáng lẽ ngoài sự giúp đỡ cho việc khai-thác của Chính-phủ Pháp, thì không để cho phạm vào quyền-lợi sinh-hoạt của dân bản-xứ mới phải: sơ tâm của Chính-phủ định mở rộng cửa cho người Tầu vào đông, là để dùng họ khẩn hoang-địa, làm cu-li, không dè họ làm trái hẳn cái chương-trình ấy, là họ chăm chăm vào việc buôn bán, việc công-nghệ, không những là cướp cả lợi-quyền của dân mình, mà lại có ý cạnh-tranh với cuộc buôn bán công-nghệ của Pháp ở đây nữa, thành ra họ lấy đất ta — thứ nhất là xứ Nam-kỳ — làm nơi «*di dân giữ khai-thác thượng chi thực-dân-địa*» (移民與開拓上之殖

民地, Colonie de peuplement et d'exploitation), tự hình-thức mà xem, thì có lợi hơn người Pháp ; điều này tưởng bây giờ Chính-phủ cũng tự biết là sơ-xuất thì phải.

Nhưng ta tự hỏi sao Chính-phủ lại đem nhân-công Tầu sang ? Là bởi cho nhân-công Tầu nhiều và có nhiều tính-cách tốt, dễ sai bảo và có thể làm được việc, còn như nhân-công bản-xứ thì thiếu, và phải mất nhiều bản-chất xấu không thể dùng được. Đại-khái cái dư luận ấy như sau này (1) :

«Người Annam vốn là sinh-tính lười biếng, lại không biết lo lắng gì cả, được ngày nào hay ngày ấy, nếu ngẫu nhiên được một miếng đất để cất một cái nhà, và một mảnh ruộng cày cấy đủ ăn trong một năm, ấy điều nguyện-vọng của họ đến đó là cùng tột rồi. Trông mong họ để lấy nhân-công thì vô-ích ; vả chăng, ngày giờ của họ phần nhiều là ngồi soài trên cái chõng, khề khà uống bát nước chè tươi và hút điếu thuốc lào hay là cả thuốc-phiện nữa. Những ngày ấy, nếu chịu khó đi làm việc, thì thêm được đồng ăn tiêu, và ít ra nữa cũng kiếm được đồng dễ ra, phòng những năm đói kém... Song le người Annam có biết lo xa đâu ? Họ chỉ cam sống ngày nào hay ngày ấy, chẳng lo lắng gì, hầu như là con nít, bao nhiêu công-việc đứng dắn đáng làm hôm nay, thì hãy để đến mai, duy có lúc nào túng bấn mới bắt được họ làm việc mà thôi.

« Vả chăng, kể về phương-diện nhân-công, thì người Annam lại hay hiếu tĩnh, đó không phải là cái tật nhỏ của họ đâu, họ quyến-luyến nhà cửa quê hương quá sức. Các gia-tộc thường đến ở một làng nào, từ đời cổ nào không biết ; cha ông đã đứng vào hàng tai mắt trong làng, và họ đã có ngôi thứ trong đình đám rồi, nếu bỏ làng mà đi, tức là làm mất danh giá, hầu như không phải là con người tử tế, nghĩa là nếu họ đi đến làng khác mà ở, tất bị người ta khinh rẻ, coi chẳng ra gì. Thành ra, họa chăng vì nỗi ông cha sa sút (hoặc vì bị tù tội, hay vì không đóng thuế nổi... v.. v .) thì mới chịu đi như thế. Nếu như nhà

1. trích trong sách *L'immigration chinoise en Indochine* của ông Lafargue.

cửa vẫn nguyên-tuyền, thì không ai chịu rời ra một bước ; ai có đi cũng không đi xa : vì bằng ở quê cha đất tổ không được mà phải đi, thì họ cũng chỉ đi gần thôi, hoặc đi làng khác, hoặc lên tỉnh, hoặc làm ăn ở những tỉnh gần gũi, để cho đến khi trong làng trong nhà có cúng tế giỗ tết gì, những người rác rác đi làm các nơi, dễ sự về nhà, để cúng tế giỗ tết với nhau cho tiện. Nhân đó mà người Annam có một điều sợ, một điều ghê khiếp nhảm nhí, khiến cho họ lấy sự đi xa làm lo lắm. Thường khi có một người Tây ở một chỗ nào trong xứ Đông-pháp này, mà phải đổi ở vùng này đi vùng khác, có người bồi tốt muốn đem đi theo, thì nó kêu là « nước độc », không thể đi theo được. Ai lại không biết, phần nhiều người Annam, có một cái thói quen, tuy hơi trẻ con, mà thấy cũng cảm-động, là khi sắp tới ở một xứ nào xa xứ mình, thì hay gói một cục đất ở chỗ mình ở ấy mà đem đi theo. Nếu có ít nhiều người, không cần gì những sự đã tin, hay hoặc được lương cao, quên cả những sự ấy, mà bỏ ra đi, thì một sự sầu-uất mà họ cảm-giác trước hết, dù cho là một cơn sốt xoàng, chẳng qua bởi phong-thổ khác mà ra, nhưng cũng đủ là một cớ làm cho họ hối hận ngay rằng mình đi thế này, là táo tợn dại dột, thì vội vàng trở về quê cha đất tổ ngay.

« Như thế thì phân minh rằng sự lợi-dụng nhân-công bản-xứ có điều gì ngăn trở to lắm »

Người viết mấy dòng ấy, nói nhân-công bản-xứ tức là chỉ nhân-công Bắc-kỳ, vì chỉ có Bắc-kỳ, mới có nhân-công mà thôi. Ta thấy phần đông người Pháp — trừ ra mấy người có hiểu tình-thế và tính-chất của ta lắm — đều chung một ý-kiến như thế. Vậy nhân-công Bắc-kỳ có đến nỗi tệ như là dư-luận ấy đã chỉ-trích hay không, tưởng là một điều ta cần xét lắm. Trước hết ta phải nhận là có thế, sau ta nói rằng : mấy cái tệ đó, ngày nay không có nữa đâu.

Người mình vẫn có lòng nặng tình quê hương, không muốn rời ra một bước, tức là cũng có cái «tư-tưởng thôn-lạc» y như người Tầu, mà tác-giả đã nói trong đoạn cuối ở phần trên, cho

nên đi đâu xa một tí, thì hay nhớ nhà, công việc làm ăn nhân thế mà có ngăn trở ; song về thủa trước kia, trình-độ sinh-hoạt còn thấp, miếng vườn sào ruộng là đủ ăn, không trách nào cái tư-tưởng ấy phải phát-đạt được, bây giờ cái trình-độ sinh-hoạt cao nhiều, nếu cứ tri-thủ mãi không xong, thành ra cái tư-tưởng kia phải biến, chẳng có đâu quá độ như trước. Vả chăng, cái tư-tưởng thôn-lạc không phải là dở cả đâu, mà lại có ý hay nữa, Nước Mỹ lấy 48 nước nhỏ mà hợp thành lại một nước liên-bang to, và thực hành được cái chính-sách cộng-hoà trọn vẹn rực rỡ như thế kia, nguyên lấy cái tư-tưởng thôn-lạc làm gốc cả. Nhưng nếu tư tưởng thôn-lạc mà cứ ôm chặt lấy, chẳng những không tiến-thủ được việc gì, mà lại thành ra ngu-ngốc, nhưng nếu thoát hẳn nó ra, thì hình như lại thành ra quá-khích mất rồi ! Đã yêu cái chỗ đất mà mình sinh ra, lại còn phải biết yêu cái khu-vực lớn gồm cả chỗ đất mình sinh ra nữa, bởi thế cái tư-tưởng thôn-lạc, cần phải cân nhắc thế nào cho vừa phải mới được. Kể thường tình của người ta, ai không yêu mến cái chỗ đất tổ quê cha, chôn rau cắt rốn của mình, phương chi đã quen sông quen núi, quen đường đi lối lại, quen gốc cau vườn chè của mình đi rồi, nhất đán phải rời bỏ mà đi xa, thì chút tình bịn rịn nhớ thương, không có sao được ; nhưng vì bằng lấy chỗ mình đến ở đó, mà tô điểm làm sao cho có cảnh tượng cũng hơi giống như chỗ sinh trưởng của mình, thì cái tư tưởng thôn lạc phải nhẹ đi một nửa, nghĩa là đi đâu, nên lập gia-đình ở đó. Người Tầu cũng nặng tư-tưởng ấy như ta, thế mà đâu họ cũng đi đến và ở lâu dài, toàn là do cách khôn, đi đâu thì lập gia-đình ở đó vậy.

Nhiều nhà trại-chủ, điền-chủ mộ phu như ở trung-châu lên mạn ngược, hay ở ngoài Bắc vào Nam, mà bị ít lâu, họ nhớ nhà muốn về, làm nhỡ cả công-việc mình, là bởi không biết mưu cho họ lấy điều sung sướng thứ nhất, là sung sướng gia-đình, nghĩa là không biết hoá cái chỗ hoàn cảnh của họ, hơi giống như những lúc ở nhà thành ra họ chẳng được chút gì yên ủi, mỗi khi xúc

những cảnh bóng xế giăng tà, mây bay gió thổi, mới sinh ra cảm tình quê quán, động mối li-sầu, chỉ muốn về ngay, chẳng thiết gì công ăn việc làm nữa, hay cũng vì đó mà họ sinh trễ nải ra. Bởi thế việc di dân muốn được thành-hiệu lớn, lại cần phải làm sao cho họ được gần gũi gia-đình, hay là gây dựng cho họ một gia-đình mới, để cho họ nhẹ bớt cái tư-tưởng thôn-lạc đi mới được.

Nếu thế, chẳng những trừ bớt được cái tư-tưởng thôn-lạc của họ đi, mà lại trừ được cái căn tính «tự túc» đi nữa. Trong lúc thế-giới, người ta tiến-hoá vô cùng, cạnh tranh vô cùng, nhất thiết cái gì, cũng muốn cho đến cực-điểm mới nghe, thế mà người mình chỉ ngồi ôm lấy cái căn-tính tự-túc, thế nào cũng cho là đủ rồi, không có chí mạnh bạo để tiến tới. Cái tính này của dân-tộc ta đã cổ lắm rồi, đã khiến cho ta là một giống người đẻ trước, mà bây giờ phải nhục nhã mấy bọn người sinh sau, tưởng là nay thì sực tỉnh rồi, nhưng xem chừng vẫn còn nồng nàn cố chấp lắm. Thật thế, trải xem các dân-đẳng ở nước mình ngày nay, chỉ trừ ra có hạng làm quan, thì muốn to muốn giầu, tham-lam không biết đâu là cùng ; hạng cho vay nợ lãi, và bọn đi xu phụ để cầu lấy hư-danh, thì cũng tham lam, không biết thế nào là chán, còn thì hình như đều giữ cái tính tự-túc cả : đi học cốt lấy được cái văn bằng, làm nên quan Phán quan Tham, thế là đủ ; làm ruộng chỉ cốt sao cho thóc mùa này ăn được đến mùa sau, thế là đủ ; công-nghệ gì, thường chỉ cốt đẽo gọt chắp nối thế nào cho thành hình, miễn sao bán được thì thôi, thế là đủ ; buôn bán thì ngồi chỗ nào nguyên chỗ ấy, chờ mạnh-vận để kiếm lời, thế cũng là đủ ; thành ra không ai có chí tiến thủ mạnh bạo một tí nào, trách nào chẳng làm nô-lệ mãi được ? Bọn cùng-dân mình, trúng phải cái bệnh này sâu lắm. Họ tự nghĩ rằng : người ta sinh ra, ai cũng có số phận an-bài, sang hèn giầu nghèo, ấy là tự giời định, không thể cưỡng được. Nhân thế, mà làm việc gì cũng vậy, chỉ đo ngang với cái dục-vọng tầm-thường của mình là thôi, cho thế là đủ, hơn nữa cũng không làm. Giá lấy

nghĩa «tri-túc» của cổ nhân mà nói, thì như thế là hợp lắm, song ở đời này không thể được. Đời này, ai cũng phải mạnh bạo mà tiến lên, cái chỗ hay dở hơn thua, bao giờ cũng phải quá cái tầm sức thường của người ta mới là định được.

Bọn nhân-công mình, làm công-việc gì mà hay bỏ dở, là tại như tính tự-túc, mà xét ra cái tính tự túc ấy sinh ra cũng có phần bởi tại nòng nỗi xa nhà, vì trong óc của họ, chỉ có tư-tưởng gia-đình mà thôi, chớ không có tư-tưởng xã-hội, chẳng may vì miếng cơm mảnh áo, mà phải đem thân đi làm xa, khi mê khi tỉnh, lúc nào cũng nghĩ đến nhà, hễ đã thấy ấm no dôi chút rồi, thế nào cũng lo đến sự trở về chốn cũ, dẫu miếng ngon món bở đến đâu, cũng khó làm cái bả mà lưu họ lại được nữa. Ấy, gia-đình đối với họ, là sự sống, là cái thú có một của họ như thế, nếu nay những người muốn dùng người ta, chỉ muốn người ta lăn lưng vào làm việc cho mình, mà không muốn cho người ta có sự sống ấy, có cái thú ấy, lại trách người ta hay « nhớ nhà» như thế chẳng là ích kỷ lắm sao ?

Nhưng cách di cả gia-đình đi thế nào, cho tiện ? Chắc hẳn di dân lên mạn ngược hay là vào Nam-kỳ cũng vậy, di một người nào đi, mà muốn di cả gia-đình người ấy đi ngay thì không được. Tất phải từ từ mới xong. Hoặc người đi ấy là người mộ, thì việc đem vợ con họ vào, là phận-sự ông chủ mộ phải lo thay, xuất tiền phí tổn ra cho họ trước, rồi sẽ trừ lương sau, thế tưởng cũng là tiện lắm. Hoặc người đi ấy là Chính-phủ di đi, dùng để khai-thác một chỗ đất nào, thì trước hết hãy nên đem một mình họ vào, chỉ định cho họ chỗ đất ấy đã, để cho họ gây dựng thành cơ ngũ rồi, bấy giờ tự họ về đón gia-đình mình đi. Ta đã từng thấy ở trên mạn ngược Bắc-kỳ ta, như ở Yên-Bái, Phú-Thọ, Chợ-Bờ v. . v. . . mấy nhà thực-dân Tây Nam, thứ nhất là mấy vị linh-mục, dùng cách ấy, đã có kết-quả hay : nhiều chỗ trước là cỏ rậm đất hoang, bây giờ đã có làng xóm lập lên, ruộng vườn khai-phá, trông thật có vẻ sinh tụ sầm uất lắm. Việc di dân vào Nam-kỳ, xưa nay chưa hề thấy Chính-phủ

chú ý đến, hoặc như có làm, cũng chẳng thấy thành công, ấy chính là thất-sách ở chỗ không nghĩ gì đến nhà của người dân đi cả. Nay không cứ là nhà điền-chủ, nghiệp-chủ, công-nghệ v. . v. . . muốn mộ người ngoài này vào làm việc cho mình, tưởng không quên sự « di cả gia-đình » đi, là việc cốt yếu, tuy có khó nhọc phiền-phức đôi chút, nhưng thật có quan hệ đến sự lợi hại của công-việc mình.

*
* *

Người ta lại còn trách nhân-công mình tầm-thường và biếng nhác, có mặt người trông coi, thì mới cặm cụi làm, xểnh ra là ngồi khề khà hút thuốc và nói truyện nhảm với nhau ngay ; việc đáng làm một công, lại kéo dài ra đến 5, 7 công v. . v. . . Có thật thế không ? Không, đến nỗi đâu mà mang lấy lời trách ấy được, có phải chăng nữa là ở trong cũng có một cớ. Xem những khi bên Thượng-quốc (tôn nước Đại-pháp) có việc chiến tranh, mà con nhà Việt-Nam ứng mộ đến mười mấy vạn người, sang làm lính thợ bên Pháp, đã từng được tiếng khen là đảm đang, chăm chỉ lắm ; xem những xưởng máy nọ máy kia ở đây, bọn cu-li đi sớm về khuya, cơm nắm nước bầu, suốt ngày vất vả ; xem những công-nghệ chế-tạo của ta, càng ngày càng mở mang, chẳng nhờ nhân-công ta, thì lấy gì mà làm, như thế thì quyết không phải là tự nhân-công ta dở đâu, mà thật là bởi ở một cớ. Là cớ tiền lương không ra gì.

Ôi ! viết đến đây, tác-giả để mình phảng-phất vào quãng sáng mờ, hay vào lúc tối mịt, trông thấy bọn thợ lũ năm lũ ba, đầu đội nón rách, mình mặc áo xơ, tuy ngoài miệng nói nói cười cười, nhưng trong bụng nghĩ những : «thuế má làm sao ?... ăn mặc làm sao ?... vợ con làm sao ?... đóng góp làm sao ?....» rồi chép miệng thở dài, ngang tay gạt lệ, nhắm mắt bước chân vào cửa xưởng làm,... hay là ở xưởng ra về.. . thì không ngờ tức mình lên rằng : « Chao ôi ! Rõ cái đời của bọn lao-động mình mạt quá ! » Sao ? Nghĩa là tại ít lương.

Bọn lao-động nước mình khổ thật : làm lụng vất vả cả ngày, khuân tiền gánh bạc chồng ngập từ chân lên đầu một ông có của thuê mình, mà tự mình thật là chỉ uống nước mắt ăn mồ hôi, chẳng được một cái gì cả. Các nước có nhân-công, không có nước nào lại rẻ như ở nước mình quá thế, bảo là công-việc của người ta nặng, đời sinh hoạt của người ta cao, nhưng thiết tưởng ở mình ngày nay có kém gì : từ cơm áo nhà cửa thuốc men thuế má, so với trước, cái gì cũng đắt gấp lên 10 lần, thế mà bọn lao-động mình, đem đồng tiền kiếm được, và sức mình bỏ ra, mà so sánh với nhau, thì thấy còn chênh lệch nhau quá, nghĩa là sức nhiều mà công ít, không đủ sinh-hoạt vậy. Đó, xem những bọn gọi là thuyền thợ và cu-li ở trong các công-xưởng nước mình, làm mỗi ngày kiếm được bao nhiêu ? Cứ kể lương của họ, chỉ có từ 3$00 cho tới 12$00 mỗi tháng, thế là mỗi ngày làm chỉ được từ 1 hào cho đến 4 hào công mà thôi, nay ta cứ lấy hơn bù kém, bỏ giả mỗi ngày mỗi người được 3 hào công, mỗi tháng 9$00, nếu kể ngày nghỉ ngày phạt đi, thì lại không được thế, thật ra, ngày phải nghỉ và ngày bị phạt lại là thường lắm. Mấy ông chủ thuê, nghĩ thí cho họ mỗi tháng được chừng ấy, đã lấy làm to lắm rồi đó, nhưng có phải số tiền họ kiếm bằng mồ hôi nước mắt ấy, họ ăn được một mình đâu, phần nào là nuôi vợ con, phần nào là may quần áo, phần nào là thuê nhà cửa, phần nào là đóng thuế má, trăm thứ tiêu-pha, đều trông vào một khoản tiền cỏn con ấy ; khoản tiền cỏn con ấy, nếu họ được chi dụng lấy cho thân mình, cũng khéo bót chét lắm mới đủ, còn phải cung-cấp cho người nữa, thế thì liệu có đủ không? Thành thế, ta thấy nhiều người ăn cơm muối, uống nước lã để làm, trông tội nghiệp quá. Trong khi mọi sự ở đời tiến lên mãi : thuế má nặng, nhà cửa cao, đồ ăn đắt, v...v... mà sức lực của họ, vẫn bị mua một cái giá rẻ rúng như thế kia, thì công-lý ở đâu thế !

Mấy ông « cố-chủ » (僱主, là người có tiền thuê người làm) ở mình chỉ có việc tham-lam và tàn-nhẫn, đang tay cướp cả nhân quyền của người ta, nỡ lòng bỏ cả nghĩa nhân-loại, giữa lúc

trong nước thừa thãi nhân-công, dùng người chỉ chực mất ít tiền mà được công-việc nhiều, lương mấy năm chẳng tăng, sai một tí là phạt, mình thì dầy lên tiền, xéo lên bạc, vơ vét mãi vào, mà chẳng tưởng chi đến, lũ lem đầu tối mặt kia chúng nó đã có công khai-quật những của ấy lên cho mình, lại hình như có ý dọa rằng: «Lương đấy! Chúng mày đã làm việc cho ông, thì phải quên cả vợ con cùng là tính mạnh đi mà làm, hễ nghỉ, ông phạt, sai, ông đánh, hễ vòi vĩnh lương bổng nhiều ít, thì ông .... bỏ tù! » Bọn thợ cắm đầu làm trâu ngựa cho ông mãi, cày một thửa ruộng rộng hay hẹp, chạy một quãng đường xa hay gần, về cũng chỉ gặm bó cỏ mà thôi.

Mấy ông cố chủ, hầu như chỉ bắt nạt người ta mà dùng, không biết lượng tình xét việc cho ai cả, một ông như thế, mười ông như thế, trăm nghìn ông đều như thế, thành ra cứ lấy làm tỉ-lệ với nhau, cái tỉ-lệ ấy chỉ là tiền công ít mà việc làm nhiều. Có pháp-luật nào định rằng: tiền công ít mà làm việc nhiều không? Chắc không! Nhưng mà những chỗ đó thì có khi pháp-luật không biết đến, một là tại ông cố-chủ tìm cách bưng bịt, hai là tại bọn lao-động không biết thân-mình, nhân thế mà bọn tư-bản mới cưỡi được lên đầu bọn lao-động mà đếm tiền vậy. Bọn này, bao giờ người cũng đông, sức cũng mạnh, bị đè nén mãi, chưa chắc đã không có một ngày bật lên, theo luồng với cái phong-chào công-đảng ở thế-giới, mà thành ra quá-khích gì đó, thì cái vạ ấy ở nước ta càng thảm-liệt vô cùng, lưu-huyết vô cùng. Không may sau này mà ta vướng phải cái vạ ấy, thì là tội ở mấy ông cố-chủ, chớ không còn ai vào đó nữa.

Thế thì bây giờ làm nghiêng đổ mấy ông tư-bản để bênh-vực bọn thợ hay sao? Chớ có làm như thế, chỉ nên tính với các ông ấy về khoản tiền lương mà thôi.

Đời bây giờ, công việc nặng, ăn tiêu đắt đỏ thế nào, ai cũng biết rồi, vậy thì không kể là công-việc gì, không kể làm công-việc ấy là đàn bà hay đàn ông, quyết không thể nhận cho mấy ông cố-chủ thuê người ta lương tháng (không có cơm nuôi và

quần áo) 3, 4$, hay là lương ngày mỗi ngày 1 hào hay là hào rưỡi được, ít lắm nữa cũng phải cho người ta đủ ăn khỏi rét, và không thiếu thốn lắm trong mọi sự cần-dùng. rồi từ đó tùy việc làm nặng hay nhẹ, chỗ làm xa hay gần, mà định lương bổng cho xứng đáng với tài năng của người ta, chứ muốn thuê rẻ, mà muốn được việc, người ta chán nản vì ít tiền, làm lụng trễ nải, lại đổ là người ta không giỏi làm việc, nghĩ đã phải hay chưa? Lương đã phải như vậy rồi, đến cách phạt cũng phải tìm cách gì khác hơn là cách phạt lương mới được, ai làm không có lúc sai, nay sai bị phạt, mai sai bị phạt, thường thấy có người một tháng phạt đến một phần ba, hay một nửa lương, thì lấy gì mà ăn; thứ nhất là những bọn phu mộ lên mạn ngược, hay vào trong Nam-kỳ, mấy ông cố-chủ giả công nhật cho họ một ngày 3 hay 4 hào, cứ ngày làm thì ăn, ngày nghỉ thì nhịn, mà chậm dạ một tiếng, hoặc đang cặm cụi làm mà ngửng đầu lên, đều bị phạt lương cả, cuối tháng có người chỉ còn dăm sáu đồng, như thế thì ức người ta quá.

Vì thế cho nên thiết nghĩ bây giờ đem phu đi xa — nói ngay là vào Nam-kỳ — thì cái lối phát công nhật, quyết phải bỏ đi, mà phải phát lương tháng mới được. Vì họ đi làm xa, phần nhiều là những chỗ độc nước, rức đầu chóng mặt, phải nghỉ là sự thường, nếu nghỉ ngày nào mà cứ bị cúp lương đi ngày ấy mãi, chẳng hóa ra không may mà họ vị thiệt thòi lắm ư?

Còn có một điều này hơi khó, là định lương cao hạ thì lấy gì làm chuẩn-tắc? Đã hay rằng: tùy ở công-việc và sức thợ hay dở hơn kém mà định; nhưng trong bọn tư-bản, phần nhiều người vô lương-tâm, công việc mình lợi hàng nghìn hàng vạn, mà không chịu trả lương thợ cao, hay không năng tăng lương lên cho thợ thì sao? Giá như những bọn lao-động ở nước người ta, đối ngoài thì đã có hội «Quốc-tế lao-động» (Conférence internationale du Travail), ở trong thì có Chính-phủ bênh vực cho, mà chính bọn tư-bản của họ, cũng không có cái thói « chịch thượng » như ở mình, cho nên bọn lao-động của họ, tuy thường có đình-công lôi thôi, song

vẫn sung-sướng và có thể-diện lắm, nước mình tưởng hãy nên làm cách này, là phải có một sở Lao-động (Bureau du travail), kiểm xát xem các ông cố-chủ trả lương thợ ra làm sao, buộc họ tùy số nhập-khoản của mình mà phát hoặc tăng lương thợ lên cho khá, đại-khái như thế cũng trừ bớt được cái lòng tham của họ đi, ấy tức là giải-quyết được vấn-đề tiền lương vậy.

Bấy giờ lương bổng khá, tất họ yên ủi mà làm việc, xem họ làm việc có giỏi hay không ?

*
* *

Nước mình có nhiều thung lũng ở giữa mà rừng núi bao chung quanh, nên khí giời không được trong sạch, lại thêm lá rụng cây khô, nước chẳng được trong sạch. đồng không cỏ rậm, ruồi muỗi và trùng độc sinh ra nhiều, những người đến ở những chỗ ấy, nếu không biết phép vệ-sinh cho khéo, thì chẳng chết là may, tránh sao cho khỏi ốm đau được. Đem những nhân-công đến đó, vì không có cách gì giữ gìn sinh-mệnh cho họ, để họ nay đau mai ốm vàng vọt cả người, thì ai chả sợ, chứ tự nhân-công mình có sợ gì chỗ nước độc đâu ! Nếu sợ sao mỗi lần mộ người, vẫn thấy họ ứng mộ mà đi đông thế ? Vì đó, làm sao bênh vực nhân-quyền và sinh-mệnh cho họ, là một việc rất cần vậy.

Tình-hình sinh-hoạt của bọn nhân-công ở mạn ngược ngoài ta ra thế nào, tác-giả chưa được rõ, chứ cái tình-hình sinh-hoạt của nhân-công ta vào Nam-kỳ, tác-giả đã thấy đã nghe, thì thật có nhiều chỗ đáng phàn nàn thương sót cho họ lắm, vì nhân-quyền và sinh-mệnh của họ bị coi rẻ rúng quá sức. Đối về việc mộ phu, Chính-phủ thật đã có đặt thể-lệ và điều-luật rất là chu đáo nghiêm nhặt lắm, nào là nhà cửa cho phu ở phải cho sạch sẽ cao ráo, mà phải lợp ngói, nào là giờ làm giờ ăn phải cho có chừng độ, nào là khi ốm đau thì phu phải được nghỉ và thuốc men tử tế v...v... lại thường phái ông Giám-đốc đi khám xét luôn, cái nguyên-lý thật là hay lắm, nhưng thử hỏi các ông chủ mướn phu, có tuân theo đúng như thể-lệ của Chính-phủ đã định ra không ? Vả lại khi mộ phu đi, mấy ông cố-chủ cũng

có bắt phu ký tờ giao-kèo (contrat). trong tờ giao-kèo ấy cũng có đủ các khoản như trên kia, lại có nhiều khoản nữa, hễ khoản nào có lợi cho họ mà phu làm sai, thì bị khốn nạn, thế mà khoản nào có quan-hệ đến lợi của phu, thì họ chẳng cần gì, lại khinh-rẻ cả thể-lệ của Chính-phủ nữa. Cái cảnh-tượng như thế, ta thấy ở phần nhiều vườn trồng cao-xu trong Nam-kỳ.

Trong Nam-kỳ nhiều vườn trồng cao-xu (Plantation de caoutchoutc) lắm, toàn là của người Pháp, mà to thứ nhất là vườn cao-xu Lộc-ninh về tỉnh Thủ-dầu-Một, dùng nhân-công nhiều lắm, trong bốn phần ba là người Bắc ; số này có đến vài ba nghìn người.

Ta nên biết rằng : vườn cao-xu nào cũng là ở chỗ rừng rú, rộng đến mấy vạn mẫu, khí hậu độc, đất hay ẩm thấp, nếu những người làm, đi sớm về khuya, làm lụng vất vả, mà lại chỗ ở miếng ăn, không được cẩn thận, thì là mắc bệnh ngay.

Tác-giả có biết nhiều người làm ở trong một vài vườn cao-xu kia, hỏi tình hình thì họ thuật truyện lại rằng :

– Phần nhiều họ chẳng coi tờ giao kèo ký với cu-li, và thể lệ của Chính-phủ ra quái gì cả, cứ là làm liều đấy thôi Nhà cửa của cu-li ở, ít chỗ được bằng ngói và lát sàn, phần nhiều toàn là nhà tranh ụp sụp ẩm thấp quá. Ăn thì toàn thị là cá khô và mắm muối, hàng tuần lễ mới được miếng thịt. Làm thì thường phải đi từ tảng sáng, rồi tối mịt mới về, trưa ăn cơm ở ngoài vườn, vì vườn rộng, đi về xa lắm. Lương thì ấn định là mỗi tên cu-li 12$00, nhưng nghỉ phải trừ lương, sai đâu phạt đó là sự thường, có tháng có người chỉ còn lĩnh được năm sáu đồng bạc. Vườn cao-xu khí hậu độc, không mấy người trọn tháng không cảm không sốt một vài ngày, thế nghĩa là không mấy người trọn tháng mà có đủ lương; lại thêm bọn cai rất là tàn ác, tàng công cho chủ, phạt lương và đánh cu-li đến ốm liệt hay chết là thường. Trong vườn có đủ các cơ-quan phòng bệnh, nghĩa là có đủ thày thuốc, có nhà thương, tuy vậy đến cách trông nom thì cẩu thả lắm, cu-li ốm được nằm nhà thương uống thuốc, nhưng hàng mấy

ngày chẳng thấy thày thuốc đến thăm bệnh một lần.... Lắm người cu-li đau ốm, may ra còn được bắt làm những việc nhẹ trong các phòng giấy còn khá, có người ốm cũng phải đi ra vườn làm, đến nỗi phải gục ở dưới gốc cây mà chết. Có một lần, cũng có một người bị ốm mà phải đi làm, chiều về người ta điểm tên không thấy, mai ra thì thấy bị cáo ăn mất nửa người rồi... Thôi, tình cảnh khổ sở ấy, nói sao cho xiết, thành ra có nhiều cu-li không kham được, liền mạng trốn đi, có bắt được mà bị tù hay bị đuổi cũng cam...

— Thế thì ông Giám-đốc của Nhà-nước đặt ra, không mấy khi đi khám-xét hay sao?

— Cũng có thỉnh thoảng, ông Giám-đốc đến khám xét mà cự họ (đây là chỉ mấy ông chủ mướn cu-li), nhưng thường thường họ bưng mắt cả ông Giám-đốc. Khám nhà cửa thì họ đưa đến những khu có nhà cửa trên lợp ngói. dưới lát ván hẳn hoi; khám sổ sách, thì họ giơ những sổ sách nào mà trong ít thấy con « 0 », nghĩa là ngày ấy ít cu-li bị phạt, khám sức khỏe của cu-li, thì họ đưa đến những chỗ cu-li béo tốt không đau ốm gì..

— Thế ngộ có người cu-li nào lỡ tay xẩy chân, cọp tha cáo bắt, nói tóm lại là người nào vì công việc làm mà thiệt mạng (Victime du travail) thì ông chủ có chu-tuất gì cho hay không?

— Chết là thôi, chứ còn ai chu-tuất cho gì, dẫu có cũng chẳng ra gì cả, vì cái mạng người cu-li, ai cho vào đâu!

Những người nói câu truyện đó, là người nói có thể tin được lắm. Như vậy thì nhân-quyền và sinh-mệnh của những người đem thân đi làm việc cho người ở nơi xa, không có cái gì bảo hiểm cho cả, chẳng cũng tội-nghiệp lắm ư?

Nay nếu mở rộng cái phạm-vi di dân vào Nam-kỳ ra, thì chắc hẳn đám dân ứng mộ vào làm những việc này đông lắm, nếu không làm sao trừ được cái lối độc-ác của mấy thầy cai, lòng tàn nhẫn của mấy ông chủ, thì tương dân nghe cái tiếng vào đó. vào đó.... đã đủ khiếp. còn ai thèm đi nữa, thế thì trong việc di dân có ngăn trở một phần lớn vậy. Bởi thế, nay nghĩ làm sao

mà bênh vực nhân-quyền và sinh-mệnh cho họ, là điều cần lắm. Trước hết, tưởng nên xin Chính-phủ nên cho người đi khám xét luôn luôn, — phải, khám xét luôn luôn và cho rõ công-bằng mới được — xem các ông chủ mỏ đối với cu-li có đúng như thể-lệ và giấy giao-kèo hay không? Nếu sai thì phạt rõ nặng, và nếu mỗi khi có người cu-li nào chẳng may vì công-việc làm mà thiệt mạng, thì người chủ phải chu-cấp cho vợ con anh em người ta tử tế, có thể đưa được xác người ta về xứ sở thì phải đưa, gọi là cách khuyến-khích người sau, không thì còn ai muốn tận chức với nữa.

Sau là phải cho bọn thợ được tự do kết thành hội-đảng với nhau, gọi là «hội lao-động», theo như bọn lao-động ở các nước, để họ có lòng cố-kết, tự phải bênh-vực nhau trong mọi quyền-lợi, như giờ làm, tiền lương, khi nghỉ ngơi, lúc ăn uống v.. v... không để cho mấy ông chủ mỏ bắt nạt được, miễn là họ làm hết phận-sự, và chẳng làm điều gì trái với pháp-luật thì thôi. Đời nay, phải để cho cái giai-cấp lao-động này được hưởng chút quyền-lợi làm người mới phải, chứ nếu họ kết đảng với nhau, mà đã bảo *ấy chúng nó làm quá-khích! ấy chúng nó theo chủ-nghĩa xã-hội!* sao được. Thợ sai với ai, thì nào bị phạt lương, bỏ tù, tạt tai, đánh chết, mà ai sai với thợ, chẳng ai biết đấy là đâu, có công-lý nào thế?

Ấy, đại-thể thì phải làm như vậy, nhưng tóm lại, tuỳ nơi, tuỳ thời, tuỳ từng công-việc, phải tìm hết mọi cách khéo để bảo-hộ nhân-quyền và sinh mệnh của họ, để cho trông thấy chứng cớ chắc chắn, chứ thật ra những tờ giao kèo, cũng chẳng đủ bảo-lĩnh gì!

*
* *

Một bên ông chủ, một bên thợ thuyền, vì đôi bên cùng sợ lừa lật lẫn nhau, vậy muốn cho được chắc chắn cả, nên mới có tờ giao-kèo, có giao-kèo thế mà vẫn thấy đôi bên trái ước với nhau luôn. Có khi, tức như mấy cái tình-hình ở trên, thế là

ông chủ trái lời giao-kèo với thợ ; có khi thấy thợ trái lời giao-kèo với chủ, thì dụ người ta đã mộ mình làm việc cho người ta rồi, hoặc đang làm bỏ dở mà về, hoặc thấy chỗ khác nhiều lương hơn là bỏ đi, rồi đôi bên sinh sự lôi thôi với nhau, đều bị thiệt thòi cả. Bọn nhân-công mình thật cũng thường có cái tính « bỏ dở việc làm, chỗ nào cao công là bước » thật, mặc kệ ông chủ, mặc kệ pháp-luật ; lại thường khi đang làm tử tế, cậy mình được việc, thì gây sự lôi thôi, không lẽ mỗi lúc lôi họ ra mà kiện ; nông nỗi như thế, cả : ông cố-chủ, các nhà công-nghệ Tây Nam vẫn kêu ca mãi, kêu ca rằng : luật pháp không đủ giúp việc thi-hành những tờ giao-kèo ấy. Nhưng cứ lấy tình-thế ở ta mà xem, thì hình như ông chủ hay trái ước hơn là thợ, thợ có trái ước chăng nữa, thường bởi tự ông chủ cậy quyền, cậy thế, trái ước trước, thợ không biết gõ cửa công-lý đằng nào, bèn liều mạng mà trái theo vậy.

Nay muốn cho tờ giao kèo đều được cả đôi bên cùng phải tôn trọng, một mặt, là ông chủ phải có lương-tâm, trọng nhân-đạo đã đành, một mặt phải làm sao cho thợ hiểu tờ giao-kèo là cái gì mới được. Đang lúc chúng bị đói rét, được người mộ đi làm việc có cơm ăn có áo mặc, thì chúng tưởng đến lúc no ấm rồi có khi bỏ người ta mà đi được như bỡn, nào biết đâu rằng có lỗi ; phương chi tờ giao-kèo viết bằng chữ tây, chữ nho, trong nói những khoản gì, chúng đã chẳng hiểu rồi, mà ngay bằng quốc-ngữ đi nữa, chúng cũng bập bõm hiểu không hết, thế mà cứ liến thoắng đọc cho chúng nghe : khoản thế này.... khoản thế này.... rồi hỏi có bằng lòng không thì ký vào ; giữa lúc « kiến bò nôn bụng, gió thổi lạnh mình », thế nào mà chúng chẳng ký biết đâu giao-kèo có lợi hại cho mình là thế nào. Không biết thành ra có khi chúng trái ước mà phải đền, phải tội, mình tự hại mình, nhưng chính vì cái « không biết » ấy mà ông chủ trái ước, có hại cho chúng nữa, chúng lại chẳng biết đâu mà kêu được.

Nói tóm lại, việc này khó lắm, ta không trách-vọng ở thợ mấy, mà trách-vọng ở ông chủ nhiều, nghĩa là ông chủ cứ đối đãi với họ cho hẳn hoi, chắc họ phải cảm mà hết lòng hết sức giúp việc cho mình, bấy giờ tờ giao kèo coi như miếng giấy lộn, hay là đốt đi cũng chẳng sao !

V

Ruộng hoang trong Nam-kỳ - Cái chương-trình mở mang nông-nghiệp của Chính-phủ — Vấn-đề khẩn-hoang. — Nhân-công Trung, Bắc đối với việc khẩn hoang trong Nam-kỳ. – Hội Nông-nghiệp tương-tế đối với việc ấy.

Trong Nam-kỳ, cái chỗ đất, cái công-việc có thể chứa được đảng di dân ở ngoài Bắc này vào nhiều nhất, là nghề làm ruộng.

Nghề làm ruộng trong Nam-kỳ dễ dàng lắm, mà nhờ về thiên-thời và địa-lợi phần nhiều, phí nhân lực rất ít Khí-hậu trong ấy, tuy có khó chịu cho bề sinh-hoạt, nhưng mà rất lợi cho nghề canh nông, thứ nhất là không có mấy khi phải đại-hạn hay là bão-táp, cây cối hoa mầu họa lắm mới có khi bị thiệt hại vì những cái vạ ấy. Đất cát thì vốn sẵn có chất tốt, lại nhờ có sông Cửu-long-giang chạy chằng chịt khắp trong xứ, như mạch máu lưu-thông khắp trong mình người ta, ruộng nương không lo thiếu nước, vả lại mùa cấy lại nhằm vào giữa mùa hay mưa, thật gọi là mưa hòa gió thuận lắm. Vì thế cho nên các nông gia, cứ độ tháng tư tháng năm thì cày bừa và cấy, đến tháng chạp tháng giêng thì gặt, cấy rồi bỏ đó, không phải lọ nước nôi hay bón phân làm cỏ gì, mà lúa cứ việc lên tốt um xùm, bông nào bông nấy chắc hột nình nịch, thành thử ra một năm chỉ cấy có một mùa thôi, mà ruộng sấu lắm mỗi mẫu (trong Nam tính mẫu tây) cũng được 100 *giạ* (mỗi giạ là một thúng cái to), tốt nhất thì được 160 hay 170 giạ, song cứ kể ruộng trung-bình mỗi mẫu mỗi năm được từ 140 cho tới 150 giạ lúa Ruộng đất trong Nam như thế không trách nào mỗi năm xuất-cảng đến hơn 1 triệu tấn gạo được.

Song ta không nên nghĩ rằng : xứ Nam-kỳ mỗi năm xuất-cảng được bấy nhiêu gạo, thì có đất nào cũng cày cấy giồng giọt được cả, mà không còn có ruộng đất nào bỏ hoang đâu ! Thật ra trong Nam-kỳ còn nhiều ruộng hoang lắm, chia làm ba khu-vực lớn như sau này :

a/ Cánh-đồng Tháp-Mười (Plaine des Joncs) chạy vùng từ tỉnh Tân-an cho đến Châu-đốc có chừng 40 vạn mẫu đất hoang, tròng bát ngát, mà chỉ toàn là cỏ và cây chàm nước mọc rậm lên cả.

b/ Khu đất ở vào giữa những tỉnh Hà-Tiên, Châu-đốc, Long-xuyên, Rạch-giá, có chừng 25 vạn mẫu.

c/ Những đất chạy theo bờ bể Xiêm-La, ở vào khoảng sông Ông Đốc, sông Trem, sông Canh Den và sông Cái Lớn. Khu này phỏng chừng 24 vạn mẫu.

Tổng-cộng ba khu vực lớn ấy đã được 89 vạn mẫu, ấy là chưa kể đến những chỗ có 5, 7 nghìn hay một vạn mẫu đất bỏ hoang còn nhiều lắm. Nếu tính tất cả, thì cả thẩy cũng có đến 150 vạn mẫu hoang. Ôi! 150 vạn mẫu đất hoang, tưởng không phải đâu là cái rơm cái rác vậy. Sao không phá ra, mỗi năm ít ra cũng được thêm mười mấy triệu giạ lúa ư? Thưa rằng việc ấy trách-nhiệm ở Chính-phủ.

Xứ Nam-kỳ thuần là một xứ làm ruộng, cơm áo của dân ở đó, thuế má của Chính-phủ ở đó, cho nên ngay từ khi người Pháp mới bước chân vào, là lo ngay việc mở mang nghề làm ruộng cho dân, mà đến ngày nay, lại càng lưu ý lắm.

Hiện nay, xem cái chương-trình của Chính-phủ mở mang nông-nghiệp ở xứ Nam-kỳ, tóm lại có ba việc cốt-yếu như sau này:

1• *Khai kênh ngòi.* — Ta nên biết rằng những cánh đồng bỏ hoang ở trong Nam-kỳ rộng lắm, thường đến *40* hay *50* vạn mẫu một, nay nếu nói việc khai khẩn ra, mà thiếu nước để tưới thì cũng chẳng làm gì được, vả lại không có sông ngòi thì sự vận-tải và đi vào được những khu đất ấy, tuy không gian nan nguy hiểm gì như lên núi vào rừng, nhưng thật cũng khó nhọc lắm. Vì thế mà Chính-phủ lưu-ý nhất là việc khai kênh.

Việc này, bắt đầu làm từ năm 1894, đến nay là 30 năm, không lúc nào ngừng, và trong khi làm, thường có gặp nhiều sự ngăn-trở, nhưng tóm lại cũng có hiệu-quả tốt lắm, nghĩa là trong Nam-kỳ được thêm nhiều sông ngòi để vận tải giao-thông và làm ruộng rất là tiện-lợi. Cái chương-trình sau cùng này định là 5

năm, mà đến năm 1926 này thì hoàn-thành. Bấy giờ, chỉ trừ có tỉnh Hà-Tiên, còn các châu-thành khác ở Lục-tỉnh, đều có sông đào to, để giao-thông với Saigon và Chợ-Lớn được. Song lại muốn khai thác hết miền đồng-bằng Nam-kỳ, cho nên Chính-phủ lại định một cái chương-trình đào kênh nữa, hạn trong 8 năm, bắt đầu từ 1927 cho đến 1934. Thoạt tiên thì đào mấy con sông con ở về đất giáp vụng bể Xiêm-La, để lấy nước khẩn đất hoang chỗ ấy ; sau thì đào một con sông nối tỉnh Rạch-giá với Hà-Tiên, mà thông ra mãi vụng Xiêm-La, vừa là để lấy nước vỡ mấy chục vạn mẫu nằm vào giữa những tỉnh Hà-Tiên, Châu-Đốc, Long-Xuyên, Rạch-giá, và là nối với Bassac, để miền này chở lúa ra cho tiện. Sau hết thì khai nhiều kênh ở cánh đồng Tháp-Mười, cho thông với sông Cửu-long-giang và Vaïco, thì mới vỡ nổi cánh đồng này, và lại lấy chỗ tiêu bớt nước sông Cửu-long-giang đi, cho đến mùa nước to, mấy tỉnh đất thấp như Châu-đốc, Long-Xuyên khỏi lụt.

Ngoài sự khai kênh trong ba miền ấy ra, Chính-phủ còn định mở nhiều đường để giao-thông với Trung-kỳ, Cao-miên và Lào cho được tiện lợi nữa.

2º Lựa hạt giống. — Gạo ở Nam-kỳ trắng trẻo và chắc hột như thế, mà đem ra thị-trường thế-giới vẫn phải tiếng chê là gạo không tốt, cho nên một mặt Chính-phủ ra sức khẩn hoang, một mặt tìm cách làm cho gạo được nhiều hơn tốt hơn, là do cách lựa giống bằng phép thường hay là bằng máy, để ra thị-trường thế-giới cho được trồi giá hơn. Từ năm 1913, đã lập ra ở tỉnh Cần-thơ một sở « nông nghiệp thí nghiệm » (農業試驗場, Station agricole), dù cho Chính-phủ chăm nom luôn luôn, mà ta thấy sự kết-quả cũng tầm thường lắm. Duy có về hai năm sau này, mới thật là có tiến-bộ. Lại lập thêm mấy sở như thế ở Soc-Trăng, Cai-Lay, và Vinh-Long. Hai sở nữa ở Bắc-Liêu và Cà-Mâu cũng gần xong rồi. Hết thảy mọi sở đó, mỗi năm có thể phân-phát cho nông-dân được 113 tấn hạt giống đã lựa chọn kỹ rồi.

Song le, dừ cho Chính-phủ làm hết sức đến thế nào, chắc

cũng không sao đủ hạt giống mà phát cho hết thảy các nhà làm ruộng trong Nam-kỳ được, bởi thế mới mở ra cuộc «*đấu lúa*» (Concours agricole), bắt đầu từ năm ngoái. Cuộc này mở ra là cốt để khuyến-khích các nhà làm ruộng, và lựa xem những thứ giống nào tốt thì Chính-phủ có thưởng và bảo dân mua về mà gieo, để cho hợp với khí-hậu, hợp với thổ-nghi, thì sau này lúa mới tốt được. Lựa hạt giống bằng cách thường thôi thì cũng được, nhưng mà lâu, cho nên Chính-phủ nghĩ cách dùng máy; kỳ đấu lúa năm ngoái, đã đem bày cái máy lựa hạt giống kiểu Marot cho công-chúng xem, thấy có kết-quả hay lắm, bèn gửi ngay sang Pháp mua 30 cái như thế, để cho các nông-gia dùng. Lại lập ra hai nhà máy lựa hạt giống nữa ở Mỹ-Tho và Cần-Thơ, có sức lựa đủ giống cho dân dùng được. Nếu nông-gia mình chịu mua những hạt giống đã lựa chọn kỹ lưỡng như thế về mà gieo, thì chắc hột gạo trong Nam-kỳ sẽ được lợi hơn và có giá-trị hơn bây giờ nhiều lắm.

3° Lập Hội Nông-Nghiệp tương tế. — Muốn sửa sang muốn khuyến-khích nghề làm ruộng cho mấy, nhưng nếu có ruộng đất mà không có tiền để mở mang những ruộng đất ấy ra, thì cũng chẳng làm gì được. Vậy muốn giúp cho các nhà nông có đủ vốn để sinh-lợi đất ruộng của mình ra được, Chính-phủ bèn lập ra «Nông phố ngân-quỹ» (Crédit agricole) cho người bản-xứ cũng tức là hội «Nông nghiệp tương-tế», đã 12 năm nay. Ban đầu cũng còn chưa ra gì, từ năm 1912, mới có một hội lập ra ở tỉnh Mỹ-tho, sau lần lần các hạt khác cũng noi gương ấy mà lập lên, cho nên bây giờ trong 20 tỉnh, đã có 11 tỉnh có hội «Nông-nghiệp tương-tế» rồi.

Hội này lập ra, thật có ích cho các nông-gia, thứ nhất là lúc lúa hạ mà cần tiền, đã chẳng đến nỗi phải bán non bán giá, mà lại tránh khỏi được những cái tệ «một vốn bốn lời» của bọn Hoa-Kiều cùng là mấy bác người mình giàu có tàn nhẫn nữa. Kể khắp cả Nam-kỳ, số tiền của các hội Nông-nghiệp tương-tế cho các nhà nông mới vay hay là vay lại, thì cả thảy tới một sốt iền

2. 808.289$, thật là thịnh lắm. Tuy trong cũng có nhiều việc tham lậu, nhưng Chính-phủ cũng cố sửa sang cho thật đứng đắn, để cho hết thảy các nhà nông, không cứ chi là lớn nhỏ, đều có thể nhờ lợi ở hội Nông-nghiệp tương-tế ấy mà ra được.

Lệ vay thì đại-khái là gửi lúa ở hội, rồi hội cho vay tiền, mà vay thì mỗi năm phải trả, nhưng thường chia làm năm năm, cứ hết mỗi năm lại viết văn-tự lại một lần. Bấy lâu những nông-gia vay trả vẫn sòng phẳng lắm, không có mấy khi phải dùng đến pháp luật mới đòi được, ấy đủ làm chứng rằng hội Nông-nghiệp tương-tế của Chính-phủ lập ra là cần dùng và có ích cho nông-dân Nam-kỳ lắm vậy.

Tóm lại, cái chương-trình của Chính-phủ để mở mang nông-nghiệp Nam-kỳ có ba điều cốt yếu như thế, ngoài ra Chính-phủ còn khuyến-khích dân giồng cao xu, giồng dừa, giồng mía v. . v. . . toàn là những đồ xuất-cảng to, và rất cần dùng cho công-nghệ đời bây giờ, mà bấy lâu ta chưa biết đến. Xem đi xem lại cái chương-trình ấy, thì một việc mở mang nghề làm ruộng cho ta. Chính-phủ lo tính như thế, thật là hết sức rồi, thật không kém cạnh gì nữa, 150 vạn mẫu đất hoang kia, chỉ chờ trong vòng 20 năm nữa, là thành ruộng vườn tốt đẹp cả, ai lại không mừng ! Song, nghĩ lại một lần nữa, thì có điều khiến cho ai cũng lấy làm lạ lắm, là kênh khai rồi đó, hạt giống lựa rồi đó, hội Nông-nghiệp tương-tế bảo-hộ cho đó, nhưng mà thiết-sử không có cái « cánh tay » thò ra tát nước ở những kênh ấy lên, lấy những hạt giống đã lựa ấy mà gieo, vay tiền ở hội Tương-tế kia về mà làm, tức là không có nhân-công, thì lấy ai khai-phá 150 vạn mẫu đất hoang kia, thế thì việc « lấy nhân-công ở đâu », sao không thấy Chính-phủ nói trong chương-trình kia một thể, chẳng cũng khiến cho người ta lấy làm lạ lắm sao ?

Sau khi người Pháp đặt chân vào đất Nam-kỳ, ta nhớ lại chỉ nguyên thấy có hồi định mộ dân Tầu sang Nam-kỳ khẩn hoang, nhưng người Tầu chỉ sang buôn bán và làm công-nghệ, mà không chịu làm ruộng, thành ra cái kế-hoạch ấy không xong,

(cũng may cho ta, nếu không bây giờ thêm hàng vạn ông chủ điền Hoa-Kiều nữa thì khốn), ấy chỉ có lúc ấy, là thấy Chính-phủ lo đến vấn-đề nhân-công, sau thất bại rồi thì không đề-cập gì tới nữa, mà thứ nhất là không thấy đề-cập đến việc đem nhân-công ở hai xứ ngoài này vào, thành ra việc khai-khẩn ở Nam-kỳ thấy chậm chạp lắm. Thật thế, kể từ năm 1868, đất Nam kỳ chỉ mới có 22 vạn mẫu ruộng, mỗi năm xuất phát ra chỉ được có non 14 vạn tấn gạo, thế

đến năm	1883	lên được	675.000	mẫu.
—	1893	—	990.000	—
—	1903	—	1.300.000	—
—	1913	—	1.600.000	—
—	1923	—	1.906.000	—

mà nay đất Nam-kỳ đã xuất-cảng hàng năm được 1 triệu 26 tấn gạo rồi, thế thì trong vòng chưa đầy 60 năm, cũng là giả nửa thế-kỷ, mà đồ đồng mỗi năm khẩn thêm được 3 vạn mẫu đất, nói cho phải cũng chẳng mau chóng gì, mà lại có phần chậm, nếu nước ta không có sự may mắn được làm dân bảo-hộ của nước Đại-Pháp, thì tưởng dân Nam, Bắc tất cũng đã biết cùng khai thác với nhau, từ bấy đến nay, ai biết không tới được số ruộng như ngày nay, hay hơn như thế nữa cũng có. Sự chậm ấy, đổ tại bấy nay, không có kênh, không có hạt giống tốt, không hội tương tế nào v... v... thì cũng phải lẽ thật, và nay phải làm mới có thể khai khẩn mau chóng được, nhưng giả lại đổ tại cả vì không có nhân-công. thì chắc hẳn cũng không phải là nói sai. Ừ ! kênh, hạt giống, hội tương-tế v... v... đều là những món khí-cụ cần dùng và có ích cho nghề làm ruộng. tức là cần dùng và có ích cho việc khẩn hoang 150 vạn mẫu « cỏ » kia lắm, nhưng nếu không có « tay thợ » dùng khí-cụ ấy để khai phá 150 vạn mẫu này, thì những khí-cụ ấy, — thứ nhất là kênh ngòi, rồi đến hội tương-tế — chẳng cũng là thừa lắm ư ! Vì thế cho nên trong cái chương-trình mở mang nông-nghiệp Nam-kỳ, nhân-công tất phải đứng sắp hàng với những cái kia mới được vậy.

Bây giờ ta mới bàn đến vấn-đề khẩn hoang!

Trong cái chế-độ cho khẩn ruộng hoang, ta xem kỹ thì nhận ra rằng: hình như Chính-phủ đối với người Pháp thì có ý dễ dàng và bênh vực lắm, mà đối với người bản-xứ, hơi có ý chật hẹp và khó khăn, nghĩa là mỗi khi người Pháp xin khẩn, thì xin được nhiều và mau chóng, còn người bản-xứ xin khẩn, thì được ít mà lại còn chạy hết sở này sở kia, mất ngày giờ và tốn kém lắm. Trong chỗ đó, ta thấy được - là Chính-phủ đã thiệt hại, mà dân cũng có điều phàn nàn nữa.

Vẫn biết rằng Chính-phủ bảo-hộ một dất nào, muốn khai-thác lợi-nguyên ở đất ấy ra, thì tìm một cách rất chắc chắn để giúp dỡ vào việc khai thác ấy cho mình, là khiến cho nhiều người Pháp sang thực-dân, và muốn giữ họ ở thuộc địa cho lâu để có đủ thì giờ mở mang làm lụng, thì Chính- phủ cho không họ nhiều đất cát đe họ làm. Nghĩ rằng: nhờ cách như thế, thì không bao lâu, mà số đất ở thuộc-địa có thể lên gấp mười gấp trăm, mà sổ chi-thu của Chính-phủ không tốn đồng xu nào cả.

Kể cũng là chính-sách hay lắm đó, nhưng mà đối với những cái tình-trạng kinh-tế ở xứ ta, có hợp được đâu. Sao thế? Thoạt tiên ta nói rằng: những người quý-quốc mà Chính-phủ cho phép rộng được khẩn nhiều ruộng hoang, và ta gọi là mấy *ông Tây đồn điền* dó, thì trừ ra có một vài ông cũng có tài giỏi về đàng này thật, nhưng phần nhiều ông, được Chính-phủ cho phép làm chủ những khu đất to tướng đó, song kỳ thực chẳng có tài năng và kinh-nghiệm gì về nghề làm ruộng, mà thứ nhất là nghề làm ruộng ở đất cát ta, khí-hậu ta này; cho nên thấy nhiều ông được đất rồi, có dễ cũng chẳng biết khu-vực bát ngát rộng những đến đâu, chẳng biết làm sao mà vỡ ra được, chẳng biết giống giọt thứ gì cho có lợi; cái đó, phần thì tại Chính-phủ cũng không sốt sắng gì mấy về sự khuyến-khích và đỡ đần cũng có, phần thì tại các ông ấy không biết làm cũng có, thành ra ruộng hàng nghìn hàng vạn mẫu, cứ bỏ không đấy thôi, thẳng hoặc có làm, cũng chẳng ra gì, vẫn thấy cỏ xậy mọc cao hơn là cây

cối lúa má. Nhân thế mà việc khẩn hoang mới chậm lắm vậy. Ta có muốn thấy chứng cớ không? Trong khoảng 10 năm trường tất cả các ông đồn điền người Pháp chỉ khẩn ra có được non 3 vạn mẫu ruộng, thế mà trong vòng 3 năm, người mình vỡ ra được những 7 vạn mẫu ở một mình tỉnh Tân-an, xem thế, thì cái nghề làm ruộng, mấy ông chủ điền người Pháp, dù có cái « giếng khoa-học » ở trong óc mặc lòng, chưa chắc đã sành, đã mau, đã giỏi được bằng người bản-xứ, là dân-tộc chịu được thủy-thổ, có sức làm lụng, và có kinh-nghiệm hàng mấy nghìn năm nay.

Thế không những là chậm mất cái chương trình khai-khẩn của Chính-phủ, mà lại có điều thiệt-hại cho dân, ấy là chưa nói đến một vài ông đồn điền thường ăn lấn ruộng đất của Chính-phủ, thế thì thiệt của Chính-phủ mất ít nhiều thuế nữa. Ta thật không nên quên rằng: có nhiều ông Tây đồn điền tử tế quá, hễ mấy ông ấy lập đồn điền ở chỗ nào, thì thấy dân chung quanh chỗ đó, được nhờ vả nhiều, nào các ông lập chợ mở đường, nào là cấp vốn liếng và trâu bò cho dân làm, nói tóm lại là thương yêu trông nom giúp đỡ cho dân đủ cả mọi mặt. thật ta cũng phải biết cảm ơn những ông như thế mới được. Nhưng khốn thay những ông như thế hiếm hoi lắm. Nhiều ông « lên mặt ta sang bảo-hộ » đây, thường làm nhiều điều ức-hiếp người ta quá, tuy không ai dám phàn nàn ra lời, nhưng thật cũng tấm tức trong bụng. Đồn điền của các ông ấy cắm ở chỗ nào, thì những làng xóm ruộng nương ở gián-tiếp hay là ở chung quanh chỗ ấy, hình như là bị chết ngạt, không còn cử động, còn mở mang gì được nữa; mà các ông ở chỗ ấy, tự tôn mình như một ông Chúa, cậy oai cậy quyền, cho nên đối dân trong vùng, thường làm lắm việc tựa hồ như trái cả cái mục-đích bảo-hộ và khai hóa của nước Pháp. Lũ môn-hạ các ông nhân thế, mới lấy thân cáo mà đội lốt hùm, bắt nạt người ta, vào làng hà hiếp những con gái lương-gia, thấy nhà nào khá thì vay chẳng cướp giật.... trâu bò của các ông có giẫm hay ăn lúa ở ruộng của ai, thì người có ruộng ấy chỉ phải làm câm làm điếc, sợ

sinh sự ra, chẳng bị đòn tất bị kiện lôi thôi. thế mà trâu bò của dân làng lỡ ra có trượt chân xuống ruộng của các ông, tức thì những con trâu bò ấy bị « chung thân cấm cố » trong đồn điền, hay là bị lũ môn-hạ đem kết án « xử tử », đại khái cái tệ ấy như thế còn nhiều, mà dân làng lại thường phàn nàn về nỗi các ông hay lấn bờ lấn ruộng của họ nữa. Vì thế, dân làng ở gần mấy ông đồn điền « trích thượng » như thế này, đều lấy làm khổ lắm, chẳng rõ Chính-phủ có thấu tình cho không?

Ấy, rộng quyền khẩn hoang cho mấy ông chủ điền người quý-quốc, thì Chính-phủ có thiệt và dân cũng có thiệt như thế, vậy sao Chính-phủ không rộng quyền ấy cho người bản-xứ, chẳng có lợi hơn ư?

Người mình trong Nam-kỳ, cái số biết chú ý vào việc khẩn hoang cũng đông, nhưng xin ruộng không được nhiều và không được mau chóng như mấy người quý-quốc, mà thường phải những ruộng xấu ; vả lại cứ lấy hiện-tình việc khẩn hoang của người mình, làm cũng chẳng thấy có lợi gì cả.

Người mình muốn khẩn hoang, cũng phải do hai cách này: một là *xin*, là hai là *mua*.

Xin, 100 mẫu thì ở ông Tham-biện (tức là quan Công-sứ ngoài Bắc), 3oo mẫu thì lên phủ Phó-soái, ngoài 3oo mẫu thì phải lên phủ Toàn-Quyền. Trong 5 năm không phải đóng thuế má gì cả, đến 5 năm thì phải khai khẩn cho hết, và trình để tòa phái sở đạc-điền về đo, bấy giờ mới đánh thuế, nếu đúng hạn ấy mà vẫn bỏ hoang, thì Chính-phủ lấy lại khu ruộng đã cho mình ấy, nhưng đôi khi cũng có thể xin gia hạn 3 năm nữa. Song, có điều là sự « xin » ấy lôi thôi lắm : ngay từ lúc xin hương-hội cái làng có khu đất ấy nhận thực cho, đã là một việc rất phiền, đi lại mãi mà chẳng gặp được đủ mặt các ông trong hương-hội, nay gặp được ông Cả (hương-cả) ở nhà, thì ông Chủ (hưởng-chủ) đi vắng, cứ loanh quanh thế mãi, ấy là những ông hương-hội làm rềnh rang để nặn tiền; có khi người đứng xin khẩn điền, đã dự-bị một món tiền, định hễ được thì bỏ ra làm, thế mà chỉ phi-

tổn vào việc « đi xin » này là vừa hết. Không muốn xin thì mua đứt ngay cũng được. Hiện nay Chính-phủ đang đào nhiều kênh muốn trừ cái khoản để đập vào tiền đào kênh đó, cho nên kênh nào cũng vậy, cứ tính từ bờ kênh trở vào 100 thước tây, thì Chính-phủ lấy làm của công đem bán đấu giá. (Nếu 100 thước trở vào ấy, mà gặp phải ruộng tư của ai, thì Chính-phủ cũng lấy mà bán, nhưng mà bán cách thuận mại, nói bao nhiêu thì người chủ ruộng cứ việc trả bấy nhiêu mà lấy ruộng về) Mua thì cũng rẻ, mà được điều rẻ hơn nữa, là bao nhiêu tiền phí-tổn về bút giấy khám đạc v.. v... về phần Chính-phủ chịu cả.

Khi xin hay mua được đất rồi, bấy giờ mới đem vỡ : giá như những ông chủ điền Tây, thì giồng đủ trăm thứ, nào cao su, nào cà phê, nào dừa v.. v... toàn những thứ thực-vật có lợi to hơn lúa nhiều, còn mấy ông chủ điền mình thì chỉ biết có cách vỡ ra để cấy lúa, nhưng xem đến cái phương-pháp khẩn hoang của mấy ông ấy làm, mất ngày giờ lâu lắm, đã chẳng nói làm gì, mà lại hại nhân ích kỷ nữa.

Thật thế, xin được đất rồi, ông chủ điền mộ người đến vỡ, giá làm ngay cách này : hoặc là chia đất cho hẳn người ta vỡ ra mà cày cấy, và làm chủ cái ruộng ấy, rồi đời đời phải cấy chia với mình ; hoặc mượn hẳn người ta làm công ngày hay công tháng với mình, có việc thì làm, không việc thì nghỉ, như thế là giứt khoát và lợi việc bao nhiêu, chứ như cái cách làm bây giờ, là cách « mướn người không công », chỉ chết lũ « Tá điền », mà thường khi ông chủ điền cũng bị thiệt hại. Mấy ông ấy khôn ngoan thật, có một khoảnh ruộng thế này, nay có bọn tá-điền đến xin lĩnh-canh, thì họ cho mỗi người năm ba mẫu chi đó mà cày cấy, cấp cho trâu bò để mà làm, lại cho vay tiền để mua giống, mua mạ hay mua đồ dùng và dựng nhà cửa mà ở ; mới mấy năm đầu, thì tuy chưa phải là cấy chia, nhưng mỗi mùa (tức là mỗi năm) được bao nhiêu lúa, thì phải nộp họ bao nhiêu « công » (mỗi công là một *giạ* lúa), tùy theo khi đầu đôi bên giao hẹn với nhau, và cũng cứ tùy ở ruộng xấu hay ruộng tốt.

nhưng lệ thường như ruộng xấu mỗi mùa được độ 80 giạ, thì phải nộp 2 giạ, ruộng tốt độ 100 hay hơn 100 giạ thì phải nộp 3 giạ, ngoài ra lại còn phải trả cái khoản tiền mà họ đã cho vay làm vốn đó, ấy tức là cái lệ của ông chủ điền đối với bọn tá-điền vậy. Bọn tá-điền lụi hụi làm, may năm được mùa, thì còn có đủ lúa ăn lúa góp và trả nợ ông chủ-điền, nếu không may mà mất, thế là khốn, phải bỏ đi ngay. Chết nỗi, những ruộng mà bọn tá-điền này lĩnh canh, lại thường là những ruộng hay mất, bởi nó vị-trí vào chỗ khó làm. Sự hay mất ấy, không phải tự giời làm mấy, mà tự cái hoàn-cảnh ở khu ruộng ấy mà ra nhiều. Ta nên biết rằng: nhà làm-ruộng trong Nam-kỳ có hai kẻ cừu-địch làm hại rất dữ : một là chuột, hai là cua, cua chưa đến nỗi, mà chuột thì thật hằng hà sa số, phá hại vô cùng. Những khu đất hoang, chỉ toàn có cỏ và cây chàm nước mọc lên, ấy tức là tổ của cua và chuột, không có thế gì mà trừ được, cho nên Chính-phủ trong ấy có lệ, hễ ai nộp 10 cái đuôi chuột, thì được thưởng 5 xu, mà dân phải đóng mỗi người mỗi năm thêm 100 cái đuôi chuột, bằng không thì phải nộp thêm 0$50 để bù 100 cái đuôi chuột ; nhưng hiện nay đất hoang còn nhiều, thì chuột và cua nhiều, có cách gì mà trừ hết đi được, duy có bao giờ toàn là ruộng vỡ ra hết, thì mới được mà thôi.

Nay, một cánh đồng rộng mênh mông, toàn là cỏ mọc lẫn với chàm nước, tức là tổ của chuột và cua ở cả, thế mà chung quanh bỏ hoang, giữa lại có một khu ruộng vỡ ra để cày cấy, ấy chẳng khác gì dâng mồi đến tận miệng cho cua và chuột ăn, bấy giờ cua thì cắn gốc, chuột thì gặm bông, bốn bề dồn vào một chỗ ấy, thì ruộng nào còn. Nếu bọn tá-điền gặp phải những chỗ này, thì làm ăn rất là chật vật, khéo gìn giữ lắm mới còn, không thì mất cả, thế là thiếu lúa góp và đọng nợ của ông chủ điền lại ngay. Đọng nợ năm thứ nhất, ông chủ điền cũng để yên, mà cho vay thêm để làm năm thứ hai, đọng nợ năm thứ hai, ông cũng cho vay thêm mà làm năm thứ ba nữa, tới chừng tích-khiếm thành to, bọn tá-điền ở thì chân bùn tay lấm, thẳng cẳng làm thẳng ngay ăn, chỉ cặm cụi để lo trả nợ mà đủ chết,

bọn tá-điền liệu chẳng ăn thua gì, bỏ đi, thì ông chủ điền cũng chẳng truy-vấn chi cả, vì ruộng của ông hoang mười phần, thì chúng đã làm không công mà vỡ ra cho tới năm, sáu phần rồi, khoản nợ đó cũng không mấy. Lại còn một nông nỗi nữa, là bọn tá-điền này đi, mà không có bọn tá-điền khác đến, thì năm nay sang năm sau, là ruộng của ông chủ điền thành ra đồng cỏ ngay. Nếu có bọn tá-điền nào khác đến làm, thì thường loanh quanh cũng như trước.

Song, có một chỗ này, ta nên lượng cho mấy ông chủ-điền, là không dùng lối « cho tá-điền lĩnh canh » cũng không được, vì trong ấy không có nhân-công, vả lại nhân-công trong ấy làm cẩu thả và lười biếng lắm, như vỡ ruộng hoang, phải bẩy những gốc chàm đi, thì đẩy được một cái thế này, lại đứng hút thuốc và nói chuyện nhảm, chán chè rồi mới lại đẩy cái khác, như thế tưởng đem lợi dụng vào việc khẩn hoang, thật khó lắm vậy.

Tình-cảnh như thế, thì phỏng chừng 150 vạn mẫu kia, biết bao giờ vỡ ra cho hết, nếu cứ tính ước mỗi năm khẩn ra được độ 3 vạn mẫu, mà đã cho là mau lắm, thì 150 vạn mẫu kia, sẽ phải hết 50 năm nữa. Ôi ! 50 năm là một nửa thế-kỷ, là một đời người, là một cuốn lịch-sử nho nhỏ, tiến bộ như thế chẳng chậm chạp quá lắm ư ? Thôi, phải đem nhân-công Trung, Bắc vào làm mới được.

Nhân-công Trung, Bắc, thứ nhất là nhân-công Bắc, được một cái tính-cách chăm chỉ chịu khó và bảo phải dễ nghe, là đủ làm chạy việc, đã thấy một vài nơi đồn điền (1) dùng toàn nhân-công Bắc làm, thấy có hiệu-quả lắm. Nay giả biết lợi dụng họ, thì dám chắc 150 vạn mẫu hoang kia, trong mươi lăm năm nữa, đều thành ra ruộng vỡ tươi tốt vậy.

Song, dùng phương-pháp thế nào mà đem được nhân-công Trung, Bắc-kỳ vào làm ruộng ? Do Chính-phủ hay là do một hội riêng ? Nhiều người biểu đồng tình rằng nên lập hội. Hội ấy

---

1. Thứ nhất là cái đồn điền của quan Bùi-Quang-Chiêu và quan Trần-Văn-Thông ở Rạch-giá.

sẽ có phép Chính-phủ cho lập ra, đại-khái lấy tên là hội « khẩn hoang » (*Société d'Exploitation agricole*), nói đúng ra thì tức là hội các ông tư-bản (Société des capitalistes), vốn chừng mười lăm vạn đồng. Thoạt tiên Chính-phủ hãy nhường cho hội một khu đất độ bốn hay năm vạn mẫu, tự hội mộ người vào làm, nhưng khi đầu thì tiền tầu, giấy thông-hành, thì xin Chính-phủ miễn cho, và miễn cho cả các thuế má trong năm năm nữa. Đối với những người nông-phu vào đó, thì hoặc là hội cấp vốn cho mà tự khẩn lấy một số ruộng đã nhất định cho từng người, vừa làm vừa giả nợ cho hội, hoặc là làm công cho hội mà thôi. Nghĩ lại, làm cách như thế không xong được. Thứ nhất là vốn ấy không đủ khai-khẩn được bấy nhiêu ruộng, vả lại may ra được mùa luôn thì chớ, nếu mất luôn cho hai ba năm, nông phu không lấy đâu mà trả được, thì hội tất phải vỡ nợ, ấy năm 1906, đã có một hội như thế, do người Pháp và người Tầu lập lên, cốt đem dân Tầu sang đồn điền bên Nam-kỳ và Cao-Miên, chỉ được có một năm là vỡ nợ, thì đủ chứng tỏ rằng một hội mà làm được việc ấy, là khó lắm vậy. Sau hết, là hội của các ông tư-bản thì lại càng không xong nữa. Nói cho phải, các ông tư-bản, trong 100 người thì ta mới thấy được một vài người là có lương-tâm, có độ lượng, còn thì toàn là hạng tham-lận, tàn nhẫn, ngồi lên bạc, xéo lên vàng. lấy làm hớn hở, chứ không biết đến những kẻ cầm mai vác cuộc đặng khai những mỏ vàng bạc ấy cho mình là ai, mà dẫu có hy-sinh ít nhiều mạng người, cho đầy tủ sắt thì cũng làm, nông nỗi như thế, không trách nào nước Nga nổi cái phong-trào « lao nông » lên được. Nay khẩn hoang, mà bảo rằng do một cái hội tư-bản chủ-trương, thế thì chẳng khỏi sinh ra cái tình-tệ như trên kia, bọn nông dân chỉ làm đầy tớ cho mấy ông tư-bản mãi, tự mình không bao giờ mưu lấy được cái địa-vị khá cả. Nếu mấy ông tư-bản cứ làm cái ngón « trịch thượng », cưỡi đầu cưỡi cổ bọn nhân-công, dùng chúng làm trâu ngựa mãi cho mình mà không biết thương xót như thế, sợ có một ngày kia chúng phản-động thì hỏng bét, mà xứ Nam-kỳ bao nhiêu năm nay, chỉ khẩn ra được có một số ít ruộng, ấy cũng là bởi mấy ông tư-bản.

có quyền, mà nhân-công bị coi rẻ vậy. Ở đời nay, tư-bản vẫn biết là trọng, nhưng nhân-công quyết không thể xem khinh, tư bản không thể ngồi trên nhân-công được, mà phải đồng lao cộng tác với nhau, tư-bản không thể cậy có tiền mình bỏ ra, tha hồ vơ vét, mà phải nhờ sức của nhân-công, để cùng làm cùng ăn, cho xứng đáng với nhau mới được. Thế thì việc khẩn-hoang trong Nam-kỳ bây giờ, cần đến nông-dân ngoài này, thì quyết không để cho nông-dân làm vào tay của hội tư-bản nào được, mà chỉ nên đối với Chính-phủ là hai bên quan-hệ với nhau mà thôi Vì vậy mà di nông-dân ngoài này vào, thì thiết-nghĩ phải làm cách « Chính-phủ di dân » *(Emigration officielle)* đi mới được

Cái ý-kiến này, có nhiều người tưởng là không đời nào thực-hành được, vì sổ chi thu nào cung đốn cho vừa, nhưng thiết-tưởng hoặc chỉ tại không có lòng thôi, chứ không phải không làm được, vì công-việc của Chính-phủ di-dân, cũng chẳng khác gì các hội tư mộ phu đi là mấy, nếu bảo không được, vậy bên Nhật-bản, chính-phủ người ta tự nhận lấy cái trách-nhiệm di dân sang Ba-Tây (Brésil) và sang châu Úc dấy thì sao ?

Nếu Chính-phủ làm ra, tưởng chỉ có một sở Canh nông (Service de la colonisation agricole) sẽ lập ra để làm đại-biểu là đủ, nếu không thì sở Kinh-tế (Services Economiques de l'Indochine) hiện có bây giờ đứng chủ-trương cũng được. Mà công-việc ấy đại-khái chỉ có mấy điều cốt yếu như sau này :

a/ Lựa những khu đất để cho nông dân vào làm. — Nói rằng lựa những khu đất, không phải là nói rằng khu này tốt thì để cho bọn này, khu kia sấu thì để cho bọn kia đâu, mà nghĩa là phải tìm cách tổ-chức và thi-hành cách thực-dân thế nào cho được trọn vẹn, và liệu thế nào có phần chắc mở mang ra. Như thế, chắc hẳn trước hết phải dự-bị chỗ đất để tiếp những bọn nông dân sắp đến đó, phải làm nhà cho họ ở, đào sông đắp đường cho họ lấy lối giao-thông, sắm sửa trâu bò và khí-cụ cho họ làm, nói tóm lại, nhất thiết những sự gì cần dùng cho công-việc họ, là phải có đủ hết cả. Nếu cứ để họ tìm lấy đất mà làm.

thì chắc hẳn không được việc, vì họ bỡ ngỡ không quen, vả lại bôn-tẩu khó nhọc lắm, nào là phải chờ trình báo, phải chờ khám xét, mất bao nhiêu thời giờ, rồi lại chịu nhiều sự bắt buộc (như là hạn khai khẩn bao nhiêu năm thì phải xong ; cùng là bắt giồng thứ này thứ kia v...v...) khác nữa. Nghĩ ra thì những sự ấy phiền phức và vô ích quá, vì chắc hẳn chính những người được đất, mới chính là những người biết làm thế nào cho sinh sôi nẩy nở ra, và giồng giọt thứ thực-vật gì cho lợi hơn, thế thì tưởng không nên bắt buộc gì họ khiến họ mất thời giờ là phải.

Những sự cần dùng cho việc khẩn hoang, như là sông ngòi đường xá v...v... thì trong cái chương-trình của Chính-phủ mở mang nông-nghiệp ở Nam-kỳ đã có dự-bị đủ cả rồi, bây giờ chỉ còn lo đến sự tìm những khu-vực nào dễ làm, thì hãy cho dân vào làm trước mà thôi, vì bước đầu phải tránh sự khó khăn, thì họ mới không nản.

Dự-bị những khu đất cho nông-dân làm, lại còn một ý-nghĩa nữa : là làm sao cho họ biết được cái nguyên-lợi của nghề canh-nông, không những chỉ ở thóc lúa mà thôi, mà lại ở nhiều thứ thực-vật khác, như là cao-xu, mía, hồ-tiêu. dừa, v...v... nếu muốn cho họ giồng những thứ ấy, thì trước hết, tất phải lựa những chỗ đất nào, thích-hợp với sự sinh-trưởng của giống ấy, hay là bảo cho họ biết những cách làm thế nào bắt các giống cây nơi khác, cũng phải chịu khí-hậu thủy-thổ ở ta, và cũng có thể sinh-trưởng được.

b/Khi đi. — Nông-dân ngoài này chắc chưa biết Nam-kỳ là thế nào ? và sự vào trong ấy khẩn hoang thì có lợi như thế nào ? Vì thế cần nhất phải cho họ hiểu cái lợi hiện-tại và cái lợi tương-lai của họ, khuyến khích họ cho có lòng sốt sắng mạnh bạo muốn đi. Mà đi mỗi chuyến tất phải hàng nghìn người, vào trong ấy mới bõ làm việc, chứ khi một vài trăm mà tản bố ra, thì chẳng thấm vào đâu cả. Đi người nông-dân, lại đi cả gia đình họ đi nữa, vì người nông-dân, phải có gia-đình giúp đỡ cho thì mới có thể làm nổi được phần ruộng của họ, vả lại làm như thế mới giữ được họ ở làm ăn lâu dài, không xẩy ra cái

nạn nửa chừng nhớ nhà mà bỏ cả công-việc, như một đoạn trên kia đã nói.

Đừng bắt họ phải lấy giấy căn cước và thuế thân gì cả cho nhiều sự lôi thôi, nếu có cần thì cho họ mỗi người một cái giấy chứng chỉ rằng nông-phu vào khẩn hoang Nam-kỳ là đủ, mà đi tàu cũng không phải trả tiền, trong khi Chính-phủ chưa có một vài chiếc tàu để chuyên vào việc này, thì cũng có thể điều đình với các hãng tàu, chỉ được lấy một phần tư, mà một phần tư ấy, thì cũng Chính-phủ trích số chi thu ra cấp cho họ mới được

b/ Cấp ruộng. — Ruộng đất và chỗ ở đều dùng đã sẵn sàng cả rồi. khi họ vào thì chỉ bắt tay vào làm. Ruộng thì nên cấp mỗi một gia đình họ là 5 mẫu, ấy là cái số trung-bình mà sức một gia đình nông dân mình làm nổi, vả lại cấp cho vừa phải như thế, thì mới có sức dư dụ mà làm, không đến nỗi để hoang-phế.

Khi cấp thì Chính-phủ cũng phải cho sở Đạc-điền khám đạc hẳn hoi, và phát cho mỗi chủ một cái giấy như giấy văn-tự hoặc được cả cái bản đồ ruộng nữa càng hay, để tránh cho khỏi những sự tranh lấn mà sinh ra kiện cáo sau này. Mỗi khu đất đều có vào sổ địa-bộ, để ở tòa ông Tham-Biện ; trong sổ cũng biên rõ ràng cương-giới, diện-tích, tên người được hưởng, và ngày bắt đầu khai-khẩn là từ ngày nào. Khi đầu mà phát cho cái giấy nhận ruộng ấy, thì chỉ nên là một cái giấy tạm thời mà thôi, liệu chừng trong hạn mấy năm, mà người có ruộng ấy đã khai khẩn được ra rồi, thì bấy giờ mới cho một thứ giấy vĩnh-viễn, người đã vỡ ruộng ấy, có quyền làm chủ, muốn bán, muốn cho thuê, muốn dợ, và muốn làm của hương-hỏa về sau cũng được.

Cái hạn khai-khẩn thì cũng phải định cho họ 8 năm là nhiều, 5 năm là ít. Trong cái hạn ấy họ được miễn hết cả mọi thứ thuế không phải đóng gì cả, hay là 5 năm thì bắt đóng thuế đinh, 8 năm này bắt đóng thuế điền cũng được. Bởi bây giờ vỡ 5 mẫu ruộng

hoang, thì 2 năm đầu, là chỉ ăn vốn của mình để mà bạt bờ dẫy cỏ, từ năm thứ 3 trở đi, mới có lúa, nhưng thường có năm vì ruộng mới mà hay mất mùa, vả lại còn để cho họ gỡ lại cái vốn cũ, và để ăn tiêu, thì tha thuế cho họ cũng là phải.

c) *Cấp vốn.* — Nông-dân ứng mộ đi vào, thì cũng chỉ có sức làm mà thôi, chứ không có vốn làm, cho nên cần phải nhờ Chính-phủ cấp vốn cho, hay hoặc là một cơ-quan tài-chính nào — thí dụ như nhà ngân-hàng — cấp cho, mà Chính-phủ đứng bảo-lĩnh, nhưng chỉ nên lấy lợi-tức rõ nhẹ, đồng niên chỉ từ 6 cho đến 10 phân là cùng.

Vốn họ cần-dùng, thì chắc mỗi một xuất ruộng 5 mẫu này, tức là một gia-đình, phải đến 300 đồng bạc, mà hạn từ 3 năm trở đi mới phải trả. Vì ta phải biết cho họ rằng: ngay mùa đầu mà có được mùa ra chăng nữa, thì người nông-dân cũng chẳng có thế gì trả bớt được số vốn đã vay, là bởi mùa đầu có được cũng chẳng có bao nhiêu, bất quá chỉ đủ gạo ăn đến mùa sau và để thóc giống đến mùa sau mà thôi; năm thứ hai trở đi, thì mới là đủ được. Rồi thì số lợi-tức mỗi ngày một khá, thì từ năm thứ ba trở đi, mới trả nổi được nợ. Vậy Chính-phủ hay là cơ-quan tài-chính nào cho họ vay, thì cũng phải để đến bấy giờ mới đòi được.

Cách trả nợ như thế nào là phải? Tất là phải cho họ trả góp, mà cần nhất là không để cho số lãi nhiều hơn số vốn, như cái lối của mấy ông chủ nợ « cắt cổ » vẫn cho vay, thì nông-dân khổ, chỉ lo trả lãi cũng đủ chết. Tính ra mỗi mẫu ruộng của họ mới vỡ, tốt lắm thì mỗi năm được 80 đồng bạc tiền nhập-khoản bằng lúa, mà phí tổn mất từ độ 15$ hay 20$ vậy còn được lời là 60$, thế thì trong 5 mẫu sẽ được: 60$×5 = 300 $, song ta chỉ bỏ xuống 200 $ cho khỏi là quá. Vậy thì từ năm thứ ba, trong số lợi-tức 200 $ mỗi năm đó, người cho vay có thể lấy một nửa là 100 $, nếu như khoản tiền vay là 300 $, mà tính lãi lên nữa là 600 $, thì từ cuối năm thứ ba đến cuối năm thứ tám, nghĩa là 6 năm, thì người nông-dân trả hết nợ.

Còn như nói đến cái đồ bảo lĩnh, thì tiếng rằng có hẹn như

thế, nhưng chẳng may có lúc mất mùa, tưởng cũng không nên lấy luật pháp mà thi hành vội, phải khoan cho họ trả dần về sau; còn ví bằng họ có thể trả được mà trây lười không trả. thì không còn có đồ bảo lĩnh gì hơn lúa của họ. Chính-phủ hay là cơ-quan tài-chính nào cho họ vay, cứ việc tịch-ký lấy lúa của họ đó mà bán đi. lại càng là chạy việc cho họ, khỏi phải gồng gánh đi bán, rồi mới đem trả nợ lôi thôi. Ngoài cách ấy ra mà cũng quẳng lấy được nợ, bấy giờ hãy làm tội hay là đem tịch-một cái khẩu-phần của họ đi, nghĩ cũng chẳng muộn gì.

Ấy, muốn khẩn hoang xứ Nam-kỳ cho chóng, là nhờ nhân-công ngoài này, thì phải trông cậy Chính-phủ làm mấy phương-pháp cần dùng như thế, không phải có một hội riêng nào làm nổi, Ngoài ra, còn đến như những sự cai trị, sự tuần-phòng, cũng đều là việc cần cả, thì cứ năm ba chục hay một trăm gia-đình gì đó, lập thành ra một làng, cũng có hương-hội tử tế, rồi thì nhà thương, trường học, tuần phòng v...v. ., họ có thể tự-biện lấy được, chỉ nhờ Chính-phủ giúp đỡ cho it nhiều là được mà thôi. Bằng không thì sát-nhập ngay họ vào những làng phụ cận, để đồng lao cộng sự với anh em Nam-kỳ, lại càng là sự tốt lắm. Nếu lo tính trước cho bọn nhân-công ngoài này, được có địa-vị và quyền-lợi thật chắc chắn như thế rồi, thì bây giờ Chính-phủ hò lên một tiếng rằng: « mộ dân vào khẩn hoang trong Nam-kỳ » thì chắc là người ta hưởng-ứng răm-rắp, vì xem những lần mộ lính thợ sang Pháp, mộ phu vào vườn cao-xu Nam-kỳ, hay là sang Nouvelle-Calédonie, tốt lắm thì đủ cơm ăn áo mặc, và cái danh-phận chẳng ra gì, mà người ta còn nô nức như thế, phương chi nay bảo làm ruộng mà có địa-vị và quyền-lợi như thế kia, thì hẳn người ta xô đẩy nhau ra ứng mộ hàng vạn nào mà kể!

Tuy vậy cũng còn có việc mà ta nghĩ lấy làm khó khăn quá, là việc cấp vốn cho dân vào khẩn hoang. Thật thế, cái khoản phí này to lắm, trông vào Chính-phủ, vị tất đã ăn thua, mà nếu trông vào một cơ-quan tài chính nào đứng cho vay, thì sợ cũng không thoát được cái vòng chủ nợ người nợ, vậy muốn bây giờ

làm sao có một cơ-quan nào tổ-chức lên, mà cái tôn-chỉ thuần là việc mở mang nghệ canh-nông, lại trong quỹ cho có nhiều vốn giúp cho, thì không còn gì hơn nữa. May thay, trong Nam-kỳ ta đã sẵn có những cơ-quan như thế rồi, là hội Nông-nghiệp tương-tế.

Hội Nông nghiệp tương-tế, theo như đoạn trên kia đã nói, thì có ý-nghĩa hay biết bao nhiêu, nhưng đến sự thực-hành thì chưa chắc, đến nỗi kỳ Hội-đồng Quản-hạt (Conseil Colonial) trong Nam-kỳ mới rồi, quan quyền Thống-Đốc là Tholance nói rằng: «Phải cần chú ý đến sự hành-động của những hội ấy mới được. Trong năm 1923, quan Cai-trị Giám-đốc đã đi khám xét tận nơi kỹ lắm. Khám xét thì ra cũng tìm được chỗ này chỗ kia có một vài sự làm bậy bạ, và một vài sự hà lạm nữa.». Nay xét xem công việc của những hội ấy ra sao? Hội ấy chỉ có mục-đích bảo-hộ cho mấy ông chủ điền khỏi phải bán lúa giá rẻ, và tránh tay những bọn cho vay nặng lãi, cho nên những ông chủ điền có chân hội, mỗi năm phải đóng mấy trăm mấy nghìn giạ lúa thì đã có lệ và tùy hạng cấy ít nhiều. Lúa ấy đem chứa vào kho của hội, rồi có cần tiền, thì hội cho vay, lợi-tức mỗi năm là 12%. Lúa để đó lúc nào được giá thì hội bán cho, trừ nợ và lãi đi rồi, còn thì trả lại cho mình. Kể thế thì cũng có ích cho mấy ông chủ điền thật, nhưng cũng không khỏi có điều hại, thứ nhất là lúa góp nằm ở trong kho của hội, để chờ cho tới ngày được giá, trong quãng ấy không có ai phơi phóng trông nom, khi đem ra bán, thì thí dụ trong 300 giạ, bị mối mọt hao hụt đi, thế nào cũng mất vài ba chục giạ, cái thiệt ấy người có lúa phải chịu, như thế thì những ông chủ điền cũng chẳng có lợi gì. Vả lại, tưởng hội lập ra, cốt giữ lúa gạo của mình, tránh được tay dan tham của Khách trú gì kia, ai biết đến lúc bán lại cũng phải bán cho Khách-trú, mà bán cũng chẳng được có quyền-thế hay trồi giá gì hơn người thường cả, vì thế, xem chừng có nhiều ông chủ điền trong Nam-kỳ ta, vào hội Nông-Nghiệp tương-tế cũng là sự cực chẳng đã, chớ bản-tâm cũng không tình-nguyện và không tán-thành tí nào cả.

Xét lên một tầng nữa, nếu hội chỉ bảo hộ cho những ông chủ điền có hàng trăm hàng nghìn mẫu mà thôi, thì tưởng cũng không có lợi gì cho các ông ấy hết. Vì sao ? Vì những hạng ông chủ điền có hàng trăm hàng nghìn mẫu ấy, nếu không có hội tương-tế, cũng có chỗ để dành lúa chờ bán giá cao, cũng có tiền tiêu, không cần phải vay, thế thì hội tương-tế giúp, cũng là thừa cho các ông ấy vậy, chi bằng đem sự giúp ấy mà giúp cho những nhà nông nho nhỏ, chẳng được việc hơn ư ?

Cái vốn lưu-thông của các hội tương-tế trong Nam ta bây giờ, tới hơn 280 vạn bạc, thật là số tiền lớn lắm, nay giúp mấy ông chủ-điền triệu-phú đã chẳng có ích gì, thì nên giúp vào việc khẩn hoang, thật là dư sức, và có lợi hơn nhiều. Vậy thì đối với đám nông-dân ở ngoài này đi vào trong ấy khẩn hoang, hội. Nông nghiệp tương-tế, phải lấy nghĩa-vụ giúp đỡ, làm nghĩa-vụ thiêng liêng của mình, mà cho họ vay tiền làm việc, đến như điều-khoản trả nợ, thì cũng như trên kia, mà cũng có Chính-phủ đứng bảo-lĩnh, thì không còn lo ngại gì nữa ; phương chi những hội ấy cũng toàn là cơ-quan của Chính-phủ lập ra, thế thì trong khi sổ chi-thu còn túng, không thể tiêu những khoản phí to như vậy được, thì nên giao cái trách-nhiệm cho hội Nông-nghiệp tương tế cấp vốn cho nông-dân, nghĩa là chuyển cái mục-đích giúp mấy ông chủ-điền giầu, ra cái mục đích giúp những nông-gia nghèo, vì những hội ấy, phải cốt vì bọn dưới này mà lập lên, thì mới thật là xứng đáng và ích lợi vậy.

VI

Công-nghệ của xứ Bắc đối với Nam-kỳ có quan hệ là thế nào? — Vấn-đề đem thợ vào làm. — Vấn-đề ấy vì dân mà khó. — Nghĩ cách đem họ vào làm thế nào cho chắc chắn và lợi công-việc.

Phương-ngôn ta có câu rằng : « túng thì phải tính » ; ấy công-nghệ của xứ Bắc mà sở dĩ khá, là tại « túng thì phải tính » vậy.

Trong khoảng mươi năm trở về đây, công-nghệ của xứ Bắc mỗi ngày một khá thật, từ đồ dệt, đồ đồng, đồ khảm, đồ da, đồ sứ v.. v... nhất thiết đều chế-tạo có vẻ mỹ-thuật cả, đem so với cùng những đồ ấy chế ra từ mươi năm về trước, thì thấy tiến-bộ rõ ràng lắm. Thứ nhất là mỗi năm nhân dịp trong kỳ Hội chợ, hay là trong một cuộc bác-lãm nào, là những khi mà công-nghệ linh-tinh ở các nơi, đều tụ họp cả lại, chẳng có con mắt nhà kỹ-sư chuyên-môn gì, nhưng trông kỹ thì bao giờ ta cũng phải chịu rằng năm nay đã hơn năm ngoái, ấy là chưa phải làm bằng máy móc, mà còn theo cách-thức cũ, dùng khí-cụ xưa, chế-tạo ra được những đồ như thế giá đem ra bày ở trong thị-trường thế-giới, kể cũng là xứng đáng lắm vậy.

Tiếng thế, đồ xuất-cảng của ta mỗi năm hàng mấy triệu quan, nhưng sản vật chiếm đến 90 thành, thì đồ công-nghệ chế-tạo mới được 10 thành, nghĩa là vật-sản bán ra ngoài được nhiều mà đồ công-nghệ ít, vì những đồ ấy của ta dù có khéo thật đấy, song mới đủ để cho trong xứ dùng đỡ dùng đồ ngoại hóa được đôi tí mà thôi, chớ chưa có thể nào đem bán cho ngoại-quốc được. Vì sao ?

Ta nên biết rằng : công-nghệ có hai thứ : một là công-nghệ *nghĩ ra*, một là công-nghệ *bắt chước*. Thứ công nghệ nghĩ ra ấy, thì lấy hóa-học và cơ-khí làm nguyên chất ; nhất thiết đồ gì, không kể là to nhỏ, đều phải qua phòng thí-nghiệm rồi sang nhà máy, mới thành được thứ đồ, cho nên đồ gì chế-tạo cũng

đến mực tinh-xảo, kiểu mẫu rất là dễ coi, lại được điều cốt nhất là nhờ vì cơ khí, thành ra phí công-phu ít, mà chế tạo được nhiều, cũng là nhờ cách vận-tải chắc chắn mau chóng, sự xuất-cảng nhân đó mà được phát đạt. Tức như là đồ chế-tạo của Âu Mỹ bây giờ, bày la liệt ở trong chợ thế-giới, đâu cũng phải dùng, là bởi những đồ ấy do trí sáng-tạo của họ làm ra, rất thích-hợp cho sự cần dùng của đời nay, cho nên họ đem đi đâu, cũng có chỗ tiêu-thụ được là thế. Đồ công-nghệ bắt chước, thì không như thế được. Thứ công-nghệ bắt chước, chỉ là rập khuôn của người ta làm nên, lại thường chỉ làm bằng tay, mà không có phương-pháp hóa học và cơ-khí, thì không kể gì là phí công-phu nhiều, thành ra trị giá phải đắt, mà nói ngay đến sự tinh khéo, chắc hẳn không bằng thứ đồ chế ở phòng thí-nghiệm và nhà máy ra nào. Đã bắt chước mà không bằng đồ của người ta, thì tài nào bán cho người ta được, lẽ ấy tưởng là rõ ràng lắm.

Công-nghệ của mình mới là công nghệ bắt chước, mà bắt chước chưa đến nơi, hay chưa khéo hơn đồ ngoài, chưa đem bán ra ngoài được là thế.

Bắt chước là một tính cách rất hay rất quý của người Bắc này, chính người Nhật cũng đã phải công nhận, vì mấy năm trước, đồ sơn của họ rất thịnh hành ở ta, thế mà bây giờ ta học lỏm ngay được, làm chẳng thua gì họ bao nhiêu, bởi thế họ phục lắm. Sẵn cái tính hay ấy, lại giữa lúc trong nước bị tràn lan những đồ ngoài, thì ta cứ việc bắt chước mà làm, để cho ta dùng và tìm ngay chỗ tiêu thụ ở quanh trong nước mình, tưởng không phải là thiếu. Xứ Nam-kỳ tức là một mối hàng to nhất của công nghệ xứ Bắc vậy.

Ta đã biết rằng: xứ Nam-kỳ ta vốn là một xứ không có công-nghệ gì vừa dùng cả, cho nên bấy lâu, từ cái ăn mặc cho đến đồ thường dùng, nhất thiết đều mua đồ ngoại hoá ; trong khi ấy, tuy công-nghệ Bắc đã nhóm lên rồi, nhưng người Nam chưa hề để mắt đến, duy có từ khi « tẩy chay khách trú »trở về sau,

thì đã biết chuộng nội hoá, nghĩa là đã ưa dùng đồ Bắc. Thật thế, trước kia anh em ở trong Nam-kỳ ta, có thèm ngó tới the lượt của Bắc-kỳ đâu, thế mà đến nay, cửa hàng tơ lụa tầm thường nhất ở ngoài ta, mỗi năm bán vào Nam-kỳ cũng được 3,4 vạn bạc, lại ta thử đi xem các nhà chế-tạo, hỏi họ làm ra bán cho ai, thì trong mười nhà đến chín nói rằng: « bán vào Nam-kỳ », xem thế đủ hiểu đồ Bắc tiêu-thụ vào trong Nam mạnh là thế nào, không kể gì đến những thứ đồ đắt tiền như đồ khảm, đồ gụ v...v... ngoài này thường bán cho Tây và một số rất ít người mình mới dùng, nhưng đem vào bán cho anh em trong Nam, đều chạy tất cả, vì cái đức « sài tiền » của anh em trong Nam đã có tiếng, quý mấy đã thích cũng dám mua ; lại đến những thứ lặt vặt như giép Nhật-Bản, guốc Saigon, cái rổ, cái rá v...v... chở vào Nam-kỳ, có lẽ không chuyến tầu nào không hàng trăm kiện hàng như thế, chỉ tiếc rằng không có sổ thống-kê nào, nên không biết mỗi năm đồ Bắc chở vào bán trong Nam được bao nhiêu tiền, nhưng xem đại-khái cái hiện-tình, cũng đủ biết là phát đạt lắm vậy.

Ta nên chú ý rằng : đồ công-nghệ Bắc mà vào Nam được chừng nào, là đồ công-nghệ Tầu và một vài phần của Âu-châu đều có chịu ảnh-hưởng sâu-xa chừng ấy. Cứ xét mà xem : trước kia những hạng bình-dân trong Nam, hay mặc thứ vải mùi xám của Hoa-Kiều dệt ngay ở đó, mà bây giờ thông dụng vải ta và ít nhiều hàng tơ lụa Bắc; trước kia những thứ ghế mây, gọi là *ghế tô-nê* (chaise Thonet) thì trong Nam vẫn dùng thứ ghế ở Tây đem sang, mà ngày nay đã thông dụng ghế ấy của Bắc làm ra ; trước kia đôi guốc cũng mua của Tầu, bây giờ đã thông dụng guốc Bắc ; trước kia chỉ dùng giầy cườm, bây giờ đã ưa dùng giầy hạ (tức gọi là giầy ta) rồi, nhân thế mà sự dùng đồ ngoại-hoá, trong 10 phần, cũng đã giảm đi được một vài phần, biết đâu lâu dần không bớt được nữa. Đồ Bắc vào khiến cho đồ chế tạo của các cửa hàng ngoại-quốc càng thiệt-thòi, tuy bề ngoài chẳng có gì là xung đột nhau, nhưng nghĩ cho kỹ thì chưa chắc bề trong đã không có ý cạnh-tranh ngấm ngầm. Tác-giả khi còn ở

Saigon, trong khi đi chơi ngẫu nhiên thấy một cửa hàng ngoại-quốc kia ở phố Catinat, đem bày một dãy ghế mây, có treo cái biển có mấy chữ: « *Fabrication locale* », nghĩa là đồ chế-tạo ở trong xứ, mà xem kỹ thì những ghế ấy, cái thì khuôn méo, cái thì mây thô, rõ ràng là đồ của người Bắc chế ra, sao cửa hàng này bày ra mà viết mấy chữ như thế, là có ý chiêu hàng, hay là có ý bêu xấu; nếu chiêu hàng thì tất bày thứ tốt đẹp hẳn hoi, bày những thứ thế kia, có lẽ là cốt bêu xấu, tức là muốn gièm hàng chế-tạo của ta vậy Xem thế, ví bằng các nhà công-nghệ mình, không bỏ cái tính cẩu-thả, là lúc đắt hàng thì hay làm liều, muốn bán tống đi được là thôi, vậy thì công-nghệ Bắc đối với trong Nam e có ngày thất-bại, cho nên bây giờ chế một thứ đồ gì, cần phải cho kỹ lưỡng. phải cho tốt đẹp. mới mong bán lâu dài được, chớ có tham lam giối trá không nên, mà phải biết rằng đồ chế-tạo của mình, trong khi chưa bán được ra ngoài, thì phải lấy Nam-kỳ làm chỗ tiêu-thụ mới được, có chỗ tiêu thụ rồi, sau khuyếch-trương ra mới dễ.

Duy có điều bây giờ còn hơi ngăn trở ở một chỗ : là sự vận-tải Vì với ngày xưa, đường bộ thì trạm dịch, đường thủy thì ghe mành, mà ngày nay đã có tầu bể và hỏa xa rồi, ai dám bảo rằng sự vận-tải khó ? Nhưng khó là bởi tự tình-thế ấy trong nước mình. Ta chẳng lạ gì rằng : đường vận-tải ở ta bây giờ, đường bộ từ Bắc vào Nam, thì chỉ nói việc giao-thông, chớ không nói việc vận-tải được ; còn có đường thủy là nhờ tầu bể. Giá tầu bể mà có năm bẩy hãng gì, thì sự vận-tải chắc được mau chóng và rẻ giá hơn ; đằng này độc-quyền chỉ ở một hãng, kỳ hạn đã lâu, thường khi đến mươi ngày hay nửa tháng mới có một chuyến, một chuyến ấy nhận chở bao nhiêu kiện hàng đó, thì đã có hạn, nhiều hơn không thể chở được, thành ra khi nào đến ngày gọi là « kỳ tầu », những người có hàng muốn gửi, đều tranh trước sợ sau, chậm chân một tí là dọng ngay lại, không thể gửi được, ấy là chưa nói đến sự có một vài điều tình tệ ở trong, những nhà có hàng họ gửi đi, vẫn lấy làm phàn nàn lắm. Tiền cước cứ tính theo thước khối, thay đổi khoảng từ 10$ 12$ hay 14$ kể cũng

không lấy gì làm đắt, nhưng là không đắt cho những thứ hàng to tát và có giá-trị mà thôi, chứ những hàng lặt vặt thì cũng kể là nặng ; phương chi những hàng như đồ khảm, đồ gụ, hình thù to, nếu tháo ra được còn khá, thường có đồ nếu tháo ra là hỏng, mà phải đóng nguyên như thế gửi đi, thì công cước chuyên chở rất là nặng nhọc và tốn kém lắm. Lại những sự bảo-hiểm không được phân-minh, cho nên kiện hàng khi mang lên vận xuống, bị ẩm ướt mất mát, người có đồ thường phải chịu thiệt nữa. Đại-khái sự vận-tải khó khăn, chậm chạp, tốn kém như vậy thành ra đồ Bắc chở vào được đến trong Nam, cái giá phải gấp hơn chỗ gốc đến mấy từng : có thứ gấp rưỡi, có thứ gấp đôi gấp ba, không có chừng đỗi nào cả, nhân thế mà đồ Bắc cũng có tiếng là đắt. Vậy tưởng công-nghệ Bắc nên đem ngay vào trong Nạm mà chế-tạo là hơn.

Vả chăng, công-nghệ cần thứ nhất là phải có nguyên-liệu, mà những nguyên-liệu ngoài Bắc dùng để chế-tạo các thứ đồ đem vào bán trong Nam ấy, thì trong Nam có đủ cả, nói hẳn ngay là không thiếu thứ gì cũng được, bấy lâu chỉ để dư, hoặc vào tay người ngoại-quốc dùng mất ; nay nếu đem công-nghệ Bắc vào ngay trong Nam mà làm mà bán, thì một cái vấn-đề nguyên-liệu, quyết nhiên không lo thiếu : dệt thì có sẵn tơ ở Châu-đốc, Tân-châu, cói ở Rạch-giá, làm đồ gỗ thì trong Nam rất sản gụ và nhiều thứ gỗ quý, không thì dùng gỗ ở ngay Cao-Miên đó cũng gần ; khảm thì rất sẵn ốc và đồi mồi ở Hà-Tiên và Phú-quốc, v.. v... thế nghĩa là không lo đến sự phải đem nguyên-liệu ở ngoài này vào mới làm được, mà chỉ lo đem thợ vào.

Cái vấn-đề « đem thợ vào » này rất là khó, cho nên các nhà công nghệ ta thí nghiệm mãi không thấy có thành công gì lớn cả. Mấy năm trước, tác-giả còn ở Nam-kỳ, thấy trừ bọn thợ giày thợ mũ là thợ ngoài này đem vào cả, thì tuyệt nhiên không thấy một xưởng công-nghệ của người Bắc nào cho xứng được cái tên, duy gần đây mới có nhà Tiến-Đức ở Haiphong đem thợ vào mở xưởng đóng đồ gụ, và nhà Chân-Thụy đem thợ vào

làm ghế cói, thì còn có thể gọi được là đem công-nghệ vào đôi chút, nhưng nghe nói cũng không phát đạt gì, cái cớ hình như cũng tại khó đem thợ vào vậy.

Thợ ngoài này nhan nhản ra đó, thiếu gì mà bảo là khó? Vẫn biết không thiếu gì, nhưng chọn được người thợ giỏi giang, trung thành, chăm chỉ, thì cũng phải kể là hiếm. Vả chăng, muốn đem vào tận trong ấy, thì phải trả lương họ gấp rưỡi hay gấp đôi ngoài này, và chịu tiền tầu cho họ, sự ấy đã đành đi rồi, nhưng trước khi đem họ đi. ý hẳn cũng phải cho họ vay trước mỗi người it nhiều tiền, hãy nói là độ 50$00, nào các nhà công-nghệ ta, có phải là được sẵn tư-bản gì lớn đâu, thế mà giá đem độ 30 người thợ vào, thì khoản tiền cho vay ấy đã tới 1500$ thêm tiền tầu mất ngoài 600$ nữa, ấy là mất hơn 2000$00, tưởng cũng là cái vốn của nhà công-nghệ ta đó. Nhưng mà không kể chi đến truyện ấy, vì muốn làm việc lớn, thì phải tốn tiền, vả chăng, số thợ muốn vào Nam-kỳ bây giờ cũng nhiều, thì sự kén chọn tưởng cũng dễ, còn đến như sự phải cho họ vay tiền trước, thì cũng là cái lệ tự nhiên, vậy thì khi ở ngoài này, mà muốn đem thợ vào, cũng là việc dễ, duy chỉ sợ có lúc đem họ vào rồi, thì họ đối với công-việc của mình, có quan-hệ to lắm, vậy xử trí thế nào, cho họ tận thành tận chức với mình, ấy mới là một điều khó vậy.

Thợ của mình hễ anh nào làm được việc, mà ông chủ phải ỷ làm tay chân đó, thì hay có tính « khủng khỉnh » khó chiều lắm, mấy ông chủ biết thế mà vẫn phải chiều họ, vì họ có quan hệ đến sự lợi hại của mình, đã có ông nói rằng: « tôi phải chiều thợ như ông vua con của tôi », tưởng không phải là nói quá. Ở ngoài này, là chỗ làm gì cũng sẵn thợ, vậy chẳng mướn đứa ấy thì mướn đứa khác, mà họ còn thế, nay đem họ vào Nam-kỳ, là nơi chỉ họ là thợ mà thôi, nếu thất ý họ một tí, mà họ bỏ di, thế là công-cuộc của mình, đang tiến-hành bao nhiêu, cũng phải đứng dừng ngay lại, có khi đến nguy, vì bọn thợ muốn phá công-nghiệp của ông chủ thì rất dễ, chỉ « bỏ việc

mà thôi » là đủ. Tuy đôi bên khi đầu có giao kèo hay là giấy cam-đoan với nhau, nhưng miếng giấy ấy không đủ tin được, phương chi lại cũng không phải thật là giấy giao-kèo cho hẳn, bởi không phải làm bằng cách chính-thức, nghĩa là không có pháp-luật và chính-trị can thiệp nào, mà chỉ viết bằng miếng giấy lộn qua loa mấy chữ, gọi là có truyện, bởi thế sau xẩy ra việc gì, đem những cái đó ra thi-hành khó lắm. Chẳng qua đôi bên chỉ lấy lương-tâm với nhau, mà lương-tâm của bọn thợ như thế đấy. Họ đang làm với mình, bỏ đi đâu ? Đi làm với chỗ hơn độ 5 hào hay một đồng bạc lương, vì bị xui giục, bị cám dỗ, nên mới sinh ra trở lòng làm hại cho các ông chủ, nông nỗi như thế, đối phó có phải là dễ đâu.

Lại còn vấn-đề đem thợ đàn bà vào nữa.

Trong công-nghệ, có nhiều thứ phải cần đến tay chân đàn bà mới được, hãy nói như nghề dệt. Nhiều người biết thừa đi rằng: trong Nam-kỳ bây giờ dùng the lụa của Bắc nhiều, mà cứ ở ngoài này gửi vào, phải bán mỗi cái áo dắt mất hai ba đồng bạc, vì tiền thuế má công cước nặng, nay giá đem ngay thợ đàn bà ở ngoài này vào trong ấy dệt thì tiện hơn, nhưng chưa ai làm được, là bởi đem được thợ đàn bà vào là khó quá, một là không thể nói truyện ký giao kèo được với họ, hai là phải làm sao giữ gìn được đức-tính của họ, thì mới khỏi lỡ việc của mình, ba là đàn bà không thoát-li được cái vòng gia-đình mà đi dễ được như đàn ông. Không đem được thợ đàn bà vào dệt, là một điều đáng tiếc lắm, vì trong Nam-kỳ cũng sẵn tơ, mà bấy lâu cứ bán cho mấy chú Hoa-Kiều đem về Tầu dệt hàng và bán cho mình mãi.

Xét lại, đem được thợ vào và giữ được họ làm việc với mình cho lâu dài chăm chỉ, thì thật là một sự khó khăn, các nhà công nghệ ta đã phải chịu công-nhận như thế. Nhưng vì đâu mà sinh sự khó khăn, tưởng không phải là không có cớ.

Thứ nhất là cũng tại họ xa gia-đình. Gia-đình ở người mình, thật làm trung-kiên cho mọi việc hay dở có ảnh-hưởng ở đó

mà ra lắm. Phương-ngôn có câu rằng : « Xẩy nhà ra thất nghiệp », thất nghiệp nghĩa là « hư thân » đi, thì ta thấy ở bọn thợ ta rất hợp. Thật thế, họ xa gia-đình, không có ai dè nẹt khuyên răn, lại đến ở một chỗ phồn hoa như đất Nam-kỳ, càng dễ khiến cho họ nuôi cái tính kiêu-căng và liều lĩnh lắm, thứ nhất là họ không biết lấy phận-sự, và giai-cấp của mình là người thợ mà tự xử, thành thế ra họ hại đã đành, mà người chủ đem họ vào cũng có hại nữa. Nhiều người đã nghiệm ra rằng : họ vào trong ấy thì sinh ra ăn chơi quá, thường chiều mát ở Saigon ta thấy bọn người lũ năm lũ ba, ăn mặc rất mực xa hoa, xe cao xu phóng khắp mọi chỗ, hỏi ra thì mới biết đấy là mấy ông thợ người Bắc. Ai chẳng biết cái khoái-lạc về vật-chất ở đời nay, không thể chia giai-cấp, không thể ai cấm ai, nhưng tưởng vượt phận mình, thì tưởng có khi sinh lụy. Quả nhiên, sau cuộc chơi mát ấy rồi, mấy ông thợ ấy mới rở ra nhiều trò khác : đua nhau đánh bạc, thuốc phiện, trai gái v... v... suốt đêm rồi ngày mai về làm việc, mắt nhắm mắt mở, đụng đâu hỏng đó, ngày ấy ngày khác, chơi bời lãng phí thành ra cái tật quen, chỉ mong chóng xong việc để đi chơi, chẳng thiết gì cả. Khi vung tay quá, đâm nợ nần túng bấn, mới vay tiền chủ, được ra thì thành ra cái nợ chất nợ chồng, không bao giờ gỡ nổi, không được thì sinh sự, bỏ việc mà đi : có người đi, còn kiếm được chỗ khác làm ăn, có kẻ đi bơ vơ chẳng ai dùng đến. Đại khái cái tình cảnh ấy, nếu có người nhà người cửa họ ở gần thì có đâu đến nỗi chơi bời, đến nỗi mất việc, đến nỗi bơ vơ ?

Thứ hai là tại các ông chủ không có tình liên-lạc. Cái nhà công-nghệ ta ngoài này đem thợ vào làm, được một điều đáng khen, là nuôi thợ ăn ở trong nhà mình, tình chủ thợ nhân thế có bề thân thiết, nhưng chỉ tiếc trong các ông ấy với nhau, không thấy có tình liên-lạc, chỗ khuyết-điểm ấy, ai cũng trông thấy rõ ràng lắm. Xét cái tâm lý của nhiều ông, hình như cho xứ Nam-kỳ dễ làm ăn như thế này, mà mình mở ra một nghề gì, thì chỉ muốn một mình chiếm lấy độc-quyền mà thôi, không muốn cho ai cùng làm cái nghề ấy mà phân lợi với mình nữa, ấy cái tình

không liên lạc bởi đó mà ra. Tác-giả xin kể một câu truyện nhỏ này làm chứng. Ở phố Catinat, có nhiều cửa hàng bán mũ của người Bắc, trong đó có một ông A, một ông B. (người thuật truyện không nỡ nói tên, tức là để bảo toàn danh-dự cho các ông ấy) cạnh-tranh nhau một cách con nít quá. Nguyên có một thứ dạ lợp mũ ở bên Tây mới sang đâu vài trăm thước, mỗi thước giá đắt tới mười mấy đồng, vậy ông B it vốn, chỉ mua dăm thước một về làm, hết rồi lại mua, ông A giàu có, bỏ tiền ra mua hết cả mấy trăm thước ấy về chất đống ở nhà, tức là để cho ông B không mua đâu được dạ ấy, thì không làm được thứ mũ ấy cùng với mình nữa. Trong khi công-nghệ Bắc mới nhóm lên ở Nam-kỳ, mà cái lối cạnh-tranh của phần nhiều ông ấy, đại khái như thế cả, gọi là cái lối cạnh-tranh tiểu-nhân, tưởng cũng không oan. Các ông lại còn có cái lối cướp thợ của nhau nữa ; sự đem thợ vào khó khăn thế nào, trên kia đã nói, muốn tránh sự khó ấy, cho nên thường ông này chờ ông kia đem thợ vào rồi, tìm cách cám-dỗ thợ về với mình, thế là không tốn kém nhọc nhằn gì mà được thợ làm việc, hay là tìm cách nói gièm, khiến cho bọn thợ phải biến tâm mà phản chủ. Ôi ! Tình-tệ còn nhiều, nói không thể hết được Bọn thợ cũng có con mắt tinh, thấy bọn chủ đối với nhau như thế, thì lại càng làm cao giá, trễ nải công-việc, vòi vĩnh lôi thôi, vì bằng các ông chủ có tình liên-lạc với nhau, thì đâu họ lại có sinh sự như thế được.

Nay, muốn đem công-nghệ Bắc vào trong ấy mà làm, thì một sự dưỡng dục được bọn thợ là khó nhất, vậy tưởng phải tìm phương-pháp nào cho khéo, mới mong có thành công, lấy sự-thế bây giờ mà bàn, nghĩ cũng có hai cách sau này là phải.

Trước hết, khi đem thợ vào làm, thì sự phải kén chọn lấy những thợ giỏi giang, đứng đắn đã đành rồi, thế mà sau vẫn thường thấy xảy ra những nỗi bất tiện như trên kia, không biết thế nào mà lượng trước, cho nên giá ông chủ công-nghệ làm sao cho vợ con hay thân-nhân họ cùng đi, là một điều hay lắm.

Tiền lương ít nhiều không đủ giữ nổi họ, vì họ còn có chỗ

nhiều lương hơn, nghĩa lý phải chăng không đủ cầm được họ vì họ là người vô học, vậy bây giờ ta lấy cách gián-tiếp buộc họ là buộc bằng gia-đình, có dễ là kế diệu hơn cả, đã có nơi thí-nghiệm như thế có hiệu-quả lắm rồi. Tại Rạch-giá, có một cái đồn-điền toàn người Bắc làm, ông chủ điền ấy cho mỗi người cấy chia ba mẫu mỗi hạn độ 3 năm, hết hạn người này muốn về thì ông chủ ruộng tìm cách đem vợ con ở ngoài này vào cho hắn, lập thành gia-đình, thành ra buộc chân, mà không còn điều tưởng-vọng gì nữa, chỉ một mực làm ăn mà thôi.

Nếu làm được như thế, thật có lợi cả cho họ, và lợi cả cho mình, vì vợ con hay thân-nhân họ cũng là nhân-công cả đó, có khi giúp đỡ được việc cho chồng, hay là lợi-dụng bọn này vào việc khác, thí dụ như nuôi tằm dệt cửi v.. v... lại càng tiện việc lắm. Được thế, mà có khi bọn thợ nhân đó lập được địa vị. mưu được sản-nghiệp về sau cũng nên. Bọn người Bắc vào Nam trước hết. là bọn người do ông Schneider đem vào, mà bây giờ đều thành như người có căn cước ở trong ấy, lại lớn nhỏ đều có sản-nghiệp cả, ấy là một chứng cớ vậy.

Sau hết, các ông chủ công-nghệ phải có hội liên-hiệp với nhau mới được. Phải có thế, tức là để khích tiến nghề nghiệp của nhau lên, giữ thể-thống đối với bọn thợ, lòng tín-nhiệm đối với khách mua hàng, cùng là cái giá-trị của đồ chế-tạo mình bao giờ cũng có chừng mực, đừng nên thừa lúc người trong Nam đã chiếu-cố đến mình, mà có lòng tham bán của giả lấy tiền thật, chắc không được bền. Không cần xem đâu xa xôi, hãy xem mấy nhà công-nghệ Hoa-Kiều ở ta, nghệ gì họ chẳng có hội liên-hiệp của nghệ ấy, để gắn bó bênh vực cho nhau, cho nên cùng một thứ đồ ấy ở hàng này hàng kia, không bao giờ ta thấy tốt xấu cách nhau xa, giá cả cách nhau xa, mà cũng chẳng bao giờ có cái lối gièm hàng và cướp thợ của nhau như ta vậy. Tác-giả đã từng đem cái tình-hình công-nghệ của người Bắc ở trong Nam để phô-trương với một người Hoa-Kiều ở Chợ-Lớn. tức là có ý dò cái bụng phán-đoán của họ ra sao. Người này nói : « Các công

nên biết người Việt-Nam chưa bỏ nỗi cái tính ưa « đồ Tầu » đi được, nay các ông định đem « đồ của mình » thế vào, thì tất đồ ấy phải tốt, phải rẻ, thế mà xem cái hiện-tình công-nghệ của các ông trong này bây giờ : đồ chế tạo thì quyết nhiên không phải chúng tôi không cạnh-tranh được, còn thợ, thì chúng tôi chỉ dử tiền là cám dỗ được họ, các ông chủ công-nghệ, thì chúng tôi chỉ dùng kế nhỏ mà li-gián là tự làm hại nhau ngay..... » Bằng ấy lời đủ biết họ hiểu rằng mình không có cái nghĩa « đồng nghiệp liên đái » vậy.

Xem hết cái sự-thế như vậy, thì các nhà công-nghệ ta muốn kinh-doanh trong Nam-kỳ, có nên không liên lạc để bênh vực giúp đỡ nhau không ? Nếu không, thì không những là bị người ngoài thừa cơ ám hại, bọn thợ thừa cơ khinh nhờn, mà đồ chế-tạo ngày một kém suy, khách mua hàng ngày mất tin cậy, thì công cuộc tất nguy. Làm một công-cuộc gì, sự thành bại vẫn biết là việc thường, nhưng đối với nền công-nghệ Bắc mới hay là sắp xây dựng ở trong Nam, thì một công-cuộc nguy, cũng có quan-hệ đến đại-cục nhiều lắm.

Tác-giả dám chắc rằng : nền công-nghệ Bắc lập ở trong Nam thế nào cho chắc chắn vững vàng, có thế bành-trướng ra được, thì công-nghệ của Hoa-Kiệu, và ngay đến đồ chế-tạo của ngoại-quốc nữa, cũng chịu ảnh-hưởng sấu xa lắm vậy.

VII

Vấn-đề buôn bán của người Bắc trong Nam-kỳ. -- Trong Nam còn nhiều nghề nghiệp khác. dung được người Trung, Bắc-kỳ.

Trong trường buôn bán, trăm nghìn thứ hàng, song gồm cả chỉ có hai thứ : một là thứ hàng *vật sản*, một là thứ hàng *chế tạo*. Xứ Bắc buôn bán với xứ Nam, chỉ thuần ở hàng chế tạo mà thôi. Vì sự vận-tải kềnh càng tổn kém, cho nên giá đem hẳn công-nghệ vào trong ấy mà làm mà bán, thì tưởng cũng tiện-lợi lắm, vì trong ấy cũng sẵn nguyên-liệu, vả lại làm ngay đó bán ngay đó, thì thế nào cũng có giá rẻ hơn là chở ngoài này đem vào bán, dù cho làm ở trong ấy, mà có phải tổn kém vì đem người lôi thôi, thuê nhà đắt đỏ, chịu thuế nặng hơn đi nữa cũng vậy. Nhưng mà vấn-đề đem công-nghệ vào, dẫu biết có ích lợi đến thế nào, cũng chưa nhất đán giải-quyết được, mà còn phải đem ở ngoài này vào bán, thì cái địa-vị các nhà buôn bán người Bắc ở trong Nam quan-hệ lắm.

Tình-hình thương-nghiệp của người Bắc trong Nam bây giờ, trông thế mà chưa ra gì đâu : cho rằng ở Saigon, phố lớn như phố Catinat, là phố buôn của ngoại-quốc cả, cửa hàng rẻ nhất cũng phải thuê đến 100$ một tháng, thế mà cửa hàng Bắc cũng len lỏi vào được dăm bẩy nhà thật to; cho rằng ở các phố khác cũng có người Bắc buôn bán, và trong chợ Bến Thành, đàn bà Bắc cũng họp được riêng một dẫy bán các hàng vặt ; lại cho rằng đi khắp Lục-tỉnh đều có trông thấy người Bắc đeo gói đi bán hàng rong, nhưng thế cũng chưa có thể gọi là phát đạt được, bởi trong Nam-kỳ, đã có cơ-hội hay cho người Bắc buôn bán, lại là địa điểm tốt cho người Bắc buôn bán, thế mà ta tính cho kỹ gọi là cửa hàng của người Bắc-kỳ buôn bán, suốt Nam-kỳ dễ không được một trăm nhà, gọi là người đi buôn bán, dễ không

được hai trăm người, như thế thật là ít lắm, chẳng uổng mất cái cơ-hội hay, bỏ phí chỗ địa-điểm tốt lắm ư?

Thế nào là cơ-hội hay? Ta nên biết rằng xứ Nam-kỳ vốn xưa nay là bạn hàng của ngoại-quốc, thứ nhất là của Khách-trú, cho nên đối với hàng Bắc là hàng trong nước chế ra, tuyệt nhiên không có cảm-tình gì cả, mà cho là thường là xấu không dùng, duy có mươi năm trở về đây, nhất là sau khi tẩy chay Khách trú rồi, bấy giờ mới có lòng đoái thương đến đồ nội-hóa, và biết đồ nội-hóa cũng có thứ dùng thay cho đồ ngoài được. Tấm lòng ấy mỗi ngày một sốt sắng thêm, những muốn cho anh em ngoài Bắc vào mở mang buôn bán cho đông, để đối-thị với Hoa-Kiều, nghĩa là rất sẵn lòng chiếu cố đến hàng Bắc, thế thì chẳng phải cơ hội hay là gì?

Thế nào là địa-điểm tốt? Xứ Nam-kỳ tức là một cái cổng trước của nước ta, là một cái quán nghỉ chân ở giữa đường cho khách hai phương đông tây đi qua lại tất phải vào, chứ không như xứ ta ngoài này, ở lọt mãi vào trong, ai có cần lắm thì họ mới đến. Nay muốn quảng-cáo cho đồ chế-tạo của mình, mà mình chưa có thể nói đến truyện xuất thân ra ngoại quốc lập tiệm buôn bán được, thì còn có chỗ nào, dễ khiến cho người-ngoại-quốc đi lại ghé mắt vào hơn là Saigon, vì thế nói xứ Nam kỳ thật là cái địa-điểm rất tốt cho cuộc buôn bán của người Bắc.

Như thế tưởng các nhà có tư-bản và có tài buôn bán ở ngoài ta, nếu có chí kinh-doanh to tát, mà lấy chỗ đất ngoài này, có điều chật hẹp và bất lợi cho sự tiến-hành của mình, thì nên vào Nam-kỳ mà buôn bán, chắc không lo không phát đạt vậy.

Buôn bán là làm giầu cho mình, cho mình tức là cho nước, ai cũng biết thế, song le vào Nam-kỳ buôn bán bây giờ, đã sẵn có cơ-hội hay, địa-điểm tốt, thì ta cũng phải biết lợi-dụng theo đường chính-nghĩa mới được, chớ có quá sinh lòng tham của một mình, mà có hại đến cả đại-cục. Cứ cái hiện-tình bây giờ, có người kêu rằng thương-nghiệp của người Bắc trong Nam có

cơ nguy, thiết nghĩ không phải là không có cớ đâu, mà cũng chẳng phải là lo xa gì lắm vậy.

Hiện nay, trong đảng người Bắc buôn bán ở trong Nam, ta có thể chia làm hai phái : một là phái dọn cửa hàng, hai là phái bán hàng xách, mà hình như phái nào, cũng có chỗ tự rước cái cơ thất-bại vào mình cả, là bởi quá sinh lòng tham. Thật thế, nhiều người Nam phải kêu rằng : hàng Bắc xấu quá, hàng Bắc đắt quá ; xấu là tại một vài người bán hàng điêu chác, đắt là tại một vài người bán hàng tham lam, chứ thật bản-chất và nguyên giá của hàng Bắc thật không đến nỗi quá xấu và quá đắt vậy. Nhưng người Nam kêu thế, không phải là sai đâu, tác-giả đã nghiệm kỹ ra rằng : nhưng đồ Bắc đem vào đến Nam-kỳ, thì cái giá thường lên gấp đôi gấp ba, có khi gấp bốn cái giá ở ngoài này, đổ tại công cước nặng, và trong ấy tiền nhà cửa đắt, và thuế môn-bài cao, cho nên phải bán thế mới được, nhưng tưởng tiền công-cước nặng, tiền nhà cửa đắt, thuế môn bài cao đến đâu, (kỳ thực chỉ hơn độ gấp rưỡi ngoài này mà thôi) thì quyết giá hàng cũng không lên vọt quá như vậy được, bởi thế thành ra anh em trong Nam-kỳ, ai chưa ra đến ngoài này, là chỗ công-nghệ sản-xuất bao giờ, thấy bán ở trong ấy, thích mua thì cứ mua và nghĩ là rẻ, còn ai đã từng ra ngoài này, thứ nhất là xem Hội Chợ về, thì thật không dám mua đồ Bắc bày ở thị-trường trong ấy nữa, có mua cũng phải gửi ra ngoài này, vì được giá nhẹ và tốt hơn. Lại tệ nhất là phần nhiều quan viên đeo gói bán hàng xách, một bọc đằng sau lưng, đủ cả the lụa, đồ thêu, đồ khảm v.. v.., đi bán khắp ở Lục-tỉnh, vì họ tính cả tiền *ăn cao lâu, ngủ khách sạn* vào đó nữa, cho nên thứ hàng gì cũng bán đắt hết sức, lại phải cái thói điêu chác, thí dụ như bán the lụa, người ta đòi mua thứ tốt, thì lại lộn xòng thứ xấu, mà giá bán cũng chẳng rẻ gì, người Nam tin thật, mua về may mặc ít lâu phải quăng đi ngay, thì yên trí rằng hàng Bắc không ra gì, bận sau cạch không dám dùng nữa. Tình cảnh như thế, anh em Nam-kỳ ta cũng hiểu lắm, cho nên có nhiều người đề-xướng lên việc mua bán trực-tiếp với ngoài Bắc, mà không muốn

gián-tiếp do mấy tiệm buôn bán của người Bắc trong Nam bây giờ vậy. Ôi! ta nên biết rằng: lúc mà anh em Nam-kỳ ta sinh ra lòng ác-phẫn Hoa-Kiều mà tẩy-chay họ, thì tức là lúc có cảm-tình, có tín-nhiệm đến hàng hóa Bắc lắm, thế thì tưởng ta không nên phụ lòng, phải buôn bán thật thà hẳn hoi, để giữ mối hàng cho lâu dài, mới mong có cơ mở mang ra được, chớ có nên thừa lúc anh em tin cậy đến, mà tha hồ sinh cái lòng tham của mình, tuy mình có vơ vét được nhiều, nhưng làm hại cho toàn cục ở trong chỗ vô hình, thật là không nhỏ. Nếu cứ như thế, thì tưởng anh em Nam-kỳ ta đã từng gây lên cái phong-trào tẩy-chay khách-trú năm nào, nay mai dễ lại gây lên cái phong-trào *tẩy-chay hàng Bắc* nữa, biết đâu? Đến bấy giờ thì còn gì là tình anh em Nam, Bắc? Còn gì là thương nghiệp của mình trong Nam-kỳ? Còn đâu là chỗ tiêu-thụ cho đồ chế-tạo của Bắc nữa? Nghĩ mà lo thay!

Song le, sự thế ngày nay, còn có chỗ khôi-phục lại được, miễn là mấy nhà buôn bán — hoặc đã ở hoặc sắp vào Nam-kỳ — cho có lương-tâm là đủ. Không ai cầu phần nhiều các ông phải nói rằng: mình vào buôn bán như thế, là chấn-hưng thương-nghiệp của nước mình, và cạnh-tranh lợi-quyền với Khách-trú, vì có cái nghĩa cao quá, mà chỉ cầu rằng các ông buôn bán cho *phát tài*, do cái nguồn đứng đắn, thật thà, và trong-sạch mà ra; trước hết là đừng có tham lắm.

Ai lại không hiểu rằng: một thứ hàng, đem từ ngoài Bắc này vào, trải mấy lần chuyên chở, mà trong ấy, nhất thiết từ nhà cửa, ăn uống, thuế má đều đắt cả, thì tự nhiên thứ hàng phải cao hơn chỗ xuất-sản của nó, nhưng cái giá cao đó cũng có chừng mực mà thôi, không có thế gì cao lên cho tới gấp đôi gấp ba được. Ta xem như những đồ hàng Tây mua ở bên này, so với những đồ hàng mua tận bên Tây gửi sang, chở qua đại-dương hàng tháng mới tới, thì cũng không thấy đắt hơn bao nhiêu, phương chi từ Bắc vào Nam, có xa xôi tốn kém gì cho lắm mà kể. Nếu bảo trong nghề buôn bán, có thứ hàng, vì bằng không

bán đắt lên, thì nhà nghề có chỗ chịu thiệt thòi, không nói với ai được; thế thì nên chia ra tùy thứ hàng bán đắt bán rẻ mới phải. Nếu thế, có thứ hàng thích dụng cho những người sang-trọng giầu có, thứ hàng ấy dẫu bán đắt cũng không sao, còn những thứ hàng nào thích dụng cho những người ít tiền, là phần đông người nhất, thì nên bán rẻ một chút, lấy chỗ bán được nhiều làm lợi nhiều, còn hơn là bán nhiều mà lợi ít vậy. Hàng Bắc, như đồ khảm, đồ đồng, đồ chạm, những cái to tát lềnh kềnh nhưng chế-tạo rất khéo, đem vào Nam-kỳ chỉ bán cho người ngoại-quốc hay là mấy ông triệu phú người mình, thì dẫu vốn nó 100$. bán lên 200$. hay là 200$. bán lên 400$. cũng được, vì những đồ ấy ai sẵn tiền mà thích dùng thì mấy cũng mua, đã mua thì mình bán đắt mấy chẳng hệ gì, chớ đến những hàng thường dùng nhất như là cái áo the hay đôi guốc v...v... thì phải bán rẻ lắm mới phải, chỉ nên cao hơn chỗ xuất-sản đôi chút mà thôi. Cớ gì cái áo the hạng tốt ngoài này chỉ độ 5$. đem vào bán lên tới 7$, 8$, đôi guốc vốn chỉ có 14$. một trăm là kể cả cước, thế mà đem vào bán tới 0$ 30 một đôi, thế chẳng phải là đắt, thì còn gì nữa.

Nay muốn cho các nhà buôn bán trong Nam, từ cửa hàng cho đến hàng xách, đều giữ được một mực thăng bằng cả, thì phải làm thế mà ước hẹn nhau ? Ước hẹn nhau mà không giữ được đúng, thì hóa ra nhà nọ chẳng làm nguy cho nhà kia lắm ư ? Vì thế mà các nhà buôn, người Bắc ở trong Nam, phải có đoàn-thể với nhau lắm mới được Thường tình của người ta, mấy ai thoát khỏi được tấm lòng tư-lợi thứ nhất là trong cái nghiệp buôn bán, thì tấm lòng ấy càng nặng lắm nhưng cũng đừng có quá vụ tư-lợi, mà mất tin của khách mua hàng, và làm hại những bạn đồng nghiệp, như câu truyện « mua dạ làm mũ » đã thuật ở đoạn trước, mà phải cùng gắn bó với nhau, khi giá hàng cao thì cùng cao, khi giá hàng hạ thì cùng hạ, đừng có kẻ thế này, người thế kia, làm loạn cái lòng tin của anh em Nam-kỳ lên, chẳng biết hàng Bắc thế nào là phải giá nữa. Không nói thì ai trông thấy cũng biết rằng : Hoa-Kiều buôn bán ở đâu, cũng có

đoàn-thể lắm, chẳng có ký giao-kèo gì với nhau cả, mà rõ họ buôn bán, hình như có luật nhất dịnh, hay nhất là họ đi đâu cũng ở quần-tụ lại với nhau một khu hay là một dãy phố, để chống đỡ bênh vực cho nhau, cái gương ấy ta nên theo lắm.

Người Bắc vào lập tiệm buôn bán ở Saigon bây giờ, tưởng có cần chi cứ phải ở phố Catinat mới bán hàng được. Vẫn biết phải ở phố ấy là phố tấp nập nhất thì dễ buôn dễ bán, nhưng mà tiền nhà cửa đắt quá, ta thấy có tiệm Bắc, thuê đến non 200$ một tháng, ít lắm cũng phải 70$ hay 80$00, có khi tranh nhau thuê cái cửa hàng. mà phải các cho nhau đến hàng 5, 700$ hay nghìn bạc, là chưa nói đến ; thành ra chỉ chạy tiền nhà là đủ vất vả. Ai chịu tiền nhà ấy cho ? Đồ hàng hoá, đáng lẽ đồ hàng hoá không đắt, nhân thế mà đắt vậy. Vì tưởng lầm rằng phố ấy mới là cái địa-điểm cần dùng cho mình, phải thầy thợ và tranh dành nhau lắm mới đặt chân vào nổi, cho nên ta thấy nhiều nhà buôn của người Bắc mình, tự vị-trí mình vào đó là bởi gắng gượng, hoặc cố lấy chỗ đó để thanh-trương với người ta, và lấy thế vay nợ mấy ông sét-ty cho dễ, nhiều ông đã từng thất-bại, ấy là chứng cớ rõ ràng đấy rồi. Nào có nghĩ đâu rằng : hàng Bắc muốn cho ai nấy đều biết đều chuộng, chẳng cần gì lấy phố Catinat làm chỗ chiêu hàng mới được, mà chỉ nên chiêu hàng ở chỗ « buôn bán thật thà, hàng hoá tốt và rẻ » mà thôi, thì trong thành-phố Saigon, không thiếu gì chỗ cũng tốt và rẻ tiền hơn : như những phố Charner, Pélerin, Espagne và Amiral Courbet v...v .. Thế thì tưởng người Bắc nên mở tiệm buôn bán ở những phố ấy hay nếu cùng tụ họp với nhau được nguyên một dãy phố, bắt chước như bọn Hoa-thương thì càng hay, gọi hẳn là « phố người Bắc » : bấy giờ khách Lục-tỉnh lên Saigon mua hàng, hay là người ngoại-quốc đi qua, muốn xem cuộc buôn bán và đồ chế-tạo của người bản-xứ, tự khắc phải đến đó mà xem, miễn làm sao mình khiến cho người ta phải chú ý đến mình là được vậy.

Đoàn-thể về hình thức thì như thế. còn mặt tinh-thần, thì

thiết-nghĩ dẳng thương gia Bắc-kỳ vào trong ấy buôn bán, phải tổ chức với nhau ra một cơ-quan gì, thí dụ như Phòng Thương-mại, để làm trụ mới được. Người Bắc buôn bán thịnh-vượng như thế, sao không lập ra một phòng Thương-mại Annam, điều ấy không những người mình lấy làm lạ, mà người Pháp như ông chủ báo *Eveil Economique* là M. Cucherousset cũng lấy làm lạ, và từng nói rằng : « trong lúc ở xứ Đông-Pháp này, chỗ nào cũng có Phòng Thương-Mại Tây, và ở Chợ-Lớn cũng còn có Phòng Thương-mại của Hoa-Kiều, sao người Annam không có lấy một phòng Thương-Mại riêng, để mưu mở mang và bênh vực việc buôn bán của nhau ? » Tự người mình không làm chăng? Tự Chính-phủ không cho làm chăng ? Cái đó ta không biết, nhưng chỉ biết rằng : người mình bây giờ, cũng có nhiều người đủ tư-cách để chủ-trương riêng một Phòng Thương-mại lắm vậy. Tuy thế, dầu có lập ra được chăng nữa, chỉ nên lập ở Hanoi là chỗ trung-tâm của Thương mại và công nghệ ở ta mà thôi, chứ một số ít người Bắc buôn bán trong Nam ; chưa cần gì đến. Phòng thương- mại cho lắm. hãy cần lấy một cơ-quan gì như là hội « Thương-gia liên-hiệp » (Syndicat des Commerçants Tonkinois), để bênh vực lấy quyền lợi, khuyến-khích lấy nghề nghiệp cho nhau là đủ, không nữa thì có một tờ báo làm cơ-quan cũng hay.

Giá có được tờ báo, chỉ xuất-bản mỗi tuần lễ một lần, thì cũng có lợi được cả hai mặt : một mặt là làm hẳn ngay như tờ «Thương-vụ chu-san » (La semaine commerciale, 商務週刊), trong chỉ biên toàn tin tầu, giá ngũ-cốc và hàng hóa vật sản của Bắc-kỳ. do một hội buôn nào ở ngoài này làm thông tin cho, như thế thì khiến cho anh em Nam-kỳ ta dễ sự mua dùng hàng Bắc, vì đã có biểu giá rõ ràng, dẫu nhà buôn có muốn tham lam cũng không được ; một mặt để giữ gìn lấy danh dự mình, ta nên biết rằng : trong Nam hãy còn một số ít người, hoặc thấy người Bắc làm mất lòng tin, hoặc thấy người Bắc hành-động mạnh,

mà sinh ra ác cảm với bọn « *cọc cạch* » (1), cái thái-độ ấy có khi tỏ rõ ra lắm, là thường thấy trèo lên trên tờ báo nữa, cho nên tưởng người Bắc cũng nên có lời gì đáp lại, không phải là cãi nhau, mà là phân giải, cốt sao giữ lấy cái tình nghĩa anh em cho vững. Hoặc có người hỏi tiền đâu mà duy-trì lấy tờ báo ấy được, thì tưởng cũng không khó, chỉ mỗi nhà buôn bán (riêng các nhà buôn Bắc thôi) đăng cho một cái cáo-bạch, to thì 20$. nhỏ thì 5 hay 10 $. độ vài chục nhà như thế là đủ giữ sống được tờ báo ấy, mà có thể nay tỉnh này mai tỉnh khác, gửi không đi chiêu hàng, không cần phải bán cho ai cả. Ngày trước tác-giả đã bàn định đem tờ « *Nam-kỳ kinh-tế-báo* » riêng làm cơ-quan buôn bán của người Bắc kiều-thương trong Nam, y như là báo « *Nam-Kỳ Hoa-Kiều Nhật-Báo* » của Khách trú ở Chợ Lớn vậy, song không được mấy ông tán thành, ý hẳn sợ khai cái giá-mục hàng-hóa cho phân-minh ra, thì khó bán đắt sao ? Từ bấy đến giờ, loanh quanh vẫn có hội Bắc-kỳ nghĩa-trang, mỗi năm đánh vài bữa chén say, thèm mấy nấm đất mới.......... chỉ lo « *chết không có chỗ chôn* » thôi.

Lại còn mấy nhà buôn ở ngoài Bắc này nữa. Thường thấy anh em Nam-kỳ ta vẫn phàn nàn rằng : « Mình muốn tránh sự mua đồ Bắc ở trong này phải đắt đỏ, nên mới gửi thẳng ra tận tồ mà mua, ai dè mấy ông ngoài ấy, lần trước thì còn gởi hàng tốt, chuyến sau thì gởi thứ vừa, chuyến sau nữa thì gởi thứ xấu, mà cái giá có khi lại đắt hơn mấy tiệm bán trong này, thiệt không sao mà tin cậy được » Điều trách ấy không phải là nói sai, ấy cũng chỉ tại mấy nhà buôn ngoài này tham quá. Nếu không mau chấn-chỉnh lại, và trừ cho tuyệt sự tham lam man trá kia đi, mà mất mối hàng Nam-

(1) Ấy là cái tên riêng mà anh em trong Nam ta dùng dể chỉ người Bắc, không rõ là nghĩa làm sao, cũng tức như gọi Hoa-Kiều là « *Chệt*, » gọi người Quảng-Bình là « *tụi ghe bầu* », gọi người Huế là « *tụi vàng chân* », mà gọi chung người Trung-kỳ là « *đồ Huế* » vậy. Song đó toàn là tên gọi đùa, không nên lấy gì làm quan-hệ.

kỳ, thì thương, công nghiệp của ngoài Bắc nguy vậy. Ôi ! Đối với các nhà công-thương Bắc, dù ở ngài hay ở trong Nam cũng vậy, xứ Nam-kỳ tức là « con gà đẻ trứng vàng » của họ, nếu tham mà vội mổ, thì chẳng có gì đâu !

*
* *

Ngoài nghề làm ruộng, đi buôn, làm nghề ra trong Nam-kỳ còn nhiều công-việc lặt vặt, có thể dung được người Trung, Bắc vào bao nhiêu, tưởng cũng không lo hết.

Tác-giả vẫn nói mãi rằng trong Nam-kỳ thiếu nhân công lắm, đến nỗi ở các châu-thành, thì công-việc như thợ mộc, thợ nề, thợ giặt, cho đến vót đũa đan rổ gánh nước kéo xe bò v... v... nhất thiết là các chú làm hết, mà ở nhà quê, mướn được người cày cho thửa ruộng, hay là đứa ở đi cắt cỏ chăn trâu cũng khó ; bọn người làm được những công-việc ấy ở ngoài này thừa nhiều, sao không tìm cách vào trong ấy kiếm việc mà làm ăn. Nhân công ngoài này đã được tiếng là chăm chỉ, cẩn-thận, dễ bảo, như thế thì vào trong Nam-kỳ sẽ được hoan-nghinh, vả chăng trong ấy cũng cần dùng đến mình lắm. Thứ nhất là bọn trẻ con ở nhà quê ngoài mình, thường vì cái cảnh-ngộ nhà nghèo thất học, lớn lên đi bắt ốc mò cua, cả ngày không kiếm đủ bữa, đói rét khổ thân, thì nên tìm cách thế nào cho chúng, hoặc là theo ghe, theo mành, vào trong Nam-kỳ mà làm thuê làm mướn kiếm ăn, họa mai sau có dịp gì mở mày mở mặt ra được, còn hơn là cứ sống mãi ở ngoài này, thành ra bọn người trọn đời vô giai-cấp, vô sinh kế. Việc này đã thấy anh em Trung-kỳ ta làm nhiều, và thấy có hiệu-quả hay lắm : là nhờ bọn lái mành người Quảng-Bình, thường đem theo những con nít độ mươi lăm tuổi vào bán cho người Nam-kỳ nuôi làm đứa ở, thành ra những chốn nhà quê ở Nam-kỳ bây giờ, ta thường thấy có nhiều nhà nuôi người Trung-kỳ lắm. Ta chỉ phàn nàn một điều là trong sự bán đó, có khi là bán thật, có khi là bán lừa, khiến cho trong ấy người ta mất tin, là có ông lái mành đem trẻ con vào bán

độ mười lăm đồng, làm giấy hẳn hoi rồi, đứa trẻ con ở lại, còn ông lái thì ra mành, nhưng họ đã dặn dò ước hẹn thế nào không biết, chỉ biết được một vài ngày, thì đứa kia trốn đi, tưởng đi đâu, té ra xuống mành, để ông lái đem đi bán chỗ khác để kiếm mươi mười lăm đồng nữa. nhà chủ mất của mất người thật, nhưng ông lái đã thẳng buồm xa khơi rồi, biết đâu mà kiếm nữa, thấy nhiều nơi bị cái lối « láu » mà mấy bác lái mành làm như thế, thành ra mấy chỗ nhà quê, dù có muốn mua người cách ấy nữa, cũng vẫn chờn và ghét cái bọn « *ghe bầu* ». thế là một vài kẻ làm bậy, hư cả tiếng phần đông, đáng ân hận quá. Mong rằng anh em trong Nam ta cố bắt cho được những kẻ « buôn người lừa đảo » ấy đem ra pháp-luật, trị tội cho nghiêm, để cho kẻ khác sợ, vì cái tình tệ của chúng lừa dối còn nhiều, không những gì một câu truyện đã nói.

Trong Nam-kỳ lại còn nhiều chỗ cho đám nhà nho ngoài mình dung thân được nữa. Hoặc có ông ngờ là tác giả nói chơi, nhưng mà là nói thật. Trong Nam kỳ tuy là chịu cái văn-hoá mới rộng hơn ngoài ta thật, nhưng mà dân tâm vẫn là thuần-hậu, tục-thượng vẫn còn cổ-phong, còn nhớ đến tổ, đến vua, biết đến giống nòi và lịch-sử lắm, chớ không phải đã biến hoá hẳn, theo như nhiều người đã tưởng lầm đâu Cho nên trong dân-gian, ta vẫn thấy nhiều nơi còn học chữ nho, còn chơi câu đối, cũng tin địa-lý, cũng ưa thuốc ta, cũng sùng việc lễ bái, cũng tin việc bói toán v...v... chỉ vì những kẻ làm việc ấy, thì trong Nam ta không còn mà thôi. Vậy tưởng bọn nhà nho thất-cước nào ở ngoài mình, loanh quanh mà chẳng mưu được việc gì để tự-hoạt, thì nên đánh liều mà lưu-lạc vào Nam-kỳ một phen, làm những nghề « phiếm » ấy, tuy là bất-đắc dĩ thật, nhưng mình cứ lấy chính-nghĩa mà làm, nghĩ cũng chẳng có hại, rồi nhân đó tìm lấy cơ-hội xuất thân, chưa chắc đã không có phen đạt được mục-đích, ta thấy nhiều ông đồ Nghệ Tĩnh, lưu-lạc vào trong Nam-kỳ dạy học và làm thuốc rất đông, mà trong số ấy đã có nhiều người lập nên được cơ-sở hẳn hoi, ấy là một chứng cớ vậy.

Sau hết, những người học hành giỏ dang ở ngoài mình, hoặc là có một chuyên-nghệ gì trong tay, mà vì ngoài này khó khăn, không thừa địa-vị cho mà đứng, thì cũng nên lần mò vào Nam-kỳ kiếm việc ở các hãng buôn và cửa tiệm mà làm; người mình đã được tiếng là chăm chỉ, dễ bảo, cho nên các hãng buôn — thứ nhất là của người Pháp — thích dùng người Bắc lắm, thế thì lo có kẻ không dám cất bước, chớ không lo không có chỗ làm vậy.

Nói tóm lại, ngoài này ta vẫn đồn nhau rằng: Trong Nam-kỳ là xứ dễ làm ăn lắm, thì thật thế không sai!

MẤY LỜI NÓI SAU HẾT.

Sau hết, tác-giả còn muốn nói mấy lời nữa.

Trong trường kinh-tế của nước mình, không những gì có toán đại-địch mấy mươi vạn người Hoa-Kiều là cái vạ ngay trước mắt mà thôi đâu, lại còn cái vạ sau lưng nữa cũng ghê gớm lắm : là cái vạ người Nhật. Nay mai, điều ước Pháp-Nhật ký xong, xứ Đông Pháp này ở giữa, có lợi to mà chưa chắc không có hại lớn, vì cái tài thực-dân của người Nhật còn giỏi gấp mấy người Tầu, ở Californie mà nước Mỹ thấy hại cho sự sinh-hoạt của dân mình, nên phải mời 30 vạn ông ấy đi là thế. Đến nay mai thị-trường ta thêm cờ buôn của Nhật, đồ công-nghệ chế-tạo của Nhật nữa, thì lo ta không còn đất để chân, mà mấy người Nhật sang kinh-doanh bên nước mình thế nào cũng phải xung đột với người Tầu, để tranh quyền cướp lợi, bấy giờ hai ông xung-đột với nhau, ta ở giữa làm cái trường giao-chiến của họ, thì không phải đầu tất phải tai, khỏi bị thương làm sao được. Sự-thế ấy chóng hay chầy, liệu cũng có ngày tới, nếu ta không tính cái phương công-thủ trước đi, bấy giờ hai mặt bị đánh cả, chẳng cũng nguy lắm ư ?

Bởi thế cho nên tước bớt cái thế-lực Hoa-Kiều đi, là một việc phải làm gấp lắm vậy. Muốn tước bớt cái thế-lực Hoa-Kiều, mà phải dùng đến kế di dân, kể cũng là hạ sách đó, vì việc ấy nếu chính là quyền Chính-trị phải can thiệp vào thì mới mau thành công được ; song có hạ-sách cũng còn hơn là không. Cách di dân không phải là một « miếng võ » ta đánh người Hoa-Kiều ngã ngay được, mà là miếng võ rất hiểm, thương-tích đến hàng mươi lăm hay hai mươi năm sau này mới lộ ra, tuy công-phu bây giờ nhọc nhằn, nhưng được điều là kết-quả chắc chắn lắm, miễn là mình ra sức cho mạnh-bạo mà thôi

Hay không nói di dân vào Nam-kỳ là cách tước bớt thế-lực Hoa-Kiều đi nữa, thì việc di dân cũng là cần; bởi là anh em giống nòi, tất phải cùng nhau vui cười, cùng nhau than khóc,

cùng phải đồng lao cộng tác với nhau. trong chỗ u-minh, tổ tôn ta bảo phải như thế. Phương chi, nói ngay một vấn-đề mưu sinh thì việc di dân có quan-hệ cho cả cuộc sinh hoạt và tương lại của mấy xứ, ta mưu sinh của ta, mà trong chỗ vô-hình, tự nhiên có xung-đột với khách trú vậy. Cái tình Nam Bắc liên lạc, phải từ đó mà ra, chớ không trông gì ở sự lấy văn tự rêu rao cùng là cách giao-tế giả dối mà nên được.

Vẫn đã hay rằng: vấn-đề di-dân này khó quá. Khó là có tiếng xướng mà chưa từng thấy có tiếng họa theo. Đó, trong lúc xứ Nam-kỳ đang cần bao nhiêu nhân-công, mà người mình lại phải đâm đầu sang Nouvelle-Calédonie là một xứ chẳng có lợi hại gì quan-hệ đến việc mình; trong đất Việt-Nam, đâu cũng là lĩnh-thổ của cha ông ta ngày xưa. mà con cháu bây giờ đi lại với nhau có nhiều chỗ ngăn-trở; trong lúc ta đã có Chính-phủ Pháp bảo hộ cho, thế mà quyền-lợi gì của ta, người Tầu cũng lũng đoạn được hết, và mỗi ngày họ một tràn lấn cả ta; trong lúc hoàn cầu muốn chém giết nhau chỉ vì một cái quyền lợi kinh tế, như Nhật và Mỹ vì 30 vạn dân bị đuổi ở Californie về, như Ai-cập đang đòi lại đất Soudan ở tay người Anh, như dân Géorgie cách-mạnh Chính-phủ Nga, chỉ vì muốn gỡ cái vạ cộng-sản, nói tóm lại một việc gì xẩy ra ở thế giới bây giờ, mà sau này có đánh nhau, trong cũng chỉ tại tranh nhau một cái mối hàng, một mỏ dầu-hỏa, hay là một vài miếng đất mà thôi; ấy việc đời càng gần càng kíp như vậy, thế mà người mình chỉ những mơ màng về văn-chương, về danh-vị, về cái lối « thù phụng cho khéo », để người ngoại-quốc như người Tầu móc cơm lột áo mình ra lúc nào mà không biết. . . . Ôi! đói, rét, hèn, yếu, là bốn cái bệnh nặng ở đời, sinh ra tại giời, tại cái hoàn-cảnh, hay là tại cảnh ngộ? Chỉ là tại người.

Thật thế, muốn làm việc gì cũng vậy, người cốt có *lòng* gây trước, rồi lấy *khí* đẩy theo, thì đủ chế thắng được cả mọi sự ngăn trở, giời làm gì, hoàn cảnh làm gì, cảnh ngộ làm gì được. Vấn-đề di dân này muốn giải-quyết được cần phải thế, ấy là lời hô sau hết của người viết cuốn sách này vậy.

MỤC LỤC

PHẦN THỨ HAI

Bàn việc di dân vào Nam-kỳ

Sửa những chỗ sai

SỐ TRANG	SỐ RÒNG	CHỖ IN SAI	XIN ĐỌC LÀ
7	27 (cuối ròng)	. . . Không *nó*, gì là. . .	. . Không *nói* gì là. .
11	12	. hy-vong lớn lao ta.	hy vọng lớn lao *của* ta
17	12 (đầu ròng)	. . .hoang *cắc* như. . .	. . .hoang *tắc* như. . .
25	31	*Tuy* ở sức đóng thuế	.*tuỳ* ở sức đóng thuế.
41	1 (ròng đầu)	nèn *nghe* buôn bán.	.nên *nghề* buôn bán.
47	Ròng cuối về chỗ chú cước	1· — Lại là một người	1· Lại *bị ngờ* là một ng.
56	30	.Trừ *hai* cơ-quan ấy.	Trừ *cái* cơ-quan ấy
60	Ròng cuối)	. . . . . .an công.	. . . . . . *công an*. . . . .
71	5	.*lựa* dất nào dề giồng. giọt, *lựa* dất nào dề .người ở.	. .*lựa* (nghĩa là thừa. . theo tiếng nói Trungkỳ)
75	6	. . .được một vài hào . *ngoài* này chỉ thế. .	. trên đầu chữ *ngoài*. còn sót một cái dấu (
87	8	. làm *mối* giới cho. .	.làm *môi* giới cho.
113	15	. nhiều đất cát *de* họ	,nhiều đất cát *để* họ
125	8	Hội-đồng *Quản*-hạt. . .	. .Hội-đồng *Quản*-hạt. .

Trong khi in vội, chắc còn có nhiều chỗ sai nữa, xin độc-giả lượng-thứ.

SÁCH SẮP XUẤT BẢN

Vì đâu có chủ-nghĩa xã-hội

Thế giới ngày nay, đâu cũng sùng-bái cái chủ-nghĩa xã-hội (le Socialisme), song tưởng có nhiều người mình chưa hiểu cái chủ-nghĩa ấy vì đâu mà ra, vậy tôi định biên-dịch quyển này, để hiến những nhà muốn nghiên cứu cái chủ-nghĩa ấy.

*
* *

Những bậc đại-vĩ-nhân ở thế-kỷ thứ 20

Những bậc người như ông Wilson nguyên Tổng-thống Mỹ và vừa tạ thế mới rồi, ông Lénine dựng ra cái chế-độ công-sản bên Nga, ông Mussolini lập ra đảng Phát-xít (Fascisme) bên Ý, vua Guillaume II nước Đức gây lên cuộc đại-chiến năm 1914-1918, mà đổi được mặt thế-giới, và ông Gandhi, là một nhà đại-cách-mạnh bên Ấn-độ, đề-xướng lên cuộc vận động « bất hiệp-đồng » (La Non-Coopération), toàn là những bậc đại-vĩ-nhân ở đầu thế-kỷ thứ 20 này, làm kinh-động cả thế-giới, thế thì lịch-sử và công-nghiệp của các ông ấy thế nào, ta cũng nên biết.

Tôi định biên-dịch những truyện các ông ấy, chia ra từng tập, lục tục xuất bản.

SÁCH CỦA VŨ-ĐÌNH-LONG

ĐÃ XUẤT BẢN:

Chén thuốc độc
(Truyện thày thông Thu). . . . . 0$40

Tây-Sương tân-kịch
(Sự tích Thôi Trương). 0,40

Tòa án lương tâm
Truyện cô giáo Quý. 0,30

Quốc-văn độc-bản
(Lớp nhì và lớp nhất. 0,40

Anh-hùng-náo
Tiểu thuyết Tầu rất hay,
Trọn bộ 5 quyển, mỗi quyển. 0,25

Tục Anh-hùng-náo
Tiếp với bộ trên, đã ra
Quyển thứ nhất. 0,25
Đang in mấy quyển tiếp theo

SÁCH SẮP XUẤT BẢN:

Kim-vân-Kiều khảo-luận
1° Chú thích
2° Nhân vật
3° Văn-chương.

Có nhiều bức vẽ người và vẽ cảnh. . . . . 1$00

Tiểu-học Toán-pháp 1,00

Thiên-phương nhật đàm (tiểu-thuyết). 0,90